

LUẬT TỬ PHẦN GIỚI BỐN NHƯ THÍCH

QUYỂN TƯ

Đời nhà Minh, đất Quảng Châu,
thầy Sa môn Thích Hoàng Tấn,
hiệu Tại Tham (dịch).

4.- PHÁP XẢ ĐẠO (chia làm ba)

- a/ Nêu chung
- b/ Chia riêng
- c/ Kết hỏi

a/ NÊU CHUNG

CHÍNH VĂN : Thừa chú Đại đức, đây là 30 phép Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề, mỗi nửa tháng tụng, rút trong giới kinh.

CHÚ GIẢI : Ni Tát Kỳ, Trung Hoa dịch là : Xả. Ba Dật Đề có nghĩa là : Đọa. Lại có chỗ giải chữ "Ni" là : Hết, "Tát Kỳ" là : Xả.

Nghĩa là : Những của cải bị phạm kia, đều phải đem xả hết cho chúng Tăng, hoặc xả cho nhiều người, hoặc xả cho một người, không được xả cho biệt chúng.

Chữ Xả nghĩa là : Cúng hay cho.

Đã xả vật rồi, còn tội đọa phải đối với chúng Tăng mà sám hối. Tội đọa trong đây cũng đồng với 90 tội ở sau.

Song, tội đọa của đại Tăng, cộng có 120 món, mà đây lựa ra có 30 món, vì chứa của cải mà sinh phạm, vì tâm tham lam quá mạnh, nên Phật dạy phải xả cho chúng Tăng.

Còn 90 giới Ba Dật Đề sau, không vật chi phải xả, vì thế nên khác, 30 món này gọi là : Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề.

b/CHIA RIÊNG

Giới thứ nhất CHỨA Y DƯ

CHÍNH VĂN : Nếu Tỳ Kheo, ba y đã đủ, và y Ca Hi Na (y công đức) đã xả; được chứa y dư trong 10 ngày, không làm phép tịnh thí được chứa. Nếu qua 10 ngày, phạm Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề.

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại nước Xá Vệ, dạy các thầy Tỳ Kheo phải giữ ba y không nên dư. Bọn Lục quần Tỳ Kheo sớm mai, trưa và chiều, hai thời đều chứa y dư, nên Phật mới cấm không cho.

Bấy giờ ông A Nan được y phẩn tảo, muốn cúng cho ngài Đại Ca Diếp, vì ngài thường hay tu hạnh Đầu đà, cũng thường mặc y này, nhưng ngài mắc đi vắng. Ông A Nan sợ phạm chứa y dư, mới đến bạch Phật. Phật hỏi : Ông Ca Diếp chừng mấy ngày nữa mới về ? Ông bạch rằng : “Chừng 10 ngày

nữa". Phật nhân đó mà kiết giới, cho chứa y dư đúng 10 ngày vậy.

Ba y đã đủ là sao ? Nghĩa là : Ba y của thầy Tỳ Kheo đã đủ; y Ca Hi Na (*y công đức*) đã xả, cũng gọi là y đủ. Không thọ y công đức, cũng gọi là y đủ. Do nhờ thọ y công đức, mà trong năm tháng được chứa y dư, và được hưởng luôn năm việc mà không phạm giới; không thọ y công đức cũng được chứa y dư, và luôn năm việc trong một tháng.

Do nhờ ông kiết hạ có công đức, tuy ông không thọ y công đức, cũng thưởng cho ông năm việc được tự tại trong một tháng. Y công đức đây thọ ngày 16 tháng 7, đến ngày rằm tháng chạp (*tức là ngày lập trừ*) chúng Tăng làm phép Yết Ma đặng xả, nên gọi là đã xả.

Chứa y dư là sao ? Nghĩa là : Trừ ngoài ba y của mình thọ trì, và chứa y vật dư, những đến miếng vải bề dài tám ngón, bề ngang bốn ngón tay của Phật, đều gọi là dư vậy.

Y có 10 món :

- 1) Y Dã tâm miên (*y bằng tơ lụa*)
- 2) Y Kiếp bối (*y vải*)
- 3) Y mao (*y dệt bằng lông*)
- 4) Y Sô ma (*bằng gai*)
- 5) Y Thô bố (*bằng vải to hay lấy cỏ dệt thành*)
- 6) Y Phiến na (*bên Tây vức dùng loại gai dệt thành vải, giống như bố to, phương đây không có*).

- 7) Y Ma (bằng vải gai).
- 8) Y Si di la
- 9) Y Cựu di la
- 10) Y Sấm la bán ni

Trong 10 ngày là sao ? Nghĩa là : đúng trong 10 ngày thôi.

Không tịnh thí là gì ? Tịnh thí có hai cách:

1.- Là Chân thật tịnh thí.

Nghĩa là : Thiết tình cúng cho thầy Tỳ Kheo kia vậy.

2.- Triển chuyển tịnh thí.

Nghĩa là : đối trước Tỳ Kheo kia làm phép rồi, vậy sau chứa để (pháp tịnh thí y như trong 90 giới Ba Dật Đề sau) về giới thứ 59 “trước tịnh thí y” có giải.

Được chứa là sao ? Nghĩa là : Được chứa để đúng trong 10 ngày vậy.

Nếu quá 10 ngày là gì ? Nghĩa là : Cái y nào đáng thọ trì, thì cứ để thọ trì, cái nào đáng tịnh thí, thì phải tịnh thí, nếu không vậy đến ngày thứ mười một mặt trời mọc, thì mắc tội Xả đọa.

Thế thức phạm tội trong giới này như thế nào ? Nghĩa là : Như thầy Tỳ Kheo được người cho y vào tay, tức lấy ngày đó làm ngày đầu; đến ngày thứ mười, trong mười ngày đó, hoặc mỗi ngày được y, hoặc ngày có ngày không, hoặc chỉ được y ngày đầu đến ngày thứ 11 khi mặt trời mọc, tùy được bao nhiêu y, đều phạm Xả đọa.

Cái y được ngày thứ hai, nhẫn đến ngày thứ mười tuy không đủ 10 ngày nhưng vì cái y được ngày ban đầu, có thể lực nối liền, cho nên cũng phạm Xả đọa. Như ngày ban đầu được y mà không tịnh thí, qua ngày thứ hai, nhẫn đến ngày thứ 10. Chẳng giữa hoặc được, hoặc không được, hoặc có tịnh thí hoặc không tịnh thí, nhưng bị cái không tịnh thí ban đầu kia, đến ngày thứ 11, mặt trời vừa mọc, đều phạm Xả đọa.

Nhẫn đến cái y được giữa chừng đó, hoặc sai cho người, hoặc bỏ mất đi, hoặc làm rách nát, hoặc đem sửa làm vật khác, hoặc bị người giả ý quen lớn lấy, hoặc quên đi, các y đó tùy theo sức cái y được ngày ban đầu, đến ngày thứ 11, mặt trời vừa mọc, đều phạm Xả đọa.

Nếu cái y Xả đọa mà không xả, lại đem đổi y khác thì phạm một tội Xả đọa, một tội Ác tác. Y này phải xả cho chúng Tăng hoặc một ông cho đến nhiều ông, không được xả biệt chúng.

Nếu xả mà không đúng phép xả, thì mắc tội Ác tác.

Khi xả y rồi, phải đối trước một thầy Tỳ Kheo thanh tịnh mà sám hối. Tỳ Kheo thọ sám kia xin phép chúng Tăng rồi, vậy sau mới nhận ông kia sám; nếu chúng Tăng đông nhiều khó nhóm, mà thầy Tỳ Kheo nhân có việc đi xa, thì chúng Tăng phải hỏi rằng : “Y của thầy muốn cho ai”.

Tùy theo lời nói của ông nói mà cho, chúng Tăng phải bạch nhị Yết Ma, rồi trả y lại cho thầy Tỳ

Kheo đó. Nếu ông không có việc như trên, thì phải để cách đêm, rồi mới làm phép Yết Ma trả lại cho ông. Trong 30 pháp đây mà pháp xả của cái, pháp sám hối, pháp Yết Ma, đều phụ ở văn kiết sau.

Nếu không trả lại, phạm Ác tác, hoặc có người xúi dưng trả, cũng phạm Ác tác; hoặc làm pháp tịnh thí, hoặc đem cho người khác, hoặc để làm ba y hoặc làm y tạp toái hoặc cố làm cho y rách, hoặc đốt, hoặc sửa làm phi y, hoặc thường thường đắp cho hư, đều phạm Ác tác.

Tỳ Kheo Ni đồng phạm, ba chúng sau Đột Kiết La.

Thể thức không phạm là gì ? Đùng 10 ngày làm phép tịnh thí, hoặc sai đem cho người khác, hoặc bị ăn cướp lấy, hoặc tưởng mất, cháy, trôi, nên không tịnh thí, không sai đem cho người, như vậy không phạm.

Ông dặn cho y kia hoặc mạng chung, hoặc đi luôn không về, hoặc thôi tu, hoặc bị giặc bắt đi, hoặc bị thú dữ hại v.v... Như vậy không tịnh thí không phạm.

Ma Đắc Lặc Già Luận nói : “Sao gọi là được y dư ?”.

Nghĩa là : Hoặc được y ở nơi tay, hoặc được ở trên đầu gối, trên vai, dấy tưởng y đó của mình.

Tăng Kỳ Luật nói : “Hoặc được vật chung của hai người chưa chia, thì không phạm, nếu chia ra rồi, mà không làm phép tịnh thí, quá 10 ngày thì phạm. Hoặc thí chủ thỉnh trai tăng và thí y cùng các

vật, thầy Tỳ Kheo bệnh đi không được, dặn ông khác lãnh giùm phần y của mình, ông đó lãnh y đem về, tuy lâu mà chưa trao cho, cũng không phạm (vì không phải của mình)".

Nếu Tỳ Kheo bệnh, nghe ông kia đem y đến rồi mà chưa được, tuy lâu cũng không phạm, hoặc bảo người dệt y, dệt rồi tuy lâu mà chưa đưa cũng không phạm; hoặc mua y tuy trả tiền xong rồi, tuy lâu mà chưa đưa cũng không phạm; hoặc sắm y cúng dường Phật và chúng Tăng, tìm gom góp để một chỗ, tuy lâu mà chưa đem cúng, cũng không phạm.

Hoặc đi đường nhằm chỗ ghê sợ giấu y mà đi, quá 10 ngày trở lại lấy thì phạm; hoặc người lấy đem về cho mình cũng phạm (vì quá 10 ngày); hoặc bị bọn cướp rượt, mình bỏ y chạy, quá 10 ngày, có người đem về giùm cho mình thì không phạm.

Luật Nhiếp nói : "Hoặc khi thí chủ nói như vậy : của tôi đây, ông muốn lấy vật chi thì lấy dùng, tuy không làm phép thuyết tịnh nhưng dùng cũng không phạm; hoặc vật của mình gửi cho người, hoặc tưởng mình chưa được, đều không phạm".

Hoặc được y 5 ngày rồi nổi điên, sau tỉnh lại trừ cho 5 ngày nữa. Còn bao nhiêu nghĩa mở cho, hay cấm lại, cứ theo sự nên biết.

Tát Bà Đa Luận nói : "Hoặc ngày ban đầu được y, ngày thứ hai xả, như vậy hẳn đến ngày thứ 9 được y, ngày thứ 10 xả, ngày thứ 10 được y không

xả, không thọ trì, không làm phép tịnh thí, đến ngày thứ 11, mặt trời vừa mọc, thì phạm Xả đọa”.

Nghĩa là : Cái y được ngày thứ 9, qua ngày thứ 10 mặc dù xả và tác tịnh rồi, nhưng cái y được ngày thứ 10, do vì nhân duyên nối theo cái trước, nên phạm Xả đọa (vì cái y xả cái y lãnh được đồng trong một ngày).

Hoặc ngày ban đầu được y, liền ngày ban đầu xả, qua ngày thứ hai mặc dù được y nhưng do vì không nối nhau với ngày đầu thì cái y ngày thứ hai được phép thứ lớp chứa đủ 10 ngày.

Hoặc ngày đầu được y, ngày thứ hai xả, cách ngày thứ hai không được y, qua ngày thứ ba mới được y, thì cái y ngày thứ ba đây được phép thứ lớp chứa đến ngày thứ 10, do vì ngày không nối nhau nên không phạm.

Nếu Tỳ Kheo, y đã xả, tội đã sám hối, nhưng tâm cầu y còn nối nhau chưa đoạn. Nếu được y nữa, y đó nối kế y trước, nên phạm Xả đọa, Nếu Tỳ Kheo y xả rồi, tội sám hối rồi, và tâm nối nhau đã dứt rồi; tức ngày đó, hoặc được cái y cầu ngày trước, hoặc được y vô ý (không tâm móng cầu) đó không thuộc về tâm nối nhau, do vì tâm nối nhau đã dứt. Nếu liền ngày đó xả y, liền ngày đó sám hối, nhưng cái tâm cầu y không dứt, thì dù cho đến hẳn một tháng nữa mới được y; đó cũng thuộc về tâm nối luôn với cái y trước, nên phạm Xả đọa.

Hoặc liền ngày đó được y, liền ngày đó phạm tội, không cần trải qua 10 ngày, hoặc ngày nay xả y

rồi, tội sám hối rồi, tâm cầu y cũng dứt rồi, qua ngày sau mặc dù lại sinh tâm cầu y, nhưng không thuộc về cái nối nhau, do vì tâm chặng giữa đã dứt. Nếu như mặt trời vừa mọc xả y. tội đã sám hối và tâm nối nhau cũng dứt rồi, đến chiều lại muốn cầu y nữa, y này phải xả, làm phép sám tội Đột Kiết La.

Nếu y đã xả, tâm nối nhau đã đoạn, mà tội chưa sám hối đầu cho cách nhiều ngày mới được y, y này phải xả, sám tội Đột Kiết La. Do vì tâm ngày trước nối nhau và tâm ngày sau, cũng nối nhau không dứt nên đồng phạm tội.

Thập Tụng Luật nói : “Ba y không nên thiếu, không nên dư, nếu sắm thiếu thì phạm Ác tác, nếu sắm dư, phạm Xả đạo”.

Dịch rằng : Nói tướng sáng rõ ràng là gì ? Ấy là tướng sáng mặt trời sắp mọc vậy.

Nghĩa là : Nó hiện ra, theo trước mặt trời chưa mọc hai khắc là sáng, ấy là tướng sáng, là thấy sắc trắng của trời hiện ra, tức là dùng con mắt mình nhìn thấy chỉ trong bàn tay làm hạn định.

Kế đây nói rõ về y Ca Hi Na. Chữ Ca Hi Na, Trung Hoa dịch là : Công đức.

Nghĩa là : Thọ y này, nhờ sức y đó, ở trong năm tháng, được giữ gìn năm việc công đức, cũng gọi là y thưởng thiện phạt ác.

Nghĩa là : Thấy Tỳ Kheo an cư có công đức lành nên thưởng y này, còn những chúng phi pháp phá an cư, thì phạt họ bằng cách : không được y

này. Tỳ Kheo an cư xong rồi, có bốn việc phải làm :

- | | |
|--------------------|-------------------------|
| 1.- Phải Tỳ tứ | 3.- Phải kiết giới |
| 2.- Phải Giải giới | 4.- Phải thọ y công đức |

Hoặc bị nước trôi mất giới tướng, hoặc bị nạn giặc cướp, chúng Tăng phải ra khỏi giới, hoặc trong chúng muốn giới rộng, hẹp, phải giải giới trước, vậy sau mới kiết lại, không muốn thì thôi.

Thọ y công đức rồi được năm việc lợi :

- 1) Được chữa y dư.
- 2) Được lia y ngủ
- 3) Được ăn riêng chúng
- 4) Được ăn nhiều lần
- 5) Trước sau giờ ăn, được vào nơi tụ lạc, khỏi thưa với chúng Tăng.

Làm sao thành thọ y công đức ? Hoặc được y mới, hoặc y người đàn việt cúng, hoặc y phẩn tảo. Nếu phải là y mới hay là y cũ; nếu là y cũ, thì lấy vải mới kết lại làm phép tịnh; trái lại đây cũng như vậy; hoặc chưa giặt, hoặc giặt rồi, kết làm phép tịnh. Chẳng phải dùng tà mạng mà được, chẳng phải tâm đua nịnh mà được, chẳng phải giả trang Thiên tướng mà được, chẳng phải lấy sự dộc phách mà được, chẳng phải cách đêm, chẳng phải y Xả đọa, chẳng phải lấy y làm phép tịnh thí mà thay thế làm y công đức. Phải tức ngày đó đem đến mới hợp pháp “là y công đức” bốn phía đặt thành, 5 điều 10 bức, nếu quá số đó cũng nên thọ.

Nghĩa là : Y 7 điều thì 21 bức, nhẫn đến 25 điều thì 125 bức.

Phải tự giặt nhuộm cho hoại sắc, trải úi cho ngay thẳng, rồi cắt ra từng 10 miếng. May lại thành 10 bức, đối trước chúng Tăng ở trong giới mà thọ. Không phải đối trước một người mà thọ, cũng chẳng phải một người thọ, cũng chẳng phải hai, ba, bốn ông thọ.

Phàm ở trong một chùa, ít nhất là 5 thầy Tỳ Kheo giỏi, thanh tịnh ở chung một giới; một thầy thọ sai bốn thầy làm phép Yết Ma, thì thành thọ. Không được ở ngoài giới mà thọ.

Nếu trên 5 thầy, có vị thuyết dục cũng thành thọ; hòa hợp ra ngoài giới trở về nghe chúng Tăng thọ y công đức rồi, rồi liền bèn tùy hỷ cũng thành thọ. Nếu thí chủ cúng nhiều y vật, nên lựa lấy một cái tốt nhất để làm y công đức, còn bao nhiêu làm phép Yết Ma chia; phải bạch như vậy : “Thưa Đại đức Tăng lóng nghe, ngày nay chúng Tăng thọ y công đức, nếu đến giờ chúng Tăng nhóm, chúng Tăng bằng lòng cho, chúng Tăng hòa hiệp thọ y công đức”. Bạch như vậy tác bạch thành không ? - Đồng đáp : “Thành”. Kế đó cử một vị giữ y công đức.

Thập Tụng Luật nói : “Vị nào có 5 việc như sau đây, không nên cử” :

- 1) Tùy thương
- 2) Tùy giận
- 3) Tùy sợ
- 4) Tùy si
- 5) Không biết pháp thọ, và không thọ

Trái lại như trên thì nên cử.

Lại có 5 hạng Tỳ Kheo không được làm người giữ y công đức :

- | | |
|---------------|-----------------|
| 1.- Không hạ | 3.- Hậu an cư |
| 2.- Phá An cư | 4.- Bị tấn |
| | 5.- Bị biệt trụ |

Luật bốn nói : “Phải hỏi ai là người có thể giữ y công đức này được ?”.

Như có người đáp rằng : “Tôi Tỳ Kheo pháp danh... giữ được”. Trong chúng phải xét người đó, có thể được thì làm phép Yết Ma mà cử như vậy :

- Thưa Đại đức Tăng lắng nghe, nếu đến giờ chúng Tăng nhóm, chúng Tăng bằng lòng cho, chúng Tăng cử Tỳ Kheo, pháp danh... vì chúng Tăng giữ y công đức. Bạch như vậy tác bạch thành không ? - Đồng đáp : “Thành”.

- Thưa Đại đức Tăng lắng nghe, chúng Tăng cử Tỳ Kheo, pháp danh... vì chúng Tăng giữ y công đức. Các bậc Trưởng lão nào bằng lòng cho chúng Tăng cử Tỳ Kheo pháp danh... vì chúng Tăng giữ y công đức thì lắng lặng. Còn vị nào không bằng lòng thì nói. Yết Ma thành không ? - Đồng đáp : “Thành”.

Chúng Tăng đã bằng lòng cử Tỳ Kheo, pháp danh... vì chúng Tăng giữ y công đức rồi, chúng Tăng đã bằng lòng vì lắng lặng, việc này rõ như vậy. Khi ấy chúng Tăng bèn bạch nhị Yết Ma, giao y công đức cho vị giữ y, cách giao như vậy :

- Thưa Đại đức Tăng lóng nghe : Ở trong chùa đây, chúng Tăng được y vật đáng chia, chúng Tăng hiện tiền nên chia, nếu đến giờ chúng Tăng nhóm, chúng Tăng bằng lòng cho; chúng Tăng đem y này giao cho Tỳ Kheo... Tỳ Kheo ấy phải giữ y này, vì chúng Tăng thọ làm y công đức, ở chùa này mà giữ. Bạch như vậy tác bạch thành không ? - Đồng đáp : "Thành".

- Thưa Đại đức Tăng lóng nghe : Ở trong chùa đây, chúng Tăng được y vật đáng chia, chúng Tăng hiện tiền nên chia, chúng Tăng đem y này giao cho Tỳ Kheo... Tỳ Kheo ấy sẽ giữ y này, vì chúng Tăng thọ làm y công đức, ở chùa này mà giữ. Các vị Trưởng lão nào bằng lòng cho chúng Tăng đem y này giao cho Tỳ Kheo... thọ làm y công đức, thì lắng lắng. Còn vị nào không bằng lòng thì nói. Yết Ma thành không ? - Đồng đáp : "Thành".

Chúng Tăng đã bằng lòng, trao y cho Tỳ Kheo... rồi, Tăng đã bằng lòng, vì im lặng, việc này như vậy suốt biết.

Tỳ Kheo giữ y phải đứng dậy cầm y, tùy các Tỳ Kheo tay rời đựng y nói với nhau nghe cho rõ, nói lời như vậy : "Y này chúng Tăng sẽ thọ làm y công đức, y này chúng Tăng nay thọ làm y công đức, y này chúng Tăng đã thọ làm y công đức rồi". (nói ba lần). Các Tỳ Kheo kia phải nói như vậy : "Những vị thọ, đã khéo thọ; trong đây có bao nhiêu công đức, tiếng khen và lợi lộc, đều thuộc về tôi". Vị giữ y kia, phải đáp lại rằng : "Phải".

Hoặc được vải chưa may y, phải đối trước chúng Tăng làm phép Yết Ma, bảo các Tỳ Kheo đem may. Nên cử như vậy : “Thưa Đại đức Tăng lắng nghe : nếu đến giờ chúng Tăng nhóm, chúng Tăng bằng lòng cho; chúng Tăng cử Tỳ Kheo... vì chúng Tăng may y công đức cho chúng Tăng. Bạch như vậy tác bạch thành không ? - Đồng đáp : “Thành”.

Thưa Đại đức Tăng lắng nghe : Chúng Tăng cử Tỳ Kheo... may y công đức cho chúng Tăng. Các vị Trưởng lão nào bằng lòng cho chúng Tăng cử Tỳ Kheo... may y công đức cho chúng Tăng đấy thì lắng lặng. Còn vị nào không bằng lòng thì nói. Yết Ma thành không ? - Đồng đáp : “Thành”.

Chúng Tăng đã bằng lòng cử Tỳ Kheo... may y công đức cho chúng Tăng. Vì Tăng bằng lòng nên im lặng, việc này như vậy suốt biết. May y rồi phải y như phép trước mà thọ.

Thiện Kiến Luật nói : “Ngày 16 tháng 7, mặt trời vừa mọc đem cái y công đức ra cho chúng Tăng cắt. Tỳ Kheo phải bảo ông chủ y phải sắm kim, chỉ, nhuộm hoại sắc, bao nhiêu thầy Tỳ Kheo may y, ông đàn việt phải cúng dường cơm nước. Người vì chúng Tăng thọ y công đức phải biết những cách thọ và dùng. Hoặc y cắt rọc thì phải giặt trước, rồi mời các Tỳ Kheo nhóm lại để cắt ra may, liền ngày đó nhuộm cho xong, điểm tịnh rồi nên thọ”.

Nếu may chưa xong, phải mời hết thầy Tỳ Kheo nhóm lại may cho xong. Không được viện lẽ đạo đức, làm trễ nãi công việc, chỉ trừ ông nào có bệnh thôi.

Luật Nhiếp nói : “Nhấn đến một ông may được hai, ba mũi kim, cũng xúm lại may giúp cho rồi (*chớ đừng lười biếng*), ông căng cái y kia phải lấy dầu thơm rải, hương xông và bông trái trang nghiêm cúng dường y công đức rồi, để trên mâm sạch bưng đến trước vị Thượng Tọa và chúng Tăng. Bưng y mà đứng nhấn đến nói ba lần rồi, liền ở trước vị Thượng Tọa mở căng cái y, vị Thượng Tọa khen rằng : “Lành thay pháp tướng y ! Hay thay pháp tướng y ! Y này việc lợi dưỡng và hữu ích, tôi sẽ được...”. Như vậy thứ lớp toàn chúng, cho đến vị rốt sau cũng đều khen mừng như thế”.

Ông căng y kia, không nên đem y này đến chỗ đại, tiểu và nhà trụ, không nên để chỗ đất trống, không nên ra ngoài giới, đâu có việc chi phải đi, cũng không nên ở cách đêm.

Có 10 hạng người không đồng thọ y công đức:

- 1) Chưa có hạ
- 2) Phá hạ
- 3) Kiết hạ sau
- 4) Kiết hạ chỗ khác (*chúng khác*)
- 5) Trong khi trưng y vắng mặt.
- 6) Đương làm phép biệt trụ (*ở riêng*)
- 7) Làm phép biệt trụ rồi.
- 8) Đương làm phép ý hỉ
- 9) Làm phép ý hỉ rồi.
- 10) Trao cho 35 việc học (*bị phạt làm theo 35 việc*)

Cũng có 10 hạng người kiết hạ, chỉ được thọ lợi dưỡng mà không lợi ích.

Nghĩa là : Dem Sa Di thế vào hạng người thứ tư trước (là vì kiết hạ chỗ khác) liền thành 10 hạng người.

Lại có 5 hạng người kiết hạ, việc lợi dưỡng, lợi ích đều mất hết.

Nghĩa là : Có ba hạng người xả trí và không kiết hạ ở chỗ khác, với những đảng phi pháp phá Tăng.

Thiện Kiến Luật nói : “Hoặc ở trong một chùa không đủ 5 thầy, và không biết pháp thọ y công đức, nên mời chúng Tăng chùa khác cho đủ số mà thọ và làm phép Yết Ma. Nhưng chúng Tăng ở chùa kia không được thọ y công đức, cũng không được thọ phần y (dự giùm để làm phép thôi)”.

Tăng Kỳ Luật nói : “Cho ông kiết hạ ở riêng một mình được thọ y công đức, khi ông lãnh vải phải nói rằng : “Y công đức này tôi sẽ lãnh may (nói như vậy ba lần). Khi cắt phải nói : “Y công đức này tôi phải thọ”. Khi may, khi giặt, khi nhuộm, khi điểm tịnh, khi đao tịnh (lấy kéo nhấp làm phép tịnh), cũng nói như trên; khi may thành rồi, phải tâm tưởng nói rằng : “Tôi Tỳ Kheo... nay thọ y công đức này” (nói như vậy ba lần)”.

Mùa Đông 4 tháng đã mãn; chúng Tăng phải xả y công đức, phải xả như vậy, làm phép phương tiện như trước, rồi bạch như vậy : “Thưa Đại đức Tăng lóng nghe, ngày nay chúng Tăng xả y công đức, nếu đến giờ chúng Tăng nhóm, xin chúng Tăng bằng lòng cho chúng Tăng nay hòa hiệp xả y công

đức. Bạch như vậy tác bạch thành không ? - Đồng đáp : "Thành".

Xả rồi, không còn hưởng được 5 việc công đức nữa. Dầu có y dư và các vật cũng phải xả luôn; hoặc làm phép tịnh thí v.v... Không vậy, quá 10 ngày phạm Xả dọ.

Nếu không xả, để quá chừng hạn y công đức, phải tội Đột Kiết La.

Có 8 nhân duyên xả y công đức :

1.- Khứ - Thọ công đức y rồi móng ý chẳng trở về ra ngoài giới đi, bèn mất công đức y.

2.- Cánh - Thọ công đức y rồi, ra ngoài giới may y khi may xong, bèn mất công đức y.

3.- Bất cánh - Ra ngoài giới nghĩ như thế này : Cũng chẳng may y, chẳng chẳng trở lại, may chưa xong mất công đức y.

4.- Thất - Ra ngoài giới may y xong, mất y công đức y cũng mất.

5.- Đoạn vọng - Ra ngoài giới, trông mong đến chốn được y, nhưng rốt cuộc thất vọng và cũng mất luôn công đức y.

6.- Vãn - Ra ngoài giới may y, nghe chúng Tăng xả công đức y, ông cũng mất luôn công đức y.

Trong chúng Tăng xả công đức y, là chỉ về 15 tháng chạp về trước, từ 16 tháng 7 về sau, trong thời gian 5 tháng đó, nếu có nhân duyên gì phải xả y, thì ông nghe hay không nghe đều mất cả.

7.- Xuất giới – Ra ngoài giới may y xong, hằng có ý trở về, nhưng còn ở ngoài giới, chúng Tăng xả công đức y thì ông cũng mất công đức.

8.- Cộng xuất – Ở ngoài giới may y, hoặc xong, hoặc chưa xong, trở về trụ xứ, cùng chư Tăng hòa hiệp chung xả.

Lại có hai món xả công đức y :

- 1.- Tỳ Kheo giữ y công đức ra ngoài giới ngủ.
- 2.- Chúng Tăng hòa hiệp đồng xả (rộng như trong Đại Luật quyển 43 trang 18 nói).

Giới thứ hai LIA Y MÀ NGŨ

CHÍNH VĂN : Nếu Tỳ Kheo, ba y đã đủ, y Ca Hi Na đã xả, trong ba y, lia mỗi y ngủ chỗ khác, thì phạm Ni Tát Kỳ Ba Đạt Đề. Trừ Tăng làm phép Yết Ma cho.

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại nước Xá Vệ. Bấy giờ phái Lục quân Tỳ Kheo đi dạo khắp nhân gian, đem y gửi gắm nơi Tỳ Kheo bạn thân. Tỳ Kheo ấy thường đem phơi. Các Tỳ Kheo khác thấy việc này, đem bạch lên Phật. Phật liền cùng các Tỳ Kheo kiết giới.

Khi đó có một Tỳ Kheo mắc chứng bệnh càn tiểu (gây ốm). Có cái y phẩn tảo Tăng Già Lê rất nặng, có duyên sự muốn đi trong nhân gian, ngại vì đem theo không nổi. Các Tỳ Kheo thấy vậy bạch giùm lên Phật. Phật dạy chúng Tăng bạch nhị Yết Ma, kiết giới bất thất y cho Tỳ Kheo có bệnh. Ông Tỳ Kheo có bệnh kia phải đến trước chúng Tăng, đủ

oai nghi lễ vị Thượng Tọa, quỳ gối chấp tay xin rằng : “Thưa Đại đức Tăng lóng nghe : Tôi Tỳ Kheo... mắc chứng bệnh... cái y phẩn tảo Tăng Già Lê rất nặng này, có việc phải đi trong nhân gian, mà đem theo không nổi, tôi nay nhờ chúng Tăng kiết cho tôi giới “Bất thất y” (nói ba lần). Chúng Tăng phải làm phép Yết Ma cho”.

- Thưa Đại đức Tăng lóng nghe : Tôi Tỳ Kheo... mắc chứng bệnh... cái y phẩn tảo Tăng Già Lê rất nặng này, có việc phải đi trong nhân gian, mà đem theo không nổi, tôi nay nhờ chúng Tăng kiết cho tôi giới Bất thất y cho, nếu đến giờ chúng Tăng nhóm, xin chúng Tăng bằng lòng kiết giới Bất thất y cho Tỳ Kheo đó. Bạch như vậy tác bạch thành không ? - Đồng đáp : “Thành”.

- Thưa Đại đức Tăng lóng nghe : Tỳ Kheo... mắc chứng bệnh... mà cái y phẩn tảo Tăng Già Lê rất nặng này, có việc phải đi trong nhân gian, mà đem theo không nổi, nay theo cầu chúng Tăng kiết giới Bất thất y. Nay chúng Tăng làm phép kiết giới Bất thất y cho Tỳ Kheo... Các vị Trưởng lão nào bằng lòng cho chúng Tăng làm phép kiết giới Bất thất y cho Tỳ Kheo... thì lắng lắng. Còn vị nào không bằng lòng thì nói. Yết Ma thành không ? - Đồng đáp : “Thành”.

Chúng Tăng đã bằng lòng kiết cho Tỳ Kheo... giới Bất thất y rồi, Vì chúng Tăng đã bằng lòng nên im lặng, thì việc này rõ như vậy.

Ba y đã đủ, y Ca Hi Na đã xả, như giới trước đã giải.

Ba y là gì ? Là :

- 1) An Đà Hội (dịch là : hạ trước y = y bậc hạ)
- 2) Uất Đa La Tăng (dịch là : Thượng trước y = Y bậc thượng).
- 3) Tăng Già Lê (dịch là : Trùng phục y = Y nhiều lớp).

Ba y này bên nước Ấn Độ gọi chung là : Chi phát la, lấy sắc mà đặt tên, cũng gọi là y Ca sa. Sở dĩ đặt ba tên, ấy là vì nêu ba phen chuyển pháp luân; nêu rõ ba đời chư Phật đều dùng; nêu đoạn dứt tam độc; nêu ra khỏi tam giới; nêu độ ba loài và cũng vì muốn nêu bày pháp chưa từng có để cho khác hơn ngoại đạo.

Vì nêu cái tâm ít ham muốn cho biết vừa đủ bởi ba y không nhiều không ít, vừa đủ giúp thân hành đạo, cũng vì để ngăn sự lạnh nóng trong ba mùa Đông, Xuân, Hạ. Như mùa Đông thì đắp y nhiều lớp, mùa Xuân đắp y bậc trung, mùa Hạ đắp y bậc hạ. Còn lạnh thì đắp hết ba y để ngăn sự lạnh.

Tăng Kỳ Luật nói : “Ba y là cờ nêu của bậc Sa môn hiền thánh, cho nên các đệ tử của ta đều đắp ba y này, đủ ngăn sự lạnh lắm, nóng lắm và ruồi, muỗi, mòng, lại cũng che kín chỗ xấu hổ; khiến Thánh chủng không hư”.

Hoặc tính ông đó chịu lạnh không nổi, cho lấy cái y cũ rách, tùy ý may chồng thêm nhiều lớp, tức là thiếu dục thiếu sự vậy (ít ham muốn và thèm khát).

Lìa là gì ? Nghĩa là : Thân ở chỗ này mà y ở chỗ khác.

Mỗi mỗi y là sao ? Nghĩa là : Trong ba y tùy lia một cái vậy.

Ngủ chỗ khác như thế nào ? Nghĩa là : Ngủ ở giới hạn khác, khi mặt trời mọc, thì phạm Xả đọa. Đây là cứ ba y thọ trì rồi, nếu lia ngủ một đêm tức là mất y, nên phạm tội đó.

Trừ Tăng làm phép Yết Ma cho là sao ? Nghĩa là : Ông Tỳ Kheo có duyên bệnh, chúng Tăng làm phép Yết Ma cho, nên không phạm.

Trong đây có mấy giới ? Nghĩa là : Trong giới bất thất y, thì trong Tăng già lam (*chùa*) là một giới, dưới gốc cây một giới, sân một giới, trên xe một giới, trên ghe một giới, trong làng một giới, trong nhà một giới, trong giảng đường một giới, trong kho một giới, trong lẫm một giới.

Gốc cây : Là cây lớn che phủ chỗ ngồi kiết già vừa được.

Sân : Là cái chỗ để đập năm thớ lúa.

Xe : Là chỗ xe quay trở vừa lợt.

Ghe : Là chỗ ghe quay trở vừa lợt.

Làng : Có bốn thớ giải như trước.

Giảng đường : Là nhiều chỗ trống trải.

Kho : là chỗ chứa trữ các vật.

Lẫm : Là chỗ chứa trữ lúa gạo.

Sao gọi là mất y ? Hoặc trong chùa có bao nhiêu giới hạn, nhần đến lẫm lúa có bao nhiêu giới hạn, và giới hạn chùa này khác với giới hạn chùa kia, nhần đến giới hạn lẫm này khác với giới hạn lẫm kia và giới hạn cũng khác với nhau hết.

Hoặc ở bên các giới hạn như trước, như giới kiết trên thuyền dùng sức người bậc trung, lượm đá hoặc gạch quăng đến đâu, đó gọi là thế phần của giới. Hoặc để trong giới Già lam (chùa) qua ngủ ở giới dưới gốc cây, nhấn đến ngủ ở giới kho tàng; hoặc để y ở giới kho tàng, các chỗ v.v... mà ngủ trong giới Già lam, và để y các chỗ khác, ngủ các chỗ khác. Nếu trong tâm không tưởng xả y, hoặc tay không nắm y, hoặc không đến chỗ quăng đá, mặt trời vừa mọc, tùy theo chỗ lia y phạm Xả đọa. Trừ số ba y ra, lia các y khác, phạm Ác tác. Hoặc chỗ vắng vẻ không làng, để y trong khoảng 8 cây rồi ngủ chỗ khác, không tưởng xả y, v.v... mặt trời vừa mọc, phạm Xả đọa.

Nói không xả y là sao ? Nghĩa là : Có việc tạm đi rồi tính về liền, nhưng vì rủi gặp nạn cản lại, nên ngày đó về liền không được, phải ở lại chỗ đó, mượn ba y dư của người mà thọ trì. Còn ba y của mình thọ trì trước, tâm tưởng xả, vậy sau mới thọ trì y mượn. Nếu chỗ đó Tỳ Kheo không có y dư, thì mượn của cô Ni cũng được, mai xả rồi trả lại, trở về chùa làm phép thọ trì ba y cũ lại.

Còn nếu chỗ đó hai chúng không y dư để mượn, thì phải tâm tưởng xả của mình thọ trì, thà là không y thọ trì. phạm thất oai nghi Ác tác, khỏi cái tội đọa (ly y) nặng hơn.

Nói 8 khoảng cây, một khoảng cây cách nhau 7 cung, 8 khoảng cây cách nhau cộng có : 56 cung. Mỗi một cung là 4 cánh chỏ người bậc trung (là 244

cánh chỏ : 112 thước tây) 8 khoảng cây đậy là cái giới hạn của y vậy.

Căn Bản Luật nói : “Hoặc đường đi xa chừng 49 tâm; đứng và ngồi, nằm, nội trong một tâm; là phần hạn không mất y, ngồi nằm chính giữa của hai giới, nhấn đến cái chéo y không lia thân, cũng không gọi là mất y”.

Cái y Xả đọa này, phải xả rồi sám hối, phép cũng đồng như trước, chúng Tăng phải bạch nhị Yết Ma trả y lại liền cho Tỳ Kheo ấy. Nếu không trả lại để dùng, nhấn đến mặc thường cho rách, đều phạm Ác tác. Còn bốn chúng kia phạm tội đồng như giới trước.

Thế thức không phạm là sao ? Nghĩa là : Mặt trời chưa mọc, tay rời dụng y, nhấn đến về tới chỗ quăng đá, hoặc bị ăn cướp giết, hay tưởng là mất, cháy, trôi, hư v.v... Hoặc đường hiểm nạn, bị bắt trôi buộc, mạng nạn, phạm hạnh nạn.

Thiện Kiến Luật nói : “Làm phép Yết Ma là : Tùy ông bệnh chưa lành, được phép lia y cách đêm. Như bệnh lành muốn về, mà đường sá hiểm nạn, không về được, phải dấy lòng tưởng về, thì tuy bệnh lành, cũng không mất y. Nếu cố ý quyết định không về thì mất y. Quá 10 ngày phạm tội dư y”.

Nếu bệnh lành về đến chỗ y, mà bệnh phát lại, muốn đi dưỡng bệnh nữa, thì nương theo phép Yết Ma trước, không cần làm phép Yết Ma lại nữa.

Nhân đây nói rõ phép kiết giới Bất thất y. - Khi đó có ông Ly Dục Tỳ Kheo muốn đến ở trong

hang chỗ vắng vẻ, sợ phạm tội lia y cách đêm, Phật mới dạy chúng Tăng bạch nhị Yết Ma; kiết giới Bất thất y. trừ cách dòng nước chảy mạnh.

Bạch như vậy : - Thưa Đại đức Tăng lắng nghe, chỗ này đồng ở một chỗ, đồng một chỗ tụng giới. Nếu đến giờ Tăng nhóm, chúng Tăng bằng lòng cho kiết giới Bất thất y. Trừ giới thôn và thôn ngoại. Bạch như vậy tác bạch thành không ? - Đồng đáp : "Thành".

- Thưa Đại đức Tăng lắng nghe, chỗ này đồng ở một chỗ, đồng một chỗ tụng giới. Nay chúng Tăng kiết giới Bất thất y. Trừ giới thôn và thôn ngoại. Các vị Trưởng lão nào bằng lòng cho chúng Tăng ở chỗ này, đồng ở một chỗ, đồng một chỗ tụng giới. kiết giới Bất thất y, trừ giới thôn và thôn ngoại ấy, thì lắng lặng. Vị nào không bằng lòng thì nói. Yết Ma thành không ? - Đồng đáp : "Thành".

Chúng Tăng đã bằng lòng chỗ này, đồng ở một chỗ, đồng một chỗ tụng giới, kiết giới Bất thất y, trừ giới thôn và thôn ngoại rồi, chúng Tăng đã bằng lòng vì im lặng, việc này như vậy suốt biết.

Giới hạn Bất thất y này không có tướng chi khác, tức là đồng y ở trong một Đại giới mà kiết. Trước kiết Đại giới rồi, sau kiết giới Bất thất y.

Song, Tăng già lam có ba hạng :

1.- Hoặc Đại giới cùng đất Tăng già làm bằng nhau.

2.- Hoặc Đại giới nhỏ hơn đất Tăng già lam, đều không cần kiết giới Bất thất y.

3.- Nếu Đại giới lớn hơn đất Tăng già lam, thì phải y pháp kiết giới Bất thất y, để tùy giới nhiếp y vậy.

Trừ giới thôn và thôn ngoại là sao ? Nghĩa là : Trừ giới tụ lạc và ngoài tụ lạc, lấy đất trống làm chỗ ở, làm phép Yết Ma kiết giới Bất thất y. trước nhân lập phép Yết Ma, không thôn (*không làng*). Bấy giờ để y trong thôn (*làng*) sau nhân có việc xảy ra, nên mới trừ chữ “thôn”. Nay làm phép Yết Ma mà không cần hỏi câu : có thôn hay không thôn; phép đó phải trừ.

Tát Bà Đa Luận nói : “Phải luận rành nghĩa này, do vì có thôn sáp nhập, nên có 5 ý quyết trừ”.

1.- Hoặc trước làm phép kiết không thôn rồi, bấy giờ nhà của tịnh nhân ở ngoài thôn sáp nhập, hễ nhập đến chỗ nào thì chỗ đó không còn là giới y nữa.

2.- Hơn nữa, hoặc người trong thôn đó, khi ra khi về, thì giới y cũng theo họ luôn.

3.- Nếu trước làm phép kiết có trừ chữ Thôn ra, thì giới y vẫn không theo họ, mặc dù người trong thôn ra về, nhưng chỗ đất trống trước sau cũng vẫn là đất trống, giới y bao giờ cũng được đầy đủ. Bởi do khi kiết có chữ thôn hay không thôn, thì người trong thôn hay ngoài thôn, khi tới khi về thì giới y cũng không phải giải và kiết chi cả.

4.- Nếu thầy Tỳ Kheo thân ở trong thôn, y cũng ở trong thôn, thì phải đến chỗ y mà ở.

5.- Nếu thấy ở trong thôn, y ở chốn lan nhā (chỗ đất trống) phải ra ngoài giới thôn; hoặc thân ở chốn lan nhā, y để trong thôn, phải đến chỗ y. Nếu thân và y đều ở chốn lan nhā, thì không phạm.

Nếu muốn giải giới, thì trước phải giải giới Bất thất y rồi, sau mới giải Đại giới, bạch như vậy mà giải :

- Thưa Đại đức Tăng lắng nghe, chỗ này đồng ở một chỗ, đồng một chỗ tụng giới. Nếu đến giờ chúng Tăng nhóm, chúng Tăng bằng lòng cho giải giới Bất thất y. Bạch như vậy tác bạch thành không ? - Đồng đáp : “Thành”.

- Thưa Đại đức Tăng lắng nghe, chỗ này đồng ở một chỗ, đồng một chỗ tụng giới. Chúng Tăng nay giải giới Bất thất y. Các vị Trưởng lão nào bằng lòng cho, chúng Tăng nay ở chỗ này, đồng ở một chỗ, đồng một chỗ tụng giới, giải giới Bất thất y ấy, thì lắng lắng. Còn vị nào không bằng lòng thì nói. Yết Ma thành không ? - Đồng đáp : “Thành”.

Chúng Tăng đã bằng lòng chỗ này, đồng ở một chỗ, đồng một chỗ tụng giới, giải giới Bất thất y rồi, Vì chúng Tăng đã bằng lòng nên lắng lắng, thì việc này rõ như vậy.

Thập tụng Luật nói : “Nếu giải đại giới, thì giới Bất thất y cũng mất, còn nếu giải giới Bất thất y, thì Đại giới còn nguyên”.

Giới thứ ba CHỨA Y QUÁ MỘT THÁNG

CHÍNH VĂN : Nếu Tỳ Kheo, ba y đã đủ, y công đức đã xả. Nếu Tỳ Kheo được y phi thời, muốn dùng thì thọ. thọ rồi phải mau mau may cho xong, nếu đủ thì tốt, còn như không đủ, được chữa một tháng chờ cho đủ. Nếu chữa quá, thì phạm Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề.

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại nước Xá Vệ, có thầy Tỳ Kheo y Tăng Già Lê cũ rách, được vải trong khoảng 10 ngày, chưa đủ sợ phạm y dư, bạn đồng học đem việc này bạch lên đức Thế Tôn. Phật cho phép Tỳ Kheo chữa vải dư, sắm chưa đủ, được chữa một tháng đợi cho đủ.

Khi đó có phái Lục quần Tỳ Kheo, nghe Phật cho phép chữa nhiều y dư, họ chữa nhiều thứ y dư, mà bạn đồng học lại thiếu, các Tỳ Kheo bạch lên Phật. Phật cùng các Tỳ Kheo kết giới.

Ba y đã đủ, và y Ca Hi Na đã xả là gì ? Là như giới trước đã giải.

Nếu Tỳ Kheo được y phi thời là sao ? Được : Nghĩa là từ nơi kẻ nam người nữ xuất gia, hay tại gia mà được.

Sao gọi là phải thời, sao gọi là phi thời ? Nghĩa là : Nếu không thọ y công đức một tháng sau ngày Tự tứ, thì thọ y công đức 5 tháng sau ngày Tự tứ. Thế gọi là y phải thời, quá thời hạn đây, gọi là y phi thời. Nghĩa là : Ở trong phi thời ấy, được y gọi là phi thời vậy.

Muốn dùng thì thọ là sao ? Muốn dùng : Nghĩa là trông mong được y vậy. Thì thọ : Nghĩa là nên chứa vậy.

Thọ rồi mau may cho xong là sao ? Nghĩa là : Đã được y rồi, thì trong ba y, tùy thiếu một y nào, phải mau mau may cho thành y đặng thọ trì, đừng quá 10 ngày vậy.

Nếu đủ thì tốt là sao ? Nghĩa là : Vải lãnh trước và vải lãnh sau đồng một thứ, vừa đủ may một cái y không thiếu vậy.

Như không đủ thì được chứa một tháng là thế nào ? Nghĩa là : Vải còn thiếu, có chỗ trông mong được nữa, cho đình lại, nhẫn đến trải qua 30 ngày, thì phải sắm cho đủ.

Thế thức phạm tội trong giới này như thế nào ? Hoặc trong 10 ngày được vải, một thứ đủ thì phải cắt ra, hoặc lược, hoặc may thành y, hoặc làm phép tịnh thí, hoặc bảo đem cho người. Không như vậy thì đến ngày thứ 11, khi mặt trời mọc, tùy vải nhiều ít, đều phạm Xả đọa.

Nếu vải một thứ không đủ, đến ngày thứ 11 có vải một thứ đủ, thì phải cắt lược may các việc như trước, không như vậy thì quá ngày thứ 12, khi mặt trời mọc, tùy vải nhiều ít, đều phạm Xả đọa.

Cho đến ngày thứ 29 được vải, cũng cắt, lược, may, làm phép tịnh thí các việc v.v... cũng như vậy. Đến ngày thứ 30 được vải, hoặc đủ, hoặc thiếu, hoặc vải một thứ, hoặc vải không phải một thứ, phải liền ngày đó cắt, lược, may, làm phép tịnh thí,

dem cho người v.v... các việc, nếu không vậy thì đến ngày thứ 31, khi mặt trời mọc phạm Xả đọa.

Y này phải xả rồi, sám hối tội đọa, chúng Tăng phải bạch nhị Yết Ma trả lại cho Tỳ Kheo đó. Có phạm, không phạm và bốn chúng mắc tội, đều đồng như giới trước.

Thiện Kiến Luật nói : Nếu trước ngày thứ 29 được thứ vải to, vải ấy đã thuyết tịnh, như chưa đủ may thành cái y, qua ngày 29 được thứ vải mỏng, vải này cũng chưa đủ. Nếu muốn tùy ý, cho đình đãi trong một tháng để xin thêm được thứ vải mỏng để may thành cái y, nhưng chỉ nội trong một tháng không được quá.

Kế đây nói rõ về cách thức may y : Bấy giờ Phật liền bảo ông A Nan dạy các Tỳ Kheo cắt may, cắt y ngay thẳng, giống như bờ ruộng. Phật nói : đệ tử của chư Phật đời quá khứ, cũng như đời vị lai đều đắp cái y như vậy : như ta ngày nay cầm dao cắt rọc, để may thành cái y cho Sa môn; khỏi bị côn đồ cướp giết, và cho các thầy Tỳ Kheo may cái y An Đà Hội, Uất Đa La Tăng, y Tăng Già Lê bằng kiểu cắt rọc, và cũng cho may cái y An đà hội không cắt rọc được (*mạn y An Đà Hội*).

Chương Phục Nghi nói : Cái tướng điều y, hình nó giống bờ ruộng chứa nước, dưỡng cho mộng lúa tốt tươi, ví như mặc y này hay sinh ra công đức vậy. Phật dạy may y giống như đây, nghĩa không có luống vậy.

Đời nay dịch lầm rằng : Khai thông đường nước đó, chính là từ nơi đây mà xuyên tạc (sai lầm) nguyên chẳng phải Phật chế. Sự thật Phật chế may đường dọc và đường ngang như ruộng bờ mẫu (để tượng trưng là y phước điền) mà họ lầm tưởng là may hai đường xuôi như rạch mương, để cho nước chảy thông vậy, thật là lầm !

Phật cho xếp lá may như chân con chim xòe, hoặc may cái thành như răng con ngựa. Nên 5 điều, không nên 6 điều, nên 7 điều, không nên 8 điều, nên 9 điều, không nên 10 điều, nhả đến 19 điều, không nên 20 điều, nếu quá số điều đây thì không nên sắm (nay xét trong các bộ luật khác, cho tốt bực đến 25 điều).

Nếu y An Đà Hội và y Uất Đa La Tăng mới, thì phải may một lớp; còn y Tăng Già Lê, thì may hai lớp. Nếu y An Đà Hội và y Uất Đa La Tăng cũ, thì cho may hai lớp. Còn y Tăng Già Lê cũ, cho may bốn lớp. Nếu y phấn tảo, thì tùy ý may mấy lớp cũng được. Không nên lấy những miếng vải lụn vụn mà may ba y. Cho may y An Đà Hội bề dài 4 cánh chỏ, bề ngang 2 cánh; may y Uất Đa La Tăng và y Tăng Già Lê, bề ngang 3 cánh, bề dài 5 cánh.

Nếu được y mạn bề ngang, bề dọc đều đủ thì cắt may y có đều được thì tốt, nếu thiếu vải thì cho may lá kèm lên trên, phải nhuộm cho hoại sắc, may làm y Sa môn, y có rách phải vá lại, cho chồng lên hai lớp mà may cái thành. Tùy theo lỗ lớn nhỏ hay vòng tròn mà vá đó.

Xét cái căn trong các bộ Luật khác thì y Tăng Già Lê gồm có 9 phẩm :

Ba phẩm hạ : là y 9 điều, y 11 điều và y 13 điều, khổ bức 2 miếng dài, một miếng vắn.

Ba phẩm bậc trung : Là y 15 điều, y 17 điều và y 19 điều, 3 miếng dài, một miếng vắn.

Ba phẩm thượng : Là y 21 điều, y 23 điều, y 25 điều, 4 miếng dài, một miếng vắn.

Y Uất Đa La Tăng : 7 điều, 2 miếng dài, một miếng vắn.

Y An Đà Hội : 5 điều, 1 miếng dài, một miếng vắn.

Phật nói : Ba y làm phép thọ trì, nếu có nghi thì làm phép xả, rồi thọ lại, nếu có ba y không làm phép thọ trì, thì phạm tội Đột Kiết La. Song trong luật này thiếu vắn thọ y. Tìm trong các bộ Luật khác thì có vắn dạy cách thọ. Nay y trong Thập Tụng, phải đủ oai nghi, đối với một thầy Tỳ Kheo mà thưa như vậy : Thưa Đại đức một lòng đoái tưởng, tôi Tỳ Kheo... cái y An Đà Hội đây 5 điều, một miếng dài, một miếng vắn, cắt đứt may thành một cái y, nay tôi xin thọ trì (nói ba lần).

- Nếu thọ y Uất Đa La Tăng, nên bạch như vậy : Thưa Đại đức một lòng thương xót tôi Tỳ Kheo... cái y Uất Đa La Tăng 7 điều này 2 miếng dài, một miếng vắn, cắt rọc may thành y nay tôi xin thọ trì (nói ba lần).

- Nếu thọ y Tăng Già Lê cũng phải thưa rằng :
Thưa Đại đức một lòng đoái tưởng, tôi Tỳ Kheo... y Tăng Già Lê này (bao nhiêu điều, bao nhiêu miếng dài, bao nhiêu miếng vắn, tùy theo y mà nói) cắt đứt may thành một cái y, nay tôi xin thọ trì (nói 3 lần).

Nếu có duyên muốn xả, y như trong Tăng Kỳ Luật phải thưa như vậy : Thưa Đại đức một lòng thương xót tôi Tỳ Kheo... y Tăng Già Lê này, là số ba y của tôi, trước thọ trì nay xin xả (nói một lần). Còn hai y dưới, muốn xả cứ theo đây nên biết.

Thập Tụng Luật nói : ba cái y mạn cũng cho làm phép thọ trì, văn sau của ngài Nam Sơn nói : y An Đà Hội được may 4 thứ :

- 1.- Cắt may ra
- 2.- May bẻ lá (xếp dî)
- 3.- May chụp lá chồng lên
- 4.- May trơn.

Trong đó có y chính và tùng, hai phẩm :

Chính có 3 thứ : 1.- Cắt ra may 2.- May xếp lá. 3.- May chụp lá.

Tùng có 21 thứ : Mạn y có một thứ. Trung y có 2 thứ, đại y có 18 thứ.

Thập Tụng Luật nói : “Nếu thầy Tỳ Kheo nghèo thiếu y, không sắm nổi y cắt rọc, thì cho phép may chồng điều lên cái y mạn để làm y ngủ, hoặc y 7, hoặc y 9, hoặc y 11 điều, hoặc y 13 điều, hoặc y 15 điều, hoặc hơn 15 điều cũng được”.

Y Uất Đa La Tăng :

Chính có hai thứ : Cắt ra may, may chụp lá.

Tùng có 22 thứ : Nghĩa là : Y bạc hạ có 4 thứ, đại y 18 thứ.

Y Tăng Già Lê : Chính có 18 thứ.

a/ Cắt ra may

b/ May chụp lá

Hai thứ này mỗi thứ có 9 phẩm.

Tùng có 6 thứ :

Trung y có 2 thứ, hạ y có 4 thứ vậy.

Nếu được y chính làm phép như trên mà thọ trì (*Nếu may y bề lá hay chụp lá, khi làm phép thọ trì phải thay đổi hai chữ cắt rọc*).

Nếu y An Đà Hội thiếu, mà y trung và y thượng có dư cho đem làm y tùng mà thọ trì, thì phải làm phép như vậy :

Thưa Đại đức một lòng thương xót tôi Tỳ Kheo... y An Đà Hội này 25 điều, 4 miếng dài, 1 miếng vắn, cắt rọc may thành y, nay tôi xin thọ trì. (*nói ba lần*).

Cho đến y chín điều, bảy điều, làm phép thọ trì sánh theo đây nên biết.

Nếu y Uất Đa La Tăng thiếu mà hai y kia có dư, cũng được đem làm y tùng, so ở trên đây nên biết.

Y Tăng Già Lê có thiếu cũng vậy.

Nếu khi thọ y man An Đà Hội, thì phải thưa như vậy :

Thưa Đại đức một lòng thương xót tôi Tỳ Kheo... y man An Đà Hội này, nay tôi xin thọ trì. (nói ba lần).

Nếu đem y man mà làm từng Uất Đa La Tăng hay là y Tăng Già Lê, thì cũng chuẩn theo An Đà Hội mà thọ trì. Không nên cái y đó chưa xả, lại đem đổi cho ông khác, phải xả rồi vậy sau mới đổi chác.

Thiện Kiến Luật và Ngũ Phần Luật cho thầy Tỳ Kheo ở một mình, tâm tưởng miệng nói tự thọ.

Nghĩa là : Một mình đối trước bàn Phật, làm phép thọ trì, phải đủ oai nghi, tay cầm y bạch rằng: "Tôi Tỳ Kheo... y Tăng Già Lê này bao nhiêu điều, bao nhiêu miếng dài, bao nhiêu miếng vắn, cắt rọc, xếp lá hay chụp lá may thành y, nay tôi xin thọ trì" (nói ba lần).

Nếu ba y muốn đổi chác nhau, phải trước làm phép xả cái y mình thọ trì, sau sẽ thọ cái y mới đổi của ông kia, còn cái y xả của mình, phải dấy tâm tưởng làm phép tịnh thí (Phép tịnh thí như trong giới Triếp trước tịnh thí y Ba Đạt Đề thứ 59 có giải).

Tát Bà Đa Luận nói : "Ba y nếu rách nhưng cái viền không đứt đoạn, thì không mất phép thọ trì".

Căn Bản Luật nói : "Y lớn nhỏ sai khác có ba bậc : là bậc thượng, trung và hạ"

Đại y bậc thượng : bề đứng 3 cánh chỏ, bề ngang 5 cánh chỏ (một cánh chỏ cỡ 4 tấc tây)

Y bậc hạ : bề đứng 2 cánh chỏ rưỡi, bề ngang 4 cánh chỏ rưỡi.

Chính giữa hai bậc đó, gọi là y bậc trung, còn 2 y kia cũng như vậy.

Y 5 điều có hai thứ :

- 1.- Bề đứng 2 cánh chỏ, bề ngang 5 cánh chỏ.
- 2.- Bề đứng 2 cánh chỏ, bề ngang 4 cánh chỏ.

Ngũ Phần Luật nói : “Cỡ cánh chỏ dài vẫn không nhất định. Phật dạy tùy theo cỡ của thân”.

Luật Nhiếp nói : “Như thân lớn mà cánh chỏ vẫn, thì theo cỡ của thân, không theo cỡ cánh chỏ, trái lại thân nhỏ mà cánh chỏ dài, thì cũng theo cỡ của thân”.

Còn cách thức may y, hình nó giống bờ ruộng, mà cắt rọc ra may, điều nó xếp qua hai bên, không nên xuôi một phía, các điều có ba cỡ khác nhau, là bậc thượng, trung, hạ.

Điều bậc thượng rộng bốn ngón tay, hoặc bằng cái chân con chim xò ra, còn hẹp thì bằng hai ngón tay, chính giữa hai bậc ấy là bậc trung vậy. Phàm may, bức nhỏ phải ngang giữa bức lớn, song bức nhỏ trông bức lớn, khi cắt phải thêm phân nửa lá (nửa điều) sau khi may rồi, mới là sáng tối cân xứng ngang nhau, nếu may khác đây, thì chẳng phải vậy.

Bốn ben đặt thành hơi hẹp hơn cái điều, may một miếng trên chỗ vai, cách thành 4 ngón tay, chính giữa miếng vải đó khoét một lỗ nhỏ, đặt sợi

khuy nhỏ, dài chừng 2 ngón tay buộc lại với nhau, như số 8, bện thành 2 khuy. Bên thành ở trước ngực nên kết cái nút. Xấp vài ba lớp vải, là chỗ đơm cái nút, hoặc tùy theo thân lớn nhỏ.

Nút có ba thứ :

- 1.- Nút giống như hột anh áo
- 2.- Nút giống như hột quỳ
- 3.- Nút giống như hột lê.

Thành trên thành dưới cũng kết nút khuy như vậy, dù đắp mặc, trở lên trở xuống cũng được, không lỗi.

Nếu khi đi ra ngoài, gài cái nút vào khuy, như vậy quần luôn trên cổ, lấy chéo y vắt lên vai. Nếu cái thành y đứt hư, thì phải lấy vải vá lại, hoặc lấy chỉ khiêu cùng hai bên lại (*kết cái thân và cái thành y lại cho dính nhau*).

Hoặc y muốn rách, phải lấy chỉ dài lèo qua lại nhiều lớp, hoặc thấy lủng lỗ, thì phải sửa kết, hoặc trong bức nào có rã, thì vá chồng lên thêm một miếng vải nữa. Nếu như rách hết không còn dùng được, thì phải đem làm tim đèn, hoặc bằm nhỏ, trộn với phần trâu làm hồ, hoặc lấp lỗ cột, hoặc tô vách tường. Làm như vậy cho người thí chủ không mất ruộng phước lại còn tăng thêm.

Nếu thân đắp y rồi, không nên ngồi chỗ bậy bạ, như là chỗ đất ướt, đóng cây, tảng đá, đóng rác; nếu khi làm việc cần phải hộ y, đừng cho đất cát lấm y; nếu khi đi du lịch gặp chỗ chông gai, phải vén y lên, đừng để gai quào lủng rách; hoặc y đáng

giặt mà không giặt, đáng vá, đáng nhuộm, mà không vá, không nhuộm đều phạm Ác tác.

Không nên đắp đại y mà làm công việc thường hay là đi ngoài đường, không nên để y lót dưới chân mà ngồi (để y kẹt dưới dít) và đắp mà nằm, cũng không nên để mình trần mà đắp, khi lễ bái, y đừng cho phết đất (phải trải tọa cụ hay chiếu) và đừng để bao đầu gối.

Không nên lót hai cái y bậc hạ mà ngồi nằm trên ấy, nếu tưng ngật không có vật khác, thì phương tiện cho lót ngồi nằm không phạm.

Nếu ba y ở trên vai có dấy mùi hôi nhơ, phải lấy miếng vải lót mà lót chỗ vai đó, bề dài một cánh chỏ rưỡi, bề ngang một gang tay, may bìa bốn phía, tra nút bóp gắn lên vai áo, chỗ dấy mùi hôi nhơ, sau nó có lấm dơ nữa gỡ ra giặt.

Phép giặt y phải lược một thùng nước tro mà giặt, hoặc lấy tay hay chân vò đập nhè nhẹ mà giặt. Nếu bị dính keo hay là vật nhơ khác, thì phải dùng nước sôi hay là nước tro v.v... mà giặt đó (nay có xà phòng giặt y càng thuận tiện).

Phép nhuộm y : Trước lấy vỏ cây, rửa sạch bụi đất, đâm giã cho nhỏ đem phơi cho khô, sắc lấy ba nước, đổ riêng ba chậu, nhúng chậu đầu trước, kế đó nhúng chậu thứ hai, sau nhúng đến chậu thứ ba. Mà trước khi nhúng phải dùng một chút nước lã nhồi cho ướt đều lá y, nhuộm rồi vắt bỏ nước đó, bóp nhồi vài lần cho thấm đều mới đem phơi.

Y mới, phải nhuộm bằng nước vỏ cây tươi, và phơi ở ngoài nắng. Còn y cũ phải nhuộm bằng nước vỏ cây khô, và phơi ở trong chỗ mát, đợi cho khô rồi lấy chút nước lã nhỏ, thì màu nó rất tươi và cũng không phai lợt.

Cách thức phơi y : Lây dây sạch giăng ngang phơi y lên, chẻ kẹp tre kẹp nó lại, nước chảy xuống mé dưới phải trở nó lên đừng cho nó xuống đất, phải thường thường coi chừng trở. Nếu y hai lớp, phải phơi trên sào tre, và cũng phải trở cho thường thường (nếu y lớn nặng, khi phơi trên sào tre, coi trở cho thường thường).

Trong ba y không nên đắp mà cạo tóc, phải sắm riêng cái choàng cạo tóc, hoặc lấy cái chăn tấm choàng lên vai mà cạo cũng được.

Phải sắm cái túi đựng y. Kiểu mẫu may túi : lấy một bức vải bố dài cỡ ba cánh chỏ, rộng một cánh chỏ rưỡi, xấp dài hai lớp, may hai đầu lại, chính giữa chừa miệng, để y trong đó mang trên vai, miệng kết sợi dây khuy buộc lại (cái khuy cài có răng cưa, ví dụ : *Fermeture Métallique*) đừng cho loài trùng chun vào.

Khi để y cái nào thường dùng thì để trên, cái nào không thường dùng thì để dưới.

Lại ba y để lên trên, các y kia để ở dưới, để ý giữ gìn như hộ da thân và muốn cho thí chủ được phước nhiều, và người thọ thí khỏi sự thiếu thốn.

Đại y là gì ? Là chủ trong các y, không nên làm việc gì cũng đắp, chỉ khi vào chốn tụ lạc, khi đi

khất thực tùy theo khi ăn uống, khi nhập chúng thọ cơm, khi lễ tháp, khi nghe kinh, khi lễ vị Hòa Thượng, vị Yết Ma và khi lễ đồng phạm hạnh, những chỗ như vậy thì nên đắp đại y.

Còn y 7 điều, nên đắp trong chỗ sạch nơi chùa chiền và khi ăn cơm các việc. Còn y 5 điều, tùy chỗ nào đắp cũng được, đều không phạm.

Phàm khi đắp y phải bỏ ba thứ tâm :

- 1.- Tâm tinh tấn
- 2.- Tâm thọ dụng dễ duôi (*khinh thường*)
- 3.- Tâm mong cầu danh tiếng. Giả dạng mặc y xấu, muốn người ta biết mình là người có đức hạnh.

Nếu có ba thứ tâm như trên, thì không nên đắp, miễn cho hoại sắc và vừa được đỡ thân, thuận theo Phật dạy gắng tu pháp lành và phải khởi 5 thứ tâm :

- 1.- Biết độ lượng mà dùng chớ cho hao tổn.
- 2.- Biết thay đổi không nên mặc hoài một cái, làm cho mau hôi, mau rách.
- 3.- Biết nghĩ xét công người làm ra rất khó, dấy tâm lo trả ơn kia, khi lãnh dùng rồi đừng làm việc phi pháp.
- 4.- Biết thời tiết, thời nào lạnh thì đắp y dày, thời nào nóng thì đắp y mỏng cho hợp pháp.
- 5.- Biết số 13 món hộ thân, dù được giúp thân, đừng chất chứa y nhiều, nuôi lớn lòng tham, phế bỏ đạo nghiệp.

Nói 13 món là gì ?

- 1) Y chín điều
- 2) Y bảy điều
- 3) Y năm điều
- 4) Tọa cụ
- 5) Quần
- 6) Quần phụ (*quần lót*)
- 7) Áo che nách
- 8) Áo che nách phụ (*áo lót*)
- 9) Khăn lau mình
- 10) Khăn lau mặt
- 11) Choàng cạo tóc
- 12) Khăn tử ghê
- 13) Cái túi đựng thuốc (*thuốc trị bệnh*).

Lại giải rằng : nói dùng vỏ cây xắt nước để nhuộm cũng không nhất định bởi tùy chỗ, tùy xứ có vật chi, hoặc rễ cây, hoặc lá cây, hoặc hợp màu để nhuộm được.

Giới thứ tư**KHÔNG NÊN THỌ Y CỦA CÔ NI KHÔNG BÀ CON**

CHÍNH VĂN : Nếu Tỳ Kheo thọ y của Tỳ Kheo Ni không bà con, thì phạm Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề. Trừ đổi chác nhau.

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại thành Vương Xá, khi đó có thầy Tỳ Kheo, mặc cái y Tăng Già Lê phẩn tảo cũ rách, cô Liên Hoa Sắc Tỳ Kheo Ni xem thấy, đầy lòng thương xót, liền cởi cái y quý giá của cô, đem đổi y rách của ông kia, rồi cô mặc y ấy đến ra

mắt đức Thế Tôn. Phật nói : “Này Liên Hoa Sắc, người không nên làm như vậy, ta cho Tỳ Kheo Ni chứa năm thứ y toàn vẹn, còn các y khác thì tùy ý tịnh thí cho ai cũng được”. Nhân đây Phật kết giới cấm Tỳ Kheo thọ y của mấy cô.

Các thầy Tỳ Kheo ai cũng sợ, nên cẩn thận, không dám thọ y của mấy cô Ni bà con. Phật nói : cho thọ.

Vì sao ? Nếu thiệt bà con, thì có tâm xét nét, coi cô kia có y dư, hay là không dư, còn mình thì đáng thọ hay là không đáng thọ, hoặc tốt hay xấu, hoặc mới hay cũ.

Bấy giờ trong rừng Kỳ Hoàn, Tăng và Ni hai bộ, được thí chủ cúng y cùng nhau đem chia, hai bên đều chia lộn y, mà không dám đổi lại, Phật nói: cho đổi lại, vì cố ấy mà kết thêm câu : Trừ đổi cho nhau.

Bà con là gì ? Là thân thuộc với cha mẹ.

Nghĩa là : Bấy đời trở lại, có bao nhiêu thân tộc, đều gọi là bà con. Khác đây không phải bà con. Vì khi mình thọ y của cô Ni không bà con, thì mình không xét coi cô kia có dư hay không có dư, nếu của người bà con, thì mình theo để tâm suy xét rồi mới thọ. Nên Phật cấm thọ y của người không bà con vậy.

Tỳ Kheo Ni là gì ? Nghĩa là : Người đối trước hai bộ Tăng, thọ giới cụ túc, chớ chẳng phải Sa Di Ni, hay là cô học pháp.

Y là gì ? Là có 10 thứ y đã giải như trước,

Trừ đổi cho nhau là sao ? Nghĩa là : Cho đổi không tội, hoặc đem y đổi y, hoặc đem y đổi các vật, hoặc đem các vật đổi y, hoặc đem ống kim, dao cạo, chỉ, nhẫn đến một hoàn thuốc đổi y.

Trong phép xả y, phép sám hối, phép trả y, phạm tội nặng nhẹ đều giải như giới trước. Bốn chúng kia phạm Đột Kiệt La, nếu vì chúng Tăng, vì tháp thọ đó, thì không phạm.

Tát Bà Đa Luận nói : “Thọ y, bát (thuộc 5 món chính của cô Ni) đúng cỡ, phạm Xả đọa, thọ y không đúng cỡ, phạm Ác tác”.

Ngũ Phần Luật nói : “Thọ y của hai chúng dưới (Sa Di Ni, Thức Xoa) không bà con phạm Ác tác, nếu người bà con phạm giới tà kiến, mà mình thọ y của họ, thì phạm Ác tác”.

Căn Bản Luật nói : “Nếu cô Ni đem y cúng cho chúng Tăng, hoặc vì ông nói pháp nên cho y, hoặc vì ông thọ giới cụ túc nên cho y, hoặc thấy ông kia bị ăn cướp nên cho y, hoặc khi mua của quý cô, cũng được : hoặc mấy cô được nhiều lợi dưỡng đem vải đến trước thầy Tỳ Kheo, để dưới đất nói như vậy :

“Cúi xin thánh giả từ bi, vì tôi nạp thọ vải này, rồi bỏ mà đi, thọ cũng không phạm”.

Giới thứ năm
MƯỢN CÔ NI KHÔNG BÀ CON GIẶT Y

CHÍNH VĂN : Nếu Tỳ Kheo, mượn cô Ni không bà con giặt y cũ, hoặc nhuộm, hoặc đập, thì phạm Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề.

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại nước Xá Vệ. Trong vườn ông Cấp Cô Độc, khi đó ông Ca Lưu Đà Di, với cô Tỳ Kheo Ni tên Thâu Lan Nan Đà, ngồi ngang ngó mặt nhau, bèn chảy nước bất tịnh (tức là xuất tinh), ông mượn cô đem giặt giùm, cô gỡ cái tinh dính trong quần, để vào cái nũ căn, sau bèn thọ thai. Nhân đây mà Phật liền cấm, không cho cô Ni giặt y, các thầy Tỳ Kheo sợ cẩn thận, không dám mượn cô Ni bà con giặt y, Phật nói : “Cho mượn cô Ni bà con giặt”.

Không bà con v.v... là sao ? Đã giải như trước. Đây là ngăn ngừa người nghi họ chê bai nên mở cho cô Ni có bà con; và cũng ngừa việc dâm dục, bởi vì thường thấy mấy cô không bà con, thì lòng phiền não càng thêm mạnh, nên tội lỗi từ nơi đây mà sinh, thế nên cấm mượn cô Ni không bà con giặt vậy.

Giặt là sao ? Là giặt rửa, nhấn đến nhúng vào nước một lần.

Cũ là gì ? Là nhấn đến đập vào thân một lần cũng gọi là y cũ.

Nhuộm là sao ? Là nhấn đến một phen nhúng vào nước màu vậy.

Đập là gì ? Là nhấn đến lấy tay vỗ một cái.

Thể thức phạm tội trong đây như thế nào ?

Nếu mượn cô Ni giặt, nhuộm và đập là đủ ba việc (giặt, nhuộm và đập) thì phạm ba tội Xả đọa, tùy có một việc cô kia không làm, thì phạm một tội Ác tác, nếu mượn ba việc mà cô kia không làm hết, thì phạm ba tội Ác tác. Vì mượn có thiếu, có đủ, phạm tội cứ theo đây nên biết, nếu thiệt y mới phạm Ác tác.

Nếu mượn cô Thức Xoa hay là cô Sa Di Ni không bà con giặt y cũ cũng phạm Ác tác, còn phép xả y, phép sám hối, phép hườn y, có phạm không phạm cũng giải đồng như giới trước. Bốn chúng kia phạm Đột Kiết La.

Tăng Kỳ Luật nói : “Nếu vì Hòa Thượng, A Xà Lê, đem y mượn cô Ni giặt, thì phạm tội Diệt Tỳ Ni, vì tháp hay vì chúng Tăng thì không phạm”

Lặc Già Luận nói : “Mượn giặt tọa cụ phạm Xả đọa, giặt nệm gối, v.v... phạm Ác tác”.

Luật Nhiếp nói : “Hoặc Tỳ Kheo già bệnh, yếu đuối, hoặc mấy cô cung kính trọng đức, lòng muốn giặt giùm, hoặc kẻ đệ tử hoặc mượn cô Ni bà con, mà cô không bà con giặt giùm như đây đều không phạm”.

Nếu y như, mình đem giặt, hoặc mượn đệ tử phải khéo dụng tâm, đừng cho y rách, phạm giặt y có 5 điều lợi :

- 1.- Trừ hôi hám
- 2.- Kiến rệp khởi sinh
- 3.- Thân không xót xấy (*ngứa ngâm*)
- 4.- Nhuộm ăn màu
- 5.- Đắp dùm lâu rách.

Không giặt y cũng có năm điều lỗi, trái lại trên, thành 5 việc lợi.

Mặc y hoại sắc cũng có 5 việc lợi :

- 1.- Thuận theo hình dạng của Phật
- 2.- Vì lia tâm kiêu mạn
- 3.- Không nhiễm đấm trần cấu
- 4.- Không sinh rận rệp
- 5.- Khi cầm mềm mại dễ giữ gìn.

Giặt y thường lấm cũng có 5 việc lỗi :

- 1.- Mau rách
- 2.- Mệt nhọc
- 3.- Dùm rất nhọc tâm
- 4.- Nhọc sức vô ích
- 5.- Ngăn ngại các việc lành.

Đắp y nhuộm tốt cũng có 5 việc lỗi :

- 1) Tự nuôi lớn tâm buông lung, người khác sinh tâm tật đổ.
- 2) Người kia biết mình ưa sửa sang sạch đẹp
- 3) Khi tìm thì rất nhọc nhằn.
- 4) Hay ngăn các việc lành.
- 5) Nhuộm quá rách y, và dùm không được chắc.

Đập giũ quá cũng có 5 việc lỗi, đồng giải như vẫn trước; hoặc có người thí chủ, cúng cho mình cái y láng tốt, phải nhuộm lại cho xuống màu mà dùng, nếu còn láng tốt, thì đem để giữa mù sương, thoa cho nó mất láng; hoặc lấy nước ngâm cho nó ra màu rồi dùng, như trước đã nói; không y đây mà làm, thì phạm Ác tác.

Giới thứ sáu

TỚI NHÀ CƯ SĨ KHÔNG BÀ CON XIN Y

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo, tới Cư sĩ hoặc vợ Cư sĩ không bà con xin y, thì phạm Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề. Trừ khi khác (khi bị ăn cướp giạt y, mất y, cháy y, trôi y, đó gọi là khi khác).*

CHÚ GIẢI : : Khi ấy Phật ngự tại nước Xá Vệ. Ông Bạt Nan Đà Thích tử gắng xin cái y bạch điệp quý báu của ông Trưởng giả. Người đời thấy vậy sinh tâm nghi cười, nhân nơi đây Phật liền kiết giới cấm. Các thầy Tỳ Kheo đều sợ cẩn thận, không dám tới bà con Cư sĩ xin y. Phật nói : “Cho xin y Cư sĩ có bà con”.

Khi đó các thầy Tỳ Kheo kiết hạ an cư mãn rồi, đến ra mắt đức Thế Tôn, sợ đi ban ngày trời nắng, nên đi ban đêm, trời tối đi lạc đường bị ăn cướp giạt y, lỏa hình mà đi về chùa, sợ đi lỏa hình mà đi có hai nghĩa :

1.- Là vì Phật chế giới cấm, nên không dám xin y.

2.- Là vì khiến tương lai Tỳ Kheo có xảy ra nạn này : muốn Phật vì nhân duyên mở cho. Phật nói : “Lôa hình mà đi phạm Ác tác, phải lấy cỏ nhuyễn hay là lá cây che lại về đến chùa, lấy y dư của mình mặc vô”.

Nếu mình không có, thì mượn y dư của thầy Tỳ Kheo bạn thân mà mặc, nếu biết Tỳ Kheo bạn thân không có dư, thì mượn đồ của chúng Tăng mà che thân, rồi ra ngoài lần lượt kiếm xin, nếu được vải rồi, thì phải đem về giặt, nhuộm may xong để làm phép thọ và mặc lại như cũ. Nếu không được vậy, thì như pháp mà trị tội.

Khi đó có Tỳ Kheo, bị cướp giặt y, mất y, cháy y, trôi y, sợ cẩn thận không dám tới Cư sĩ không bà con mà xin y. Phật nói : “Cho xin” do các duyên đây, mà Phật kết thêm câu : Trừ khi khác.

Giới trước, kết giới cấm xin y người xuất gia, nhưng cấm xin bên Ni. Giới này cấm tới người tại gia xin, không luận kẻ nam người nữ, cũng đều không cho.

Cư sĩ là chi ? Nghĩa là : Những người tại gia nhiều người giàu có, gia nghiệp dư dả. Lại có chỗ giải : “Người ưa luận danh ngôn, giữ mình trong sạch, đó gọi là người Cư sĩ”.

Xin y là sao ? Là tới người kia xin hỏi mà được.

Y là gì ? Có 10 thứ đã giải thích như trước.

Trừ khi khác là khi nào ? Là lúc bị nạn, thì xin không phạm.

Cướp y là gì ? Là bị ăn cướp giật lấy.

Mất y là sao ? Là mình làm rớt mất, hoặc bỏ quên chỗ khác.

Cháy y như thế nào ? Là bị lửa đốt cháy vậy.

Trôi là gì ? Là bị nước cuốn trôi mất vậy.

Trong đây phép xả y, phép sám hối, phép hườn y v.v... đều giải như giới trước. Tỳ Kheo Ni đồng phạm, ba chúng sau phạm Ác tác.

Hoặc xin y của ông đồng xuất gia, hoặc mình xin giùm người khác, hoặc người khác xin giùm mình, hoặc không xin mà người ta đem cho, thấy đều không phạm.

Tăng Kỳ Luật nói : Hoặc mình xin, hoặc mượn người khác xin, hoặc giả danh lạnh, nóng mà xin, hoặc nói công đức thí y mà xin, hễ được thì phạm Xả đọa.

Nếu xin vải làm vọt lược nước, xin miếng nhỏ vá y, xin miếng bao đầu, xin miếng băng ghê, hoặc miếng bằng 4 ngón tay, hoặc một điều trong y, đều không phạm.

Vì hai thầy mà xin, phạm tội Diệt Tỳ Ni (*Hai thầy là : Hòa Thượng và A Xà Lê*). Vì tháp, vì chúng Tăng mà xin thì không phạm.

Tát Bà Đa Luận nói : “Hoặc sai người đem thư, hoặc nhắn tin người khác, hoặc hai người xin chung

một y, hoặc mình xin giùm người khác, đều phạm Đột Kiết La. Nếu được cái y đúng cỡ thì phạm Xả đọa, được y không đúng cỡ, phạm Đột Kiết La”.

Nếu bà con cho mình ít, mình lại đòi nhiều, hay xin giùm cho người khác, thì cũng phạm Đột Kiết La, hoặc người không bà con, trước thỉnh mình cúng y, sau họ nghèo thiếu, còn theo xin nữa, phạm Đột Kiết La. Hoặc cho ít, mình lại xin nhiều, hay là xin giùm người khác, cũng phạm tội Đột Kiết La.

Giới thứ bảy THỌ Y QUÁ

CHÍNH VĂN : Nếu Tỳ Kheo bị mất y, cướp y, cháy y, trôi y, hoặc Cư sĩ hay vợ Cư sĩ không bà con, tự tứ (là tự ý) thỉnh cho nhiều y, Tỳ Kheo đó phải biết đủ mà thọ, nếu thọ quá thì phạm Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề.

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại nước Xá Vệ, khi đó có nhiều Tỳ Kheo bị ăn cướp giạt y, đi về đến Kỳ Hoàn tịnh xá, có ông Cư sĩ nghe các thầy mất y, ông đem nhiều y tốt đến cúng, tùy ý lấy dùng, các Tỳ Kheo đáp rằng : “Chúng tôi còn đủ ba y, không dám thọ nữa”.

Phái Lục quần Tỳ Kheo, bảo các Tỳ Kheo rằng: “Sao không lấy cho chúng tôi, hay là cho ông khác ư”. Các thầy Tỳ Kheo liền lấy cho mấy ông. Bấy giờ các ông Thiếu dục Tỳ Kheo quở trách rồi bạch lên đức Phật. Phật liền kiết giới cấm.

Mất y v.v... là sao ? Như văn trên đã giải.

Tự tứ thỉnh là gì ? Nghĩa là : Ông Cư sĩ nói tự ý thầy Tỳ Kheo, muốn xin mấy cái cũng được.

Phải biết đủ mà thọ y là sao ? Biết đủ có 2 nghĩa :

1.- Đối với người tại gia biết đủ. Nghĩa là : Tùy người Cư sĩ cho bao nhiêu thì thọ bấy nhiêu.

2.- Sự biết đủ của người xuất gia là ba y thôi. Nếu mất một y thì không nên thọ, hoặc mất hai y mà còn lại một y, hoặc y đó hai lớp, ba lớp, bốn lớp, phải gỡ ra để làm đủ ba y mà thọ trì, nếu ba y mất hết, phải biết đủ mà thọ ba y thôi.

Nếu Cư sĩ thỉnh tự ý cho nhiều y, hoặc y mịn, y mỏng, phải thọ làm hai lớp, ba lớp, bốn lớp, và may cái thành kết miếng vải trên vai lót mồ hôi, và cũng kết thêm nút khuy cho đủ (*như trong giới thứ ba trước đã nói*).

Nếu vải còn dư phải hỏi Cư sĩ rằng : “Vải này còn dư đây Cư sĩ có làm việc chi không ?”

Nếu thí chủ nói : “Chúng tôi không vì việc mất y mà cho, chính chúng tôi vì muốn đem cho Đại đức thôi”, nếu Tỳ Kheo muốn thọ, thì thọ. Nhưng thọ quá số ba y, thì phạm Xả đạo.

Pháp xả y, sám hối, hườn y v.v... Có phạm không phạm như giới trước đã giải. Tỳ Kheo Ni đồng phạm, ba chúng sau phạm Đột Kiết La.

Luật khác : thì cho thọ y Tăng Già Lê và y An Đà Hội.

Giới thứ tám
XIN Y TỐT TRẢ GIÁ THÊM.

CHÍNH VĂN : Nếu Tỳ Kheo, có hai vợ chồng ông Cư sĩ vì thầy Tỳ Kheo lo số tiền sắm y, mua y như vậy : cho Tỳ Kheo... mà thầy Tỳ Kheo đó trước không thọ thỉnh tự ý, lại đến nhà Cư sĩ nói lời như vậy : "Lành thay Cư sĩ, vì tôi mua y như vậy... như vậy cho tôi", vì có muốn cho tốt, nếu được y thì phạm Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề.

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại nước Xá Vệ, ông Bạt Nan Đà Thích tử, nghe vợ chồng ông đàn việt sắm số tiền muốn mua y cúng, ông liền đi đến nhà kia bảo rằng : Nếu Cư sĩ muốn cúng y cho tôi thì phải may rộng, lớn, mới, chắc, tốt, mịn, như vậy mới nhằm y tôi thọ trì. Ông đàn việt kia liền sinh tâm chê ghét.

Phật liền nhân đây mà kiết giới.

Khi đó có Cư sĩ thỉnh thầy Tỳ Kheo bằng cách tự ý. Ông hỏi Tỳ Kheo rằng : "Đại đức muốn dùng y hạng nào ?". Thầy Tỳ Kheo tâm nghi sợ phạm giới, không dám trả lời. Lại có Cư sĩ nữa, muốn sắm cho thầy Tỳ Kheo cái y quý giá, thầy Tỳ Kheo thiếu dục tri túc (tức là ông ít muốn và biết đủ) muốn dùng cái y khác, cũng có tâm nghi sợ, không dám tùy ý xin hỏi. Phật dạy : "Nếu thỉnh bằng cách tự ý, thì cho tự do xin hỏi không ngại".

Nhân đây Phật kiết giới thêm : "Trừ tự ý thỉnh".

Hai vợ chồng ông Cư sĩ là ai ? Là hai vợ chồng người thí chủ, đồng tâm dâng cúng y cho thầy Tỳ Kheo vậy.

Lo số tiền là sao ? Lo : Nghĩa là : dự bị chứa để sẵn.

Giá tiền y là những gì ? Nghĩa là : Vàng, bạc, tiền, cũng gồm hết các thứ bảy báu v.v...

Mua là sao ? Nghĩa là : Lấy giá cả đổi được vật đó, chẳng phải xin của ai cả.

Y như vậy là sao ? Là 10 món y thầy Tỳ Kheo cần dùng vậy.

Cho là gì ? Là không phải tự thầy Tỳ Kheo tới xin, mà chính ông Cư sĩ muốn cúng cho vậy.

Trước không thọ thỉnh tự ý là thế nào ? Nghĩa là : Thầy Tỳ Kheo, trước chưa từng được Cư sĩ mời thỉnh tự ý xin y, mà ông lại đi đến gặng cầu y lớn quý giá. Cầu cũng có hai thế :

1.- Cầu y quá cao giá, những đến cầu thêm một phần, trong 16 phần của một tiền (*một tiền có 16 phần, là xin lại một phần trong 16 phần*).

2.- Cầu cái y cho thật lớn và rộng, những đến cầu thêm một sợi chỉ vậy.

Lành thay Cư sĩ là sao ? Đây là lời khen tặng, muốn cho Cư sĩ kia cúng thêm y tốt vậy.

Y như vậy như vậy là thế nào ? Là cái y rộng, lớn, mới, tốt, chắc, mịn.

Vì cố muốn chớ tốt v.v... Là vì thầy Tỳ Kheo muốn xin y tốt như vậy, hễ xin được thì phạm tội Xả đọa, còn xin không được, phạm Ác tác.

Tỳ Kheo Ni đồng phạm, ba chúng sau phạm Ác tác.

Phép xả y, phép sám hối, phép hườn y, có phạm, không phạm đồng như giới trước.

Tỳ Ni Tỳ Bà Sa nói : “Hoặc sai người, hoặc gửi thư hoặc nhắn tin (để nói về việc xin y) phạm Đột Kiết La”.

Nếu ta không vì cố tâm xin cái y tốt đẹp, quý giá rộng lớn, mà tùy Cư sĩ đem cho cái y quý giá tốt đẹp và rộng lớn bằng cỡ nói trên, hoặc kém giá hơn ta thọ không phạm.

Được cái y đúng cỡ, bề đứng đúng 4 cánh chỏ, bề ngang 8 cánh chỏ, phạm Xả đọa, (vì lòng tham cầu), được cái y không đúng cỡ phạm Ác tác, nếu người bà con nghèo thiếu, mà tới xin, phạm Ác tác.

Ngũ Phần Luật nói : “Tới bà con xin y tốt, thì phạm Ác tác”.

Căn Bản Luật nói : “Nếu mình xin miếng vải nhỏ, mà họ cho miếng vải lớn thì không phạm”.

Gới thứ chín

KHUYÊN NHIỀU NGƯỜI CHUNG ĐẬU TIỀN MUA Y

CHÍNH VĂN : Nếu Tỳ Kheo, có hai Cư sĩ hoặc vợ Cư sĩ sắp đặt chung đậu số tiền như vậy, mua y như vậy để cúng cho Tỳ Kheo... mà Tỳ Kheo ấy, trước

không thọ Cư sĩ thỉnh tự ý; đến nhà hai Cư sĩ nói lời như vậy : Lành thay Cư sĩ, chung đạu số tiền, mua một lá y như vậy, như vậy cho tôi, vì cơ muốn tốt vậy; nếu được y, thì phạm Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề.

CHÚ GIẢI : Duyên xử đồng như giới trước, giới trước là nói vợ chồng một ông Cư sĩ lo số tiền mua y mà cúng cho thầy Tỳ Kheo; nhưng Tỳ Kheo khuyên bảo thêm tiền, sắm y cho tốt. Còn giới này cả hai vợ chồng Cư sĩ hợp tác đạu tiền để mua y cúng cho thầy Tỳ Kheo, nhưng chưa cúng mà ông đến khuyên hợp tiền lại, mua một cái y cho thật tốt. Vì thế giới này và giới trước có khác, ngoài ra có phạm, không phạm cũng đồng như giới trước.

Giới thứ mười

CẤM ĐÒI MAY Y QUÁ SÁU LẦN.

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo, hoặc có vua, quan Đại thần, Bà La Môn, cùng Ưu bà tắc, Ưu bà di, phái người đem số tiền y đến cho Tỳ Kheo sắm y, bảo đem số tiền như vậy cho Tỳ Kheo...*

Người kia đến chỗ thầy Tỳ Kheo thưa rằng : “Thưa Đại đức nay tôi đem tiền y này cho ngài, xin ngài nạp thọ”, thì vị Tỳ Kheo phải nói với phái viên như vậy : “Tôi không dám thọ tiền y đó, nếu tôi muốn dùng y, hạp thời và thanh tịnh thì mới thọ”.

Phái viên hỏi : Đại đức có người giúp việc không ? Vị Tỳ Kheo đáp rằng “Có”.

Hoặc người tịnh nhân đó là người giúp việc cho Tỳ Kheo, ở trong đất chùa hay ở ngoài đất chùa và thường hay giúp việc cho các thầy Tỳ Kheo, ông

nên đem tiền đó mà giao cho người ấy. Khi đó phái viên đi đến chỗ tịnh nhân, giao tiền y rồi trở lại chỗ vị Tỳ Kheo thưa rằng : “Thưa Đại đức, tôi đã giao số tiền y cho vị tịnh nhân mà ngài đã chỉ đó rồi”.

Vậy Đại đức phải biết thời đến đó thì được y, Tỳ Kheo muốn dùng y, phải đi đến chỗ tịnh nhân, hoặc hai lần, ba lần, nhắc cho kia nhớ, phải bảo như vậy : Ta muốn dùng y, hoặc hai lần, hoặc ba lần để cho kia nhớ, nếu được y thì tốt bằng không được y, đến bốn lần, năm lần, sáu lần, đứng im trước mặt, được y thì tốt, nếu chẳng được y, hãy nhắc đến lần thứ bảy được y, thì phạm Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề. Còn không được y, thì vị Tỳ Kheo phải cho thí chủ hay hoặc phái người cho thí chủ hay, nói rằng : “Trước ông bà phái người đem tiền y cho ông Tỳ Kheo... mà rốt cuộc ông ấy không được y, vậy ông bà phải lấy số tiền ấy về đừng để mất, thế là phải thời”.

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại nước Xá Vệ, trong thành Vương Xá, nơi vườn ông Cấp Cô Độc, có quan Đại thần phái người đem tiền y cho ông Bạt Nan Đà (hoặc nói : gửi cho khách buôn đem đến). Ông Bạt Nan Đà bèn dắt người phái viên ấy vào thành Xá Vệ, đem tiền y trao cho ông Trưởng giả quen giữ. Khi đó quan Đại thần hỏi người phái viên rằng : “Tôi trước phái ông đem tiền cho ông Bạt Nan Đà sắm y, ông có vì tôi đắp y đó không?”. Người phái viên đáp rằng : “Không thấy đắp”. Quan Đại thần lại phái người đòi tiền lại. Ông Bạt Nan Đà nghe rồi, bèn mau đến nhà ông Trưởng giả đòi tiền y.

Khi đó các ông Trưởng giả trong thành đi nhóm hội, trước có ra điều lệ, ai không đi nhóm hội, thì phạt 500 quan tiền, ông Trưởng giả bạch với Tỳ Kheo rằng : “Thưa Đại đức đợi tôi một chút, tôi đi phó hội về đã”. Ông Bạt Nan Đà nói : “Không được đâu phải sấm y cho tôi trước rồi sẽ đi nhóm hội”. Ông trưởng giả lo sấm y rồi, thì cuộc nhóm hội cũng xong, bị phạt 500 quan tiền. Khi đó ông Trưởng giả, cùng các nhà Cư sĩ ai ai cũng nhàm ghét, vì thế mà Phật liền kết giới này.

Vua quan đại thần và Cư sĩ là ai ? Nghĩa là : đồng như giới trước đã giải.

Bà La Môn là gì ? Trung Hoa dịch : Tịnh hạnh, cũng nói : “Tịnh vệ”.

Nghĩa là : Người nòi giống Phạm thiên, cũng gọi là : Phạm chí, chính là dòng quý bên nước ngũ thiên Ấn Độ, nước khác thì không có, nên nước đó gọi là Phạm thiên vậy.

Phái người là sao ? Nghĩa là : Hoặc sai người nam, nữ, người huỳnh môn v.v...

Người đem giá tiền y là gì ? Nghĩa là : Đem vàng, bạc, tiền, bẩy báu v.v.. cúng cho vậy.

Tôi không nên thọ tiền y là gì ? Phép của thầy Tỳ Kheo, không nên thọ chứa vàng, bạc, vật báu, cùng là lúa gạo, đậu mè, ruộng vườn, tôi tớ, trâu ngựa, xe cộ v.v... Nếu họ cúng cho Thường trụ Tam Bảo thì được chứa, nhưng phải giao phó cho tịnh nhân, hay là người tục tín v.v... Tịnh phần đóng thuế, để cúng cho chúng Tăng, chớ chúng Tăng

không được sai tịnh nhân làm, và muốn người khác làm cho mình, nếu làm thì thành ra của bất tịnh, chúng Tăng không nên ăn dùng, nếu ăn dùng thì mắc tội.

Hạp thời thanh tịnh tôi mới thọ là sao ? Hạp thời : Là nhằm thời Tỳ Kheo dùng y, hoặc thời Phật mở cho Tỳ Kheo chứa y.

Còn thanh tịnh : Là không trái pháp cấm của Như Lai và không có các việc ngăn trở có thể thọ dụng được, tôi sẽ nhận lãnh để làm y thọ trì vậy.

Tịnh nhân ở trong đất chùa là ai ? Là người tịnh nhân ở trong chùa, hay thường giúp làm các việc cho chúng Tăng, tức là người giúp việc cho Tỳ Kheo vậy.

Ưu bà tắc là gì ? Dịch là Cận sự nam, tức là người quy y Tam Bảo, thọ trì ngũ giới và nương gân dâng thờ các bậc Tỳ Kheo, cũng tức là người giúp việc cho thầy Tỳ Kheo đó.

Phái viên đi đến chỗ tịnh nhân là ai ? Nghĩa là : Người sứ kia đi đến chỗ người tịnh nhân mà Tỳ Kheo chỉ đó, đem số tiền may y cho ông, dặn phái hạp thời mua y thanh tịnh cho thầy Tỳ Kheo kia vậy.

Đại đức biết thời dùng y, đến chỗ tịnh nhân kia thì sẽ được là thế nào ? Nghĩa là : Người phái viên giao số tiền y rồi, trở lại chỗ Tỳ Kheo bạch rằng : “Thưa Đại đức biết thời dùng y, đến chỗ tịnh nhân kia, sẽ được tịnh y vậy”.

Tỳ Kheo muốn dùng y phải đến chỗ tịnh nhân là gì ? Nghĩa là : Tỳ Kheo đó khi muốn dùng y, thì phải đến chỗ người được giao số tiền kia mà hỏi.

Hoặc hai lần, ba lần nhắc cho nhớ là sao ? Nghĩa là : Hai ba lần đi đến nhắc cho tịnh nhân kia nhớ.

Tịnh nhân : Nghĩa là : Hoặc có người ở tại nhà, hoặc có người ở tại chợ, hoặc có người ở tại công sở, nhắc rằng : “Này ông, tôi nay muốn dùng y, ông sắm y cho tôi, đó là nhắc cho nhớ vậy”.

Nếu được thì tốt là thế nào ? Nghĩa là : Tỏ ý mình muốn, không mượn cách khác đòi.

Nếu không được y, hoặc bốn lần, năm lần, sáu lần, đứng im ở trước mặt là sao ? Nghĩa là : Ba lần nhắc đòi chưa được y, phải bốn lần, năm lần, sáu lần, đi đến chỗ tịnh nhân kia. Hoặc ở tại nhà, hoặc ông ở tại chợ, hoặc ông ở tại công sở, đến trước mặt ông làm thỉnh mà đứng. Nếu người tịnh nhân hỏi rằng : “Ngài có việc chi đứng đây ?”. Thấy Tỳ Kheo đáp rằng : “Tự ông biết lấy”. Nếu người tịnh nhân nói : “Tôi không biết”. Nếu lúc có người khác biết, thì thầy Tỳ Kheo phải nói : “Người kia biết đó”.

Làm như vậy được y thì tốt, nếu không được y thì không đến đòi nữa.

Nếu thầy Tỳ Kheo nhắc một lần, mất hai lần đứng im, nói ba lần, mất sáu lần đứng im.

Thế thức phạm tội trong giới này như thế nào ? Nếu quá 3 lần nhắc, 6 lần đứng im, hễ được y thì phạm Xả đọa.

Nếu 3 lần nhắc, 6 lần đứng im, cũng chưa được y, phải đến nhà ông đàn việt cúng tiền sám y kia, hoặc mình đến, hoặc sai người đáng tin cậy đến, cho người thí chủ hay đặng họ lấy tiền lại, đừng để cho lương mất. Đây là phép trả lại vậy.

Nếu ông đàn việt kia nói : “Tôi đã cúng cho ngài rồi, thì không dám lấy lại”. Tỳ Kheo đó phải lừa khi, dụ lời phương tiện đòi y.

Thế thức không phạm là sao ? Nếu vì làm cái y Tạt toái thì nên đòi, nhưng khi đòi phải khéo dùng phương tiện, lấy lời dụ ngọt mà đòi. Phép xá y, phép sám hối, phép hườn y, có phạm, không phạm đồng như giới trước. Tỳ Kheo Ni đồng phạm. Ba chúng sau phạm Ác tác.

Tỳ Bà Sa nói : “Thế của giới này, chính là ở nơi ba lần nhắc, ba lần lắng lặng, chớ không được quá. Nếu nhắc đến lần thứ bảy được y thành tội, không được y, phạm tội Đột Kiết La”.

Thiện Kiến Luật nói : “Nếu nhắc bằng cách làm thính, thì được nhắc đến 12 lần, nếu một lần nhắc đòi ra tiếng, thì trừ hết hai lần nhắc đòi bằng cách làm thính, nhân đến 6 lần nhắc, đòi ra tiếng, mất hết 12 lần làm thính”.

Tăng Kỳ Luật nói : “Ba lần nhắc đòi, sáu lần làm thính hoặc ông hẹn lâu hẹn mau”.

Vì sao gọi là hẹn lâu hẹn mau ? Nghĩa là : Khi đến, nhắc đời, ông kia đáp rằng : “Tôn giá đời một tháng nữa đến lấy y”. Thầy Tỳ Kheo đời đủ đến hỏi. Nếu ông kia nói : “Đời một tháng nữa đến thì có”, cũng phải đời một tháng nữa, đến hỏi. Nếu ông kia lại kỳ lần thứ ba (*Một tháng nữa ngài đến lấy, chắc chắn có y*). Thầy Tỳ Kheo cũng phải đời đúng một tháng rồi đến hỏi.

Nếu quá 3 tháng rồi, thì không được hỏi nữa. Nếu ông hẹn nửa tháng hay là 10 ngày nữa, hẳn đến trong một tu du, cũng không nên hỏi nữa.

Đến 6 lần như vậy rồi, quá 6 tháng rồi, hẳn đến 6 phần tu du rồi không nên đến đứng làm thỉnh nữa. Nếu khi đến nói với người thí chủ cúng tiền y, người chủ nói : “Tôi trước đã cúng cho ngài rồi, ngài theo phương tiện hỏi lại”. Bấy giờ thầy Tỳ Kheo được như trước : ba lần hỏi, 6 lần đứng làm thỉnh.

Căn Bản Luật nói : “Nếu thầy Tỳ Kheo phải người đến cho nhà thí chủ hay rồi. Tịnh nhân tới nói như vậy : “Thưa Thánh giả hãy lấy tiền y này”. Thầy Tỳ Kheo phải đáp rằng : “Tiền y đây tôi đã xả rồi, ông phải đem trả lại cho chủ cúng tiền sắm y kia”, trả như vậy là phải. Nếu thầy Tỳ Kheo lấy tiền y đó, thì phạm Xả đạo”.

Nếu người tịnh nhân nói : “Thánh giả hãy thọ tiền y này, còn người thí chủ kia tôi sẽ tổ phân với họ cho họ vui lòng”. Nếu nói như vậy thì ta lấy tiền y kia không phạm.

Giới thứ mười một
KHÔNG ĐƯỢC DÙNG CÁC THỨ TƯ TẦM
LÀM NGOẠ CỤ

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo dùng các tư tầm, xen lộn làm ngoạ cụ mới, thì phạm Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại nước Khoáng Dã, phái Lục quần Tỳ Kheo dùng các thứ tư tầm làm ngoạ cụ mới, đến nhà nuôi tầm nói rằng : “Chúng tôi muốn dùng chỉ tơ”. Người thợ nuôi tầm trả lời rằng : “Người đợi một chút nữa, đến thời tầm chín rồi lại”. Phái Lục sư đứng một bên trông đợi dòm coi, thì loài tầm kén kia đang rộ tiếng mãi trông chảo nước sôi lửa đỏ. Các ông Cư sĩ thấy chē cười. Các Tỳ Kheo đem việc này bạch lên đức Phật. Phật liền kết giới.

Các thứ xen lộn là gì ? Nghĩa là : Các thứ lông, hoặc bông kiếp bối, hoặc câu giá la, hoặc nhũ điệp thảo, hoặc Sô ma, hoặc ma (*chỉ gai*).

Các thứ tư tầm là chi ? Nghĩa là : Chỉ tơ vậy.

Làm là gì ? Nghĩa là : Hoặc mình làm, hoặc dạy người làm.

Mới là sao ? Có hai thứ :

1.- Mới làm 2.- Mới được (*mới xin được*)

Trong đây nói mới, tức là mới làm vậy.

Ngọa cụ là chi ? Nghĩa là : Tấm nệm bằng nỉ. Nệm đây cũng có hai thứ :

1.- Nệm dôn gòn.

2.- Nệm để trơn mà có xen tơ.

Đều không cho dùng, vì sát nhiều sinh mạng, hại vật mất lòng tử, lại nói là vật quý, nên hay khiến thân tâm buông lung, tự đi xin, tự làm, hoặc dạy người làm, ngăn bỏ đạo nghiệp.

Thế thức phạm tội trong đây như thế nào ?

Hoặc mình làm, hoặc bảo người làm, hề làm thành rồi thì phạm Xả đọa, chưa thành, phạm Ác tác. Làm giùm cho người khác, thành cùng không thành, đều phạm Ác tác.

Pháp xả trong đây phải làm bằng cách nào ?

Hoặc lấy riu búa bằm cho nhỏ, đem trộn hồ, hoặc tô vách tường, hay là vách đất, còn tội đọa kia phải sám hối. Bốn chúng kia phạm Ác tác.

Thế thức không phạm trong đây là sao ?

Hoặc được cái tọa cụ đã thành, hoặc lấy búa bằm nhỏ đem trộn hồ v.v...

Ngũ Phần Luật dạy : “Xả cho chúng Tăng không nên xả cho người khác, tất cả chúng Tăng đều được thay phiên ngồi nằm, chỉ trừ Tỳ Kheo đó không được ngồi nằm”.

Tăng Kỳ Luật dạy : Xả cho chúng Tăng để trải dưới đất, hoặc làm tấm trướng, tấm màn hay là tấm rèm che trước”.

Chỉ tơ có hai thứ : 1.- Tơ sinh 2.- Tơ tác.

Tơ sinh là gì ? Là thứ tơ nhuộm, mịn tốt nhất.

Tơ tác là gì ? Là thau càn, thứ tơ to xấu, có gút mắt. Sau khi dệt thành hàng rồi, thì người ta phải nện cho nó dể dặt và láng mặt.

Cũng không cho dùng chỉ tơ với lông dê, dệt làm ba y, hoặc làm chỉ bề dọc hoặc làm bề ngang, hoặc xen chính giữa, hoặc ngoài bìa, hoặc khoảng nhỏ, hoặc viền, hoặc lá nhỏ (điều y) nếu may thành rồi phạm Xả đọa, hễ dùng thì phạm Diệt Tỳ Ni.

Tát Bà Đa Luận nói : Như xin được cái y may dể sẵn, thì không tội”.

Luật Nhiếp nói : “Hoặc y người ta dùng rồi, hoặc y cũ sửa lại thì không phạm, hoặc có người cho hay rằng : “Tôi sẽ sắm cúng cho Đại đức cái y bằng tơ lụa”, nếu ý mình muốn, làm thỉnh không cần. tức là mình có tâm tham, cũng phạm tội đọa”.

BỘ TƯ PHẦN GIỚI BỐN NHƯ THÍCH

(HẾT QUYỂN TƯ)

PHỤ CHÚ**LỤC QUÂN TỖ KHEO**

- 1) Nan Đà
- 2) Bạt Nan Đà
Hai vị này thị hiện đa tham và đa sân
- 3) Ca Lưu Đà Di, thị hiện đa dục
- 4) Xuyên Đà, thị hiện đa sân
- 5) Mã Túc
- 6) Mãn Túc
Hai vị này thị hiện đa si

Lục quân Tỳ Kheo đây, chính là bậc Đại quyền Bồ Tát thị hiện, không một pháp nào mà không thông hiểu, khéo giải ba tạng mười hai bộ kinh và pháp ngũ minh, trăm nghề chước lạ. Mỗi vị có chín người đệ tử ra quân vào trận, thị hiện đủ cách các việc phi oai nghi, nhưng kỳ thật là đại hộ trong pháp môn để tuyên thông Phật giáo vậy.

LUẬT TỬ PHẦN GIỚI BỐN NHƯ THÍCH

QUYỂN NĂM

Đời nhà Minh, đất Quảng Châu,
thầy Sa môn Thích Hoàng Tấn,
hiệu Tại Tham (dịch).

Giới thứ mười hai KHÔNG NÊN DÙNG LÔNG DÊ TOÀN ĐEN LÀM NGỌ CỤ

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo dùng lông dê thuần đen mới làm ngọ cụ mới, thì phạm Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề.*

CHỮ GIẢI : Khi đó Phật ngự tại thành Quảng Nghiêm, có các bợn Lê Xa Tử v.v... ưa làm việc dâm dục, sắm choàng bằng lông dê màu thuần đen, trùm mình đi ban đêm cho người không thấy. Phái Lục quần bắt chước, ông kia nói : “Đại đức, tôi vì việc dâm dục mới sắm như vậy. Còn Đại đức sắm thứ đó để làm chi?”. Các Tỳ Kheo nghe rồi đem bạch lên đức Phật. Phật do đó mà kết giới.

Mới là thế nào ? Nghĩa là : chẳng phải cũ rách vậy.

Lông dê nâu thuần đen là gì ? Thuần : Nghĩa là : không xen các thứ khác.

- Đen có hai thứ : 1.- Tự nhiên đen.
2.- Nhuộm nó mới đen.

Làm ngọa cụ mới là sao ? Như giới trước đã giải. Phạm tội nặng nhẹ cũng giải như giới trước. Phép xả, phép sám hối, phép trả lại, cũng giải như giới dư y. Còn bốn chúng kia phạm Đột Kiết La.

Thế thức không phạm trong đây là sao ? Hoặc được cái ngọa cụ may rồi, hoặc cắt ra từng miếng, hoặc xếp lá mỏng nhỏ, xếp lại làm hai lớp, hoặc làm nệm, làm gối, làm tọa cụ vuông nhỏ, làm cái tấm lót bát, làm cái túi đựng dao cạo v.v...

Ngũ Phần Luật dạy : “Xả cho chúng Tăng trải trên giường ngồi nằm, không được trải dưới đất, còn các nghĩa khác đồng giải như giới trước.

Tát Bà Đa Luận nói : “Nếu làm được bằng lông dê đen mục hư thì không phạm. Hoặc vì pháp, vì chúng Tăng, thì không phạm; hoặc lấy lông khác, hoặc lấy bông gòn, gai v.v... hiệp lại mà làm thì phạm Đột Kiết La. Làm y nhẫn đến 4 cánh chỗ cũng phạm Xả đọa”.

Giới thứ mười ba

PHẢI XEN BA MÀU LÀM NGỌ CỤ

CHÍNH VĂN : Nếu Tỳ Kheo làm ngọa cụ mới, thì phải dùng hai phần lông dê toàn đen, phần thứ ba trắng, phần thứ tư lược. Nếu Tỳ Kheo không dùng hai phần lông dê toàn đen, phần thứ ba trắng, phần thứ tư lược làm ngọa cụ mới, thì phạm Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề.

CHỮ GIẢI : Phật ngự tại nước Xá Vệ, phái Lục quân Tỳ Kheo lấy lông dê thuần trắng làm ngọa cụ. Các Cư sĩ chê cười nói : “Các ngài làm sao mà giống nhà Vua, hay là quan Đại thần”. Các Tỳ Kheo nghe rồi bạch lên đức Phật. Phật liền kết giới.

Làm mới ngọa cụ, thuần đen là sao ? Bốn điều đã có giải như giới trước.

Lông dê là chi ? Rõ chẳng phải các thứ lông khác vậy.

Trắng : Hoặc tự nhiên trắng, hay là nhuộm mới trắng.

Luốc : Là thứ lông trên đầu, lông lỗ tai, lông dưới chân, hoặc các thứ lông màu luốc.

Có chỗ giải rằng : “Lông trắng là thứ lông bên hông, hay là lông trên xương sống và lông trên cổ”.

Luốc : là lông đầu, lông chân, lông bụng, là chỗ thường hành động (*đụng chạm*), lông đó thô xấu cũng kêu là lông bạch hạ.

Hai, ba, bốn, là số có thứ tự vậy.

Như muốn làm ngọa cụ 40 bát la (*160 lượng*) lông dê thì phải dùng 20 bát la (*80 lượng*) lông đen, 10 bát la (*40 lượng*) lông bạch, 10 bát la (*40 lượng*) lông luốc.

Thập Tụng Luật nói : Một bát la dịch là “4 lượng”. Như muốn làm ngọa cụ 30 bát la lông dê, hay là 20 bát la lông dê, sánh theo đây nên biết. Dùng lông dê đen hai phần, trắng, luốc mỗi thứ một phần, nên thành thứ ba, thứ tư cho thứ lớp. Chẳng

phải bảo thứ đen ít, mà trắng với lược nhiều dâu ? Cứ theo đây thì lông đen khó tìm, lông trắng hơi dễ, chỉ có lông lược dễ tìm hơn hết.

Cũng vì lông đen với lông trắng là vật mịn, nhuyễn, quý giá hay khiến tâm mình buồn lung, còn lông lược thể nó to xấu vốn không quý giá, nên lòng không tham đắm vậy.

Thể thức phạm tội trong đây như thế nào ?

Hoặc mình làm, hoặc bảo người làm mà không y số lượng, thành rồi, thì phạm Xả đọa, chưa thành cũng phạm Ác tác.

Thể thức không phạm là sao ? Hoặc làm lông trắng không đủ, phải dùng nhiều lông lược cho đủ, hoặc làm toàn lông lược cũng được. Pháp xả, sám hối, trả lại, có phạm, không phạm, đều giải như giới trên. Bốn chúng kia phạm Đột Kiết La.

Thập Tụng Luật nói : “Nếu dùng lông dê đen nhẵn đến nhiều hơn một lượng, cũng phạm Xả đọa. Dùng lông trắng nhẵn đến nhiều hơn một lượng, thì phạm Ác tác, dùng lông lược nhẵn đến thiếu một lượng thì phạm Xả đọa.

Căn Bản Luật nói : “Hoặc lông đen dễ tìm, còn lông trắng và lông lược khó tìm, thì lông trắng và lông lược có thêm bớt đều không phạm”.

Giới thứ mười bốn

PHẢI GIỮ NGỌ CỤ CHO ĐẾN SÁU NĂM

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo làm ngọ cụ mới thì phải giữ cho đủ 6 năm. Nếu không đủ 6 năm không xả*

cái cũ, lại làm thêm cái mới, thì phạm Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề. Trừ có phép Yết Ma của chúng Tăng cho.

CHÚ GIẢI : Duyên xử đồng như trước, phái Lục quần Tỳ Kheo chẻ ngọ cụ hoặc nặng, hoặc nhẹ, hoặc mỏng, hoặc dày, không xả cái cũ lại sắm cái mới, chất chứa rất nhiều. Phật thấy vậy liền kết giới.

Khi ấy có một vị Tỳ Kheo đau bệnh cần tiểu, muốn đi du lịch trong nhân gian, có cái ngọ cụ phần tảo rất nặng đem theo không nổi, các vị Tỳ Kheo đem việc này bạch lên đức Phật. Phật dạy ông Tỳ Kheo kia, đến chúng Tăng ba lần xin. Chúng Tăng bạch nhị Yết Ma cho ông trọng 6 năm, tùy ý sắm ngọ cụ mới, cho nên kết thêm câu : “Trừ phép Yết Ma của chúng Tăng cho”.

Phải giữ cho đến 6 năm là sao ? Nghĩa là : Phải giữ cho đến mãn 6 năm vậy.

Thế thức phạm tội trong đây như thế nào ?
Nghĩa là : nếu chưa đủ 6 năm, không xả ngọ cụ cũ, lại còn sắm ngọ cụ mới, thì phạm Xả đọa. Còn phạm nặng, nhẹ, phép xả, phép sám hối, trả lại, cùng bốn chúng kia phạm tội, cũng đồng như giới trước.

Thế thức không phạm trong đây là sao ? Là có phép chúng Tăng cho, và giữ đúng 6 năm, hoặc thiếu 6 năm mà xả cái cũ sắm cái mới, hoặc không có mà sắm cái mới, hoặc người khác sắm cho, hoặc được cái họ may rồi.

Giới thứ mười năm
MAY TỌA CỤ PHẢI KẾT MIẾNG CŨ Ở TRÊN

CHÍNH VĂN : Nếu Tỳ Kheo may tọạ cụ mới, thì phải lấy miếng cũ vuông rộng một gang tay, kết trên cái mới cho hoại sắc. Nếu may tọạ cụ mới, không lấy miếng cũ vuông rộng một gang tay, kết trên cái mới cho hoại sắc, thì phạm Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề.

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại nước Xá Vệ, trong vườn ông Cấp Cô Độc, có thí chủ phái người đi thỉnh chúng Tăng cúng dường cơm. Theo phép thường của chư Phật : hễ các thầy Tỳ Kheo đi thọ thỉnh rồi, thì Phật đi xét hết các phòng, nhân thấy các thầy Tỳ Kheo bỏ tọạ cụ tràn lan khắp nơi. Phật mới dạy các Tỳ Kheo may tọạ cụ mới, lấy miếng cũ vuông rộng một gang tay, kết trên cái mới cho hoại sắc. Phái Lục quân không y lời Phật dạy, nên Phật mới vì đó mà kiết giới.

Căn Bản Luật nói : “Đức Thế Tôn có 5 nhân duyên, không đến nhà người thỉnh” :

- 1.- Muốn ở chỗ yên lặng.
- 2.- Vì đi nói pháp cho chư thiên nghe.
- 3.- Vì đi thăm đệ tử bệnh.
- 4.- Vì xét ngọạ cụ của các Tỳ Kheo.
- 5.- Chế giới cho các Tỳ Kheo.

Ý Phật trong đây muốn xét ngọạ cụ và chế giới cho các Tỳ Kheo, nên không đến nhà người thỉnh.

Tọạ cụ là gì ? Là cái đồ lót để khi ngồi nằm, cũng nói là cái y tùy tọạ, cũng là món đồ để hộ y hộ thân, trong khi nằm ngồi, nên phải cẩn sấm.

Tiếng Phạm nói là : Ni sư đàn, cũng nói là : Ni sư đàn na.

Phải lấy miếng cũ vuông rộng một gang tay để làm gì ? Nghĩa là : Khi may nõa cụ mới phải hớt một miếng chưa rách bên cái tọ cụ cũ, giặt nhuộm cho sạch, vuông vức một gang tay của Phật, kết ở trên cái tọ cụ mới, tùy ý mà kết, hoặc ngoài bia, hoặc chính giữa.

Cho hoại sắc là sao ? Nghĩa là : Làm cho nó hư sắc mới tốt, mà thành pháp phục của thầy Sa môn, cũng là bỏ hẳn lòng tham ái, cũng muốn cho bền chắc, và cũng để cho các thầy Tỳ Kheo tri túc thọ dùng, vì có tâm ái hộ, khỏi hao tổn của tín thí, mà phước của thí chủ được tự nhiên tăng trưởng vậy.

Một gang tay của Phật bằng ba gang tay của người thường. Lại có chỗ giải rằng : “Một gang tay của Phật sánh với thước nhà Châu (*Trung Hoa*) là hai thước vậy.

Thế thức phạm tội trong đây ra thế nào ? Nếu không lấy cái cũ kết trên cái mới, làm cho hoại sắc, thành rồi, thì phạm Xả đọa, không thành phạm Ác tác. Còn phạm nhẹ, nặng, phép xả, sám hối, trả lại và bốn chúng kia phạm tội, đồng như giới trước.

Thế thức không phạm tội ra thế nào ? Nếu cái tọ cụ cũ rách hết không còn miếng nào kết được, hoặc người khác may giùm, hoặc được tọ cụ may sẵn, hoặc may toàn bằng vải cũ.

Thiện Kiến Luật nói : “Cũ”, là nhẫn đến ngồi một lần cũng gọi là cũ.

Bốn phía thành, tùy lấy một phía, hoặc vuông hoặc tròn, đem kết trên cái mối, nếu không kết được, thì xé nhỏ may xen vào cái mối cũng được.

Giới Nhân Duyên kinh nói : “Lấy vải cũ viền bốn phía làm cho loạn cái màu sắc mối kia”.

Bà Sa Luật nói : “Trong khoảng rộng lấy một miếng chừng một gang tay, xé dài rồi tùy theo rộng hẹp phân làm viền, viền giáp vòng cái tọa cụ”.

Căn Bản Luật nói : “Miếng vải cũ bằng một gang tay của Phật, khi kết, nếu bớt một ngón tay, hay nửa ngón tay, cũng phạm Xả đọa, hoặc lấy hết cái cũ, may trùm lên cái mới, hoặc cái cũ rách hết không thể kết vá trên cái mới được, thì không phạm”.

Giải rằng : Trong Giới Nhân Duyên cùng Bà Sa Luật dạy : Lấy miếng cũ viền bốn phía của cái thành tọa cụ mới, một là làm cho hoại sắc, hai là làm cho chắc chắn.

Đời nay lấy miếng vải mới, viền bốn phía thành cho tốt, đó là do cơ tham tốt, nguyên chẳng phải lời Phật chế.

Trong Luật dạy : “Cái y chỗ đắp trên vai, kết một miếng vải để lót mùi hôi, có dơ thì gỡ ra giặt”.

Đời nay may y, lấy một miếng vải vuông nhỏ, kết ở ngoài quấy xưng là núi Tu Di. Còn hai bên kèm (người làm đặt cái Bàn bà thêm hai miếng, gọi là nhật nguyệt)

Trong Tam thiên Oai nghi dạy : “Kết vải y cũ vào bốn góc tọa cụ mới”

Trong Ngũ Phần dạy : “Kết bốn góc tọa cụ, cũng vì muốn cho bền chắc”.

Đời nay lắm tướng là : Tử Thiên Vương ở bốn góc, truyền dạy đời sau noi theo cái làm đó.

Giới thứ mười sáu CẨM LÔNG DÊ ĐI QUÁ BA DO TUẦN

CHÍNH VĂN : Nếu Tỳ Kheo đi đường được lông dê, nếu không người cầm hộ, thì được tự cầm đi 3 do tuần, nếu đi quá 3 do tuần thì phạm Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề.

CHÚ GIẢI : Phật ngự chỗ đồng như trước. Ông Bạt Nan Đà đi đường được nhiều lông dê, xỏ đầu gậy quấy đi tòn ten, các ông Cư sĩ chê trách rằng : “Trang Thích tử mà sao buôn bán lông dê”. Phật nhân đó liền kiết giới.

Đi đường là sao ? Nghĩa là : Đang đi ở giữa đường vậy.

Được lông dê là gì ? Nghĩa là : Hoặc có người cúng cho, hoặc lượm được ở đồng rác.

Nếu không người cầm là sao ? Nghĩa là : Không có người khác để mượn quấy, cầm giùm vậy.

Được tự cầm cho đến đi trong 3 do tuần là gì ? Nghĩa là : Phật cho mình tự cầm đi, xa lắm là ba do tuần, không nên cầm đi quá.

Do tuần : Là cái tên số dậm ở bên nước Thiên Trúc, số có lớn nhỏ không nhất định, nay lấy bạc trung mà nói thì một do tuần chừng hơn 30 dậm, 3 do tuần độ cỡ 100 dậm (*chừng 30 cây số ngàn*).

Thế thức phạm tội trong đây như thế nào ?

Nghĩa là : Nếu Tỳ Kheo đi đường, hoặc tại chỗ ở, được lông dê, muốn dùng thì lấy, hoặc không người cầm giùm, được tự cầm chừng ba do tuần thôi. Nếu có người cầm, phải mượn họ cầm hộ, đi đến chỗ kia (*về đến chùa*), nếu họ đi giữa đường mới, thầy Tỳ Kheo không nên cầm tiếp, nếu cầm thì phạm Ác tác.

Nếu mượn bốn chúng kia cầm quá ba do tuần, thì cũng phạm Ác tác, trừ lông dê ra, cầm tất cả như cỏ, lá, gai v.v... quá ba do tuần, cũng phạm Ác tác, nếu quấy các vật trên đầu gây mà đi, thì cũng phạm Ác tác.

Phép xả, sám hối, trả lại và bốn chúng kia phạm tội cũng đồng như giới trước.

Thế thức không phạm là sao ? Nghĩa là : Hoặc đem dệt làm cái khăn cầm đồ nóng, hoặc làm cái túi đựng giày guốc, chút đỉnh thì không phạm.

Luật Nhiếp nói : “Hoặc dệt làm dây lưng, dây nịt, hoặc bỏ trong túi kín cầm đi không phạm. Phạm các thầy Tỳ Kheo, không nên gánh vác”.

Ngũ Phần Luật nói : “Phải mượn tịnh nhân quấy, nếu không có tịnh nhân, mới cho mình cầm, chớ không cho quấy, gánh, hay là đầu đội vai mang”

Giới thứ mười bảy
CẨM MƯỢN CÔ NI KHÔNG BÀ CON
GIẶT NHUỘM LÔNG DÊ

CHÍNH VĂN : Nếu Tỳ Kheo mượn Tỳ Kheo Ni không bà con giặt nhuộm, xé lông dê, thì phạm Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề.

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại nước Xích Trạch, nơi vườn Ni Câu Luật. Phái Lục quần lấy lông dê làm tọa cụ mới, mượn Tỳ Kheo Ni Đại Ái Đạo, giặt nhuộm, xé lông dê, màu nhuộm ăn tay. Phật thấy vậy nhân đó mà kiết giới. Các thầy Tỳ Kheo đều sợ, cẩn thận không dám mượn cô Ni bà con. Phật mới mở cho mượn cô Ni bà con.

Giặt nhuộm là gì ? Nghĩa là : Như giới trước đã giải.

Xé là gì ? Nghĩa là : Nhấn đến lấy tay xé một miếng.

Thể thức phạm tội trong đây như thế nào ?
 Nếu mượn giặt, nhuộm, xé, ba việc, thì phạm ba tội Xả đạo. Nếu mượn làm giùm ba việc, mà tùy việc nào không làm, thì người mượn đó chỉ phạm tội Đột Kiết La, còn người làm việc nào, thì Xả đạo.

Mượn Sa Di Ni hay là Thức Xoa Ma Na không bà con, phạm Đột Kiết La.

Pháp xả, sám hối, trả lại và bốn chúng kia phạm tội đồng như giới trước. Nếu vì người bệnh, vì chúng Tăng, vì Phật, vì tháp, mượn làm thì không phạm.

Giới thứ mười tám
CẤM THỌ VÀNG, BẠC VÀ TIỀN

CHÍNH VĂN : Nếu Tỳ Kheo tự tay cầm tiền, hoặc vàng, bạc, hay bảo người cầm, hoặc người cúng để dưới đất mà thọ, thì phạm Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề.

CHỮ GIẢI : Phật ngự trên non Linh Thứu, ông Bạt Nan Đà cầm bát vào thành Vương Xá khát thực. Đến nhà ông quan Đại thần quen trước, vợ ông quan ấy muốn đem tiền đi chợ mua đồ ăn cúng cho ông. Bạt Nan Đà nói : Nếu cô muốn mua đồ ăn cúng cho tôi, thì thôi để đem tiền cúng cho tôi cũng được.

Cô kia mới để tiền dưới đất cho ngài, khi đó ông Bạt Nan Đà lấy tiền đó gửi trên chợ rồi đi. Vua quan Đại thần và hàng Cư sĩ ai ai cũng đều chê trách rằng : Sa môn Thích tử gì mà lại còn ham tiền, bạc, vàng báu !

Khi đó ông quan Đại thần tên là Châu Kế, biện tài rất giỏi, ông đứng ra bàn cho mọi người nghe, khiến ai nấy dứt lòng chê hiềm, mà lại còn sinh tâm vui vẻ và tin kính nữa. Rồi ông mới đến bạch với đức Thế Tôn. Phật nói : Nay quan Đại thần, như lời của ông nói, đối trong chính pháp rất có lợi ích.

Vì sao ? Vì trang Sa môn Thích tử phải lánh xa tiền bạc của báu thì mới khỏi dính dấp đến việc trau dồi tốt đẹp. Nếu còn tham đắm đến vàng, bạc, tiền, báu, thì phải bị ngũ dục sai khiến, nếu bị ngũ dục sai khiến, thì chẳng phải pháp giải thoát của trang Sa môn Thích tử.

Phật nói : Nếu có ai nhận ta làm thầy, mà còn cầm vàng bạc, tiền, báu, thì quyết chắc người ấy chẳng phải là đệ tử của ta.

Phải biết : mặt trời, mặt trăng còn bị bốn cái hại : không được sáng, không thanh tịnh, không thể chiếu, cũng không có oai thần.

Những gì là bốn ?

- 1.- Bị A Tu La lấy tay che ánh sáng.
- 2.- Khói che
- 3.- Mây che.
- 4.- Bụi và sương mù.

Đó là việc đại hại của mặt trời, mặt trăng.

Còn trong hàng Sa môn, Bà La Môn, cũng có bốn cái hại : Là không sáng, không thanh tịnh, không thể chiếu và mất cả oai thần.

Những gì là bốn ?

- 1.- Là không bỏ rượu
- 2.- Không bỏ dâm dục.
- 3.- Không bỏ việc cầm nắm vàng, bạc.
- 4.- Không bỏ việc tà mạng nuôi sống.

Đó là bốn việc đại hại, làm cho hàng Sa môn, Bà La Môn, không sáng suốt, không thanh tịnh, cho đến không oai thần. Bảy giờ Phật dùng vô số phương tiện quở trách ông Bạt Nan Đà rồi liền vì các thầy Tỳ Kheo kiết giới.

Tự tay cầm là sao ? Là chính tay mình cầm, cho đến khắp cả châu thân mỗi chỗ : cánh chổ, đầu gối v.v... đều thọ vậy.

Tiền là gì ? Là ở trên mặt có hình, tùy theo mỗi nước xài dùng; hoặc tiền bằng đồng, tiền bằng sắt, tiền bằng chì, tiền bằng thiếc v.v... làm tiền vậy.

Vàng, bạc là chi ? Hoặc thành hay chưa thành (có hình) mà người đời trọng dung vậy.

Dạy người cầm là sao ? Nghĩa là : Bảo người khác cầm giùm cũng phạm tội.

Để dưới đất mà thọ bằng cách nào ? Là chẳng phải tự tay người kia trao cho, lúc họ để dưới đất mà thọ lấy cũng phạm Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề, nhân đến lấy vải gói, hoặc lấy đồ đựng tiền, v.v... cũng phạm Đôn tội.

Tiền này phải xả, tội phải sám hối. Pháp xả trong đây : hoặc xả cho người giữ vườn có tin mến Phật pháp, hoặc xả cho người Ưu bà tắc, phải nói với ông đó rằng : đây là món tôi không nên lấy, ông phải biết đó !

Nếu ông kia lấy rồi, trả lại cho thầy Tỳ Kheo, thì thầy Tỳ Kheo phải vì người chủ tiền mà thọ rồi bảo một tịnh nhân giữ giùm tiền ấy.

Nếu Tỳ Kheo được y bát, ống kim, tọa cụ, dùng pháp và thanh tịnh, thì phải đổi lẫn nhau mà thọ trì. Hay là người Cư sĩ lấy giùm rồi trao y bát, ống kim, tọa cụ cho thầy Tỳ Kheo, thầy Tỳ Kheo nên lãnh mà thọ trì (*khởi đổi và làm phép tịnh thí*).

Nếu người kia lấy rồi, không trao lại, thì phải cậy Tỳ Kheo khác đòi giùm rằng : “Phật có dạy làm phép tịnh thí nên Tỳ Kheo kia mới đưa cho ông, vậy

thì ông phải trả của ấy lại cho ông Tỳ Kheo kia". Nếu Tỳ Kheo khác không đòi giùm, thì ta phải thân hành đến nói rằng : "Phật có dạy làm phép tịnh thí, nên tôi đưa cho ngài, nay ngài phải đem của ấy cho chúng Tăng, hay là cho tháp, cho Hòa Thượng, cho đồng Hòa Thượng, cho A Xà Lê, đồng A Xà Lê, cho ông trí thức quen biết, hay trả lại cho chủ. Vì sao ?

Vì không muốn để mất của thí chủ kia, nếu không bảo Ưu bà tắc kia biết đó ! xem đó ! Mà bảo người kia lấy ngay, phạm tội Đột Kiết La. Tỳ Kheo Ni đồng phạm. Ba chúng dưới phạm Đột Kiết La.

Luật Nhiếp nói : Cứ theo đây thì lấy vật của phần mình, phạm Xả đọa. Hoặc vật của người khác chung với của mình, thì cũng bị tội đọa không phép xả (*vì vật đã có chủ, thì phải trả lại cho chủ, chỉ sám hối tội đọa thôi*).

Thiện Kiến Luật nói : Nhẫn đến tiền làm bằng củ cây, như cao su, v.v... mà quốc độ đó xài dùng, đều không được cầm, cũng không được bảo người cầm. Hễ cầm thì đồng phạm, nếu cầm cho mình thì phạm Xả đọa, hoặc vì Tăng, vì chúng, nhẫn đến vì một người, hoặc cầm đi sắm tượng Phật đều phạm Ác tác.

Không phạm là : mình không lấy, không bảo người lấy, nếu người Cư sĩ đem vàng bạc cúng cho Tỳ Kheo, thì Tỳ Kheo phải đáp rằng : "Tôi không phép thọ". Cư sĩ lại nói : "Đại đức, tôi đã định xả tâm bố thí cho ngài rồi, không nên đem về", nói rồi để dưới đất bỏ đi, khi đi rồi, thầy Tỳ Kheo ở đó coi

chứng, nếu có Cư sĩ khác đến hỏi, thì như thật mà đáp.

Cư sĩ nói : “Đại đức đã không phép thọ, mỗi bố thí cho đệ tử, thầy Tỳ Kheo làm thịnh, Cư sĩ lấy đem mua đồ ăn, hoặc mua y phục, vật tịnh cho thầy Tỳ Kheo được thọ.

Nếu không có tịnh nhân biết phép, mà vàng, bạc đó ở trong thất, thì thầy Tỳ Kheo phải đóng cửa dừng cho mất, nếu gặp người bán y bát, thì thầy Tỳ Kheo kêu lại chỉ vàng, bạc mà nói rằng : “Bần đạo muốn dùng y bát này, mà có vàng, bạc đây, Cư sĩ tự biết !”. Nếu không ai bán y bát, mà có người bán đường mật, các thứ nước uống phi thời, hoặc thuốc uống 7 ngày, thuốc trọn đời, mời họ đến chỗ tiền bạc đó nói rằng : “Có vàng, bạc đây, mà chúng Tăng muốn dùng thuốc này, Cư sĩ tự biết !”. Được thuốc rồi, chúng Tăng được uống dùng, nhưng Tỳ Kheo ấy không được uống dùng, các người Cư sĩ, tịnh nhân, nhần đến súc sinh, đều không được uống. Vì sao ? Vì đó là vật của chúng Tăng.

Nếu không gặp người bán thuốc, thì vàng, bạc của người thí chủ bỏ lại mà đi đó, không có phương tiện gì được thọ.

Nếu thấy người Ưu bà tắc thì Tỳ Kheo kêu lại bảo : đem tiền này liệng đi, nếu Ưu bà tắc nói : Vì sao liệng đi, thì tôi sẽ lượm lấy. Tỳ Kheo trả lời : Tùy ý ông. Nếu ông Ưu bà tắc biết phép, đem mua y bát cho chúng Tăng thọ (trừ Tỳ Kheo này không được thọ).

Nếu không có ông Ưu bà tắc nào để mượn quăng bỏ tiền ấy, thì chúng Tăng phải bạch tứ Yết Ma, cử một thầy Tỳ Kheo biết đủ năm phép, đem vàng bạc này nhắm mắt rồi quăng, và cũng đừng nhớ đến chỗ quăng, nếu nhớ đến chỗ quăng, thì phạm Đột Kiết La.

Ngũ Phần Luật nói : “Chúng Tăng phải bạch nhị Yết Ma, cử một thầy Tỳ Kheo, làm người quăng vàng bạc, Tỳ Kheo kia phải quăng vàng bạc đó vào một hầm, hay là vào trong nước, trong lửa, trong đồng trống, không nên nhớ chỗ quăng, nếu cầm để chỗ khác, thì không nên cầm trở lại lần thứ hai nữa. Tỳ Kheo kia không nên hỏi chúng Tăng, tiền này quăng cách nào ? Chúng Tăng cũng không nên dạy làm vậy... làm vậy... Nếu Tỳ Kheo kia không quăng và không hỏi, mà lại bảo ông tịnh nhân đem đổi các vật như là : Y và đồ ăn cho chúng Tăng. Chúng Tăng được thọ, nếu chia ra mỗi phần thì vị phạm tội (*Tỳ Kheo ấy*) không được lãnh phần.

Không phạm là sao ? Nghĩa là : tuy tiền cúng cho thầy Tỳ Kheo, mà thầy Tỳ Kheo không hay, ông tịnh nhân lãnh rồi, mua vật tịnh cúng cho thầy Tỳ Kheo được thọ.

Tăng Kỳ Luật nói : “Cho người bệnh bảo tịnh nhân đem cất, nhưng đừng sinh tâm tham đắm. Nếu vật phạm Xả đọa, xả cho chúng Tăng rồi, không nên lấy lại cho Tỳ Kheo kia, còn chúng Tăng cũng không được chia, nếu có nhiều thì đem nhập về kho của thường trụ, nếu sinh lợi thì được làm phòng xá, hoặc sắm trung y, không được ăn dùng.

Phàm Tỳ Kheo được tiền, hoặc an cư rồi, khi đó được tiền y, không nên tự tay mình lấy mà không cho tịnh nhân hay, nếu không có tịnh nhân thì chỉ chỗ đất bên chân mà nói : chỗ này đây ông nên biết, họ để dưới đất rồi mình lấy cỏ, lá, gạch, ngói, các vật đứng xa quăng tú lên, đợi tịnh nhân đến, chỉ cho biết, tùy theo trong quốc độ xài dùng, hoặc tiền bằng đồng, bằng sắt, bằng mú keo, bằng da, bằng tre, các thứ đó không được cầm. Hoặc có quốc độ xài dùng tiền lẠm xẠm (như bạc giấy lộn xộn) và có quốc độ không xài dùng, mà nó là tiền thiệt (như tiền vàng) nếu cầm, đều phạm tội Diệt Tỳ Ni.

Thập Tụng Luật nói : “Tay mình lấy đồ báu, nếu ít thì quăng bỏ, nếu nhiều mà gặp tịnh nhân đồng tâm phải nói : vì nó bất tịnh nên tôi không lấy, ông phải lấy. Tịnh nhân lấy rồi nói với Tỳ Kheo rằng : “Vật này cho ngài”. Tỳ Kheo nói : “Đây là vật bất tịnh, nếu tịnh thì tôi mới thọ”.

Nếu không gặp tịnh nhân đồng tâm thì phải may ngọa cụ cho chúng Tăng bốn phương, và phải vào chúng Tăng bạch rằng :

“Thưa Đại đức, chính tay tôi lấy đồ báu, phạm Ba Dật Đề, tôi nay phát lồ sám hối không dám che giấu !”.

Chúng Tăng hỏi : “Ông xả vật báu ấy chưa ?”

- Đáp rằng : “Xả rồi”.

Chúng Tăng phải hỏi : “Ông thấy tội của ông chưa ?”.

- Đáp rằng : “Thấy”

Chúng Tăng phải dặn rằng : “Sau đừng phạm nữa nhé”.

Nếu ông nói chưa xả, thì chúng Tăng phải dạy cho ông làm phép xả, nếu chúng Tăng không dạy phép xả, thì tất cả chúng Tăng đều phạm Đột Kiết La, nếu chúng Tăng có dạy mà Tỳ Kheo ấy không xả thì phạm Đột Kiết La.

Tát Bà Đa Luận nói : “Tịnh nhân lấy rồi, nói với Tỳ Kheo rằng : “Vật này cho ngài”. Tỳ Kheo nói : Đây là vật bất tịnh, nếu tịnh thì tôi mới thọ, tức là làm phép thuyết tịnh. Làm phép thuyết tịnh rồi, vậy sau mới vào chúng Tăng sám hối”.

Căn Bản Luật nói : Nếu có người cúng tiền y, muốn dùng thì thọ, thọ rồi liền tưởng vật của người kia, mà cất giữ; song phải tìm một ông tịnh nhân, hoặc người Ưu bà tắc, mà hỏi họ rằng : “Ông có thể vì tôi mà làm ông tịnh thí chủ được không ?”.

Nếu ông nói được, thì thầy Tỳ Kheo phải dấy tâm gửi gắm cho người ấy, mà mình chưa giữ vật ấy, nên bảo người cầm không nên tự cầm, dầu cho ông cận sự kia có đi xa, nhưng hễ ông còn sống, thì là chủ tịnh thí của mình. Nếu chưa tìm được ông tịnh nhân làm chủ tịnh thí, thì phải đem vật ấy, đối trước một Tỳ Kheo nói lời như vậy : “Đại đức nghĩ tưởng, tôi Tỳ Kheo... được vật bất tịnh này, tôi nay đem vật bất tịnh này, đối lấy của tịnh...”. Nói như vậy ba lần, tùy ý xài, đừng để tâm nghi.

Luật Nhiếp nói : Nếu không có ông chủ tịnh thí, thì mình đem vàng bạc các vật, đối trước một

Tỳ Kheo mà nói như vậy : “Đại đức nghĩ tướng, tôi Tỳ Kheo... được vật bất tịnh này, nay đem vật bất tịnh này, đổi lấy của tịnh”. (nói ba lần rồi đem cất).

Nếu thấy Tỳ Kheo đi giữa đường, được vàng, bạc, v.v... làm tiền lương đi đường, mình phải cầm đi, hoặc bảo ông tịnh nhân hay ông Sa Di cầm đi cũng được, phải biết ông Sa Di đối với vàng, bạc v.v... chỉ cầm chứa để chờ không cầm cầm nắm.

Tăng Kỳ Luật nói : Nếu thấy Tỳ Kheo bảo ông Sa Di mới tu cầm vàng, bạc, thì phạm tội Diệt Tỳ Ni, nếu thấy ông Sa Di đó trước có cầm rồi, sau bảo cầm thì không phạm.

Giải rằng : Cứ theo Căn bản và Luật Nhiếp : Cho làm phép tịnh thì rồi chứa để, đó chính Phật vì lòng thương xót kẻ đệ tử ở đời mặt pháp, căn tính hạ liệt nên cho chứa, nhưng người chứa cần phải biết hổ thẹn, lòng thường nhàm lia, đừng sinh tham đắm, để cho hai ruộng kẻ thí, người thọ đều có lợi ích, được như vậy mới nên dùng, không nên giấu kín trong rương túi đến khi nhắm mắt tắt hơi, mạng căn khó dứt !

Dụ như con chim se sẻ muốn bay lên hư không, mà bị con dọp (con sò) nó níu lại, thiệt là mình tự đổi lấy mình và tự hại lấy mình vậy.

Giới thứ mười chín CẤM MUA BÁN VẬT BÁU

CHÍNH VĂN : Nếu Tỳ Kheo mua bán mỗi món vật báu thì phạm Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề.

CHÚ GIẢI : Phật ngự trên non Linh Thứu, ông Bạt Nan Đà đi dạo chợ, đem tiền đổi tiền, các ông Cư sĩ thấy đều chê cười, do đó mà các thầy Tỳ Kheo bạch lên đức Phật, Phật liền kết giới.

Mua bán mỗi thứ là chi ? Chẳng phải đổi chác một việc.

Nghĩa là : đem vàng thành rồi, vàng chưa thành, bạc thành rồi, bạc chưa thành đem đổi lẫn nhau.

Thành là sao ? Nghĩa là : lấy vàng, bạc làm thành các món đồ.

Chưa thành là gì ? Nghĩa là : lấy vàng, bạc làm các món đồ mà chưa thành vạy.

Hoặc lấy tiền đổi vàng bạc, lấy vàng bạc đổi tiền, hoặc lấy tiền đổi tiền. Tiền có 8 thứ :

- 1.- Tiền bằng vàng
- 2.- Tiền bằng bạc
- 3.- Tiền bằng đồng
- 4.- Tiền bằng sắt
- 5.- Tiền bằng bạch lạp
- 6.- Tiền bằng chì
- 7.- Tiền bằng thiếc
- 8.- Tiền bằng củ cây.

Vật báu là chi ? Tức là vàng, bạc, tiền, bảy báu, chuỗi anh lạc v.v... Pháp xả trong đây và bốn chúng kia phạm tội cũng giải đồng như giới cấm vật báu ở trước.

Thế thức không phạm trong đây là sao ? Vì Phật, Pháp, Tăng, đem tiền đổi chuỗi anh lạc, đem chuỗi anh lạc đổi lấy tiền.

Căn Bản Luật nói : Khi ấy thầy Tỳ Kheo được vật thí chủ cúng cho thường trụ, đem cất trong kho. Thí chủ đến hỏi rằng : “Thánh giả, ý gì mà không sửa sang trong chùa ?”.

Các thầy Tỳ Kheo đáp rằng : “Hiện thủ, bởi vì không có tiền của”. Thí chủ nói : “Tôi đã cúng tiền của nhiều lắm mà !”.

Các thầy Tỳ Kheo đáp rằng : “Tiền của ấy hiện ở trong kho chúng Tăng”. Thí chủ nói : “Không nên như vậy, nhà tôi đâu không chỗ cất, các ngài sao không đem đổi làm sinh lợi ư ?”

Các thầy Tỳ Kheo đáp rằng : “Phật cấm, không cho làm việc sinh lợi”. Các thầy Tỳ Kheo đem việc này bạch lên đức Phật.

Phật nói : Nếu vì chúng Tăng làm sinh lợi, thì các Cư sĩ tín tâm nghe Phật nói rồi, vì Phật, Pháp, Tăng, cúng vô để làm của thường trụ, vật của Tam Bảo cũng nên làm cho có lợi ích; của sinh lợi cũng đem về cho Tam Bảo, để được cúng dường.

Nếu khi cho vay phải nói rành rẽ, khi trả phải trả gấp hai, cũng phải làm tờ giấy ký hẹn, cùng người đứng bảo đảm, ký tên ngày nào tháng nào, để tên vị Thượng Tọa, cùng tên thầy thư ký, dầu cho người cận sự tín tâm đi nữa cũng phải trả gấp hai.

Luật Nhiếp nói : “Phải cầu người tử tế bảo lãnh và giấy tờ ký hạn phải rành rẽ, đến ngày giáp

năm phải thưa với vị Thượng Tọa, cùng thầy thư ký, đều cho đồng biết, hoặc là nói với người cận sự tín tâm kia”.

Giới thứ hai mươi **CẤM MUA BÁN CÁC THỨ**

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo mua bán các thứ thì phạm Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Khi Phật ngự trong vườn ông Cấp Cô Độc, ông Bạt Nan Đà đem gừng sống lên chợ đổi đồ ăn và o bế cái y cũ lại đổi lấy cái y mới của ngoại đạo. Ngoại đạo nghĩ tiếc không chịu đổi nhau, các thầy Tỳ Kheo đem việc này bạch lên đức Phật. Phật liền kiết giới.

Mua là sao ? Là mua rẻ bán mắc vậy.

Bán là gì ? Là thêm lên giá cả.

Mua bán các thứ là chi ? Nghĩa là : đem thuốc phải thời, thuốc không phải thời, thuốc 7 ngày, thuốc trọn đời, và y vật v.v... đổi chác qua lại lẫn nhau.

Thế thức phạm tội trong đây ra thế nào ?
Nếu thầy Tỳ Kheo mua bán các thứ, bán rồi thì phạm Xả đọa, chưa bán phạm Ác tác. Pháp xả, sám hối, trả lại, giải đồng như trong giới chứa y dư.

Giới trước đem vàng, bạc, tiền, vật báu đổi chác, nên dạy xả cho ông tịnh nhân. Còn giới này đem y, thuốc đổi chác nên dạy xả cho chúng Tăng vậy. Tỳ Kheo Ni đồng phạm, ba chúng sau phạm Ác tác.

Thế thức không phạm trong đây là sao ? Cho năm chúng xuất gia đối chác với nhau, vì đã xét định rồi không có hơn thua với nhau như cách mua bán ở ngoài chợ và không nên đối chác với người ngoài, hoặc bảo tịnh nhân đối, nếu có tiếc thì trả lại hoặc đem sữa đổi dầu, hoặc đem dầu đổi sữa.

Tăng Kỳ Luật nói : “Các thứ đó hoặc mình hỏi giá, hoặc bảo người hỏi giá, hoặc mình lên giá, hoặc bảo người lên giá, hoặc mình sụt giá, hoặc bảo người sụt giá, khi nói lời bất tịnh (*lời không chân thật*) phạm tội Diệt Tỳ Ni, khi được thì phạm Xả đọa. Nếu vật đó đáng giá 50 đồng, mà đòi 100 đồng, thầy Tỳ Kheo nói : để tôi 50 đồng, được không ? Trả như vậy không gọi là mất giá”.

Nếu biết người kia muốn mua vật ấy, không nên mua giành, hễ mua thì mắc tội Diệt Tỳ Ni. Nếu khi thấy Tỳ Kheo thấy bán bát, nghĩ như vậy : Bát này tốt, đến chỗ đó sẽ bán được lời, khi mua phạm tội Diệt Tỳ Ni. Nếu suy nghĩ như vậy : Tôi có vật này không có tịnh nhân, đây là vật thanh tịnh, nên mua đi, thì không tội.

Nếu thấy Tỳ Kheo vì chúng Tăng làm ông Trì nguyệt đi chợ một tháng để mua sữa, dầu v.v... Khi mua các vật, nói lời bất tịnh, (*chê dất rẻ*) phạm Diệt Tỳ Ni. Nếu mua sữa, dầu v.v... cho mình, tất cả không nói lời tịnh, mua được thì phạm Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề. Nếu Tỳ Kheo với Tỳ Kheo đối chác với nhau nói lời bất tịnh mà mua đây và mua đối với tất cả 96 hạng người xuất gia, nói lời bất tịnh mà mua đây, đều không phạm.

Nếu có người đàn việt vì thầy Tỳ Kheo, đưa tiền sẵn trong tiệm nói rằng : Nếu có thầy Tỳ Kheo... hằng ngày đến đây, muốn cần dùng món chi thì tùy ý đưa cho ông; sau thầy Tỳ Kheo đến hỏi, có nói lời tịnh cùng bất tịnh (*mà mua*) thì không tội.

Tỳ Kheo đó hỏi vật trong tiệm không có, chủ tiệm bèn đưa tiền cho Tỳ Kheo đi mua chỗ khác. Tỳ Kheo đi đến chỗ khác mua đồ, nói lời bất tịnh (*trả giá đắt rẻ*) phạm Xả đọa.

Khi Tỳ Kheo mua lúa nghĩ như vậy : “Lúa này sau sẽ được giá”, khi mua phạm Diệt Tỳ Ni, khi bán phạm Xả đọa.

Nếu suy nghĩ như vậy : sợ chững qua tháng đó... lúa đắt, nên ta nay mua lúa này, ta sẽ nhờ nó được tụng kinh, ngồi thiền và hành đạo. Đến khi sau lúa đắt hoặc để ăn lâu, hoặc cho Hòa Thượng, A Xà Lê, hoặc đem bố thí làm việc công đức, còn bao nhiêu đem bán, được lời thì không tội, mua bát, mua thuốc v.v... cũng như vậy (*không tội*).

Căn Bản Luật nói : “Nếu vì lợi mà mua, không vì lợi mà bán, thì khi mua phạm Ác tác, khi bán không phạm. Nếu không vì lợi mà mua, vì lợi mà bán, thì khi mua không phạm, khi bán phạm Xả đọa. Nếu tới phương khác, mua được vật mà tâm không cầu lợi, khi đem về xứ này, khi bán tuy được lời thì không phạm”.

Luật Nhiếp nói : “Khi mua bán mà nói không chân thật, hoặc dùng cân non, giạ thiếu, dối gạt người phạm tội vọng ngữ, trong khi được vật thì

phạm tội ăn trộm. Phạm khi đem của cải, muốn mua bán trước phải định ý, đừng có tâm cầu lợi, thời tùy chỗ nào được lợi thấy đều không phạm”.

Dầu cho ba y, không nên tính có lợi mà đem buôn bán. Lại đối với người thế tục, trong khi ra chợ mua chác, mình không nên trả giá cả, nên mượn người Cư sĩ nào đó có tâm tin kính Phật, Pháp, hoặc bảo ông Sa Di mua giùm thì không phạm.

Nếu không có mấy người ấy, thì mình phải trả giá chừng hai tiếng ba tiếng, rồi mua theo giá của họ, không nên quá số đó cùng trả cao thấp. Như thật ta không muốn mua, mà tăng giá của người thì phạm Ác tác.

Ngũ Phần Luật nói : “Nếu mình muốn đổi chác, phải sai tịnh nhân như vậy : Vì ta đem vật này đổi lấy vật khác, lại phải suy nghĩ như vậy : thà để họ lời của mình, chớ mình không nên lời của họ”.

Thập Tụng Luật nói : “Nếu đem vật xả đọa đổi đồ ăn, ăn mỗi miếng, thì phạm mỗi tội Đột Kiết La, mua y đắp cứ mỗi lần đắp phạm Ba Dật Đề”.

Tát Bà Đa Luận nói : “Tội mua bán đối với trong tất cả tội Ba Dật Đề là nặng hơn hết. Thà làm người hàng thịt, chớ không nên buôn bán”. Vì cơ nào ?

Bởi vì người hàng thịt, chỉ hại có loài súc sinh, còn mua bán thì tất cả đều đối gạt, không luận kẻ đạo người tục, kẻ hiền người ngu, người trì giới,

người phá giới gì cũng đều gạt gẫm hết, lại thường đem lòng ác.

Ví dụ : Như chứa lúa, tâm thường trông mong cho năm mất mùa đói khát, sương tuyết mưa đá tai hại, hoặc chứa muối và các vật, thì ý tưởng thường trông mong cho bốn phương phản loạn, hoặc đường sá tắc trở.

Ví dụ : Như bán hòm, thường trông mong cho người ta chết.

Luận như có người buôn bán có tâm ác như vậy, thì của buôn bán đó, dầu sắm đồ ăn cũng cho chúng Tăng, chúng Tăng không nên ăn. Nếu đem làm phòng cho bốn phương chúng Tăng, chúng Tăng cũng không nên ở, như đem làm tháp và đúc tượng, không nên lễ bái.

Lại có chỗ nói rằng : “Chỉ dấy tưởng Phật rồi lễ bái?”.

Phàm thấy Tỳ Kheo giữ giới không nên thọ dùng vật ấy, nếu thấy Tỳ Kheo dấy chết (*Tỳ Kheo buôn bán*) thì vật này chúng Tăng nên làm phép Yết Ma mà chia.

Hỏi rằng : “Thầy Tỳ Kheo khi còn sống, chúng Tăng không nên thọ dùng vật ấy, tại sao khi ông chết chúng Tăng lại được chia ?”

Đáp rằng : “Vì nghiệp mua bán đó tội lỗi quá nặng. Nếu khi ông còn sống cho chúng Tăng ăn dùng vật đó, thì ông cứ mua bán mãi không thôi, đây là trong ruộng phước chúng Tăng, nên không cho thọ dùng vật như ấy, tự để cho ông biết, đời nay

không phước đời sau mắc tội nặng nề, vì do nhân duyên đó mà lòng không dám tái phạm. Song, nay Tỳ Kheo đó đã chết, không còn gây nhân mua bán nữa, thế nên cho làm phép Yết Ma chia vật đó”.

Giới thứ hai mươi mốt CẤM CHỨA BÁT DƯ

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo chứa bát dư không tịnh thí, thì được chứa trong 10 ngày, nếu quá thì phạm Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề.*

CHỮ GIẢI : Phật ngự tại vườn ông Cấp Cô Độc. Phái Lục quần chứa bát dư, cái nào tốt thì thọ trì, cái nào xấu thì bỏ bậy bạ.

Các ông Cư sĩ vào phòng xem thấy nhiều bát dư, bèn chê trách rằng : “In như tiệm lò gốm”. Các Tỳ Kheo bạch lên đức Phật. Phật liền kiết giới không cho chứa bát.

Khi ấy ông A Nan được cái bát quý giá, muốn cúng cho ngài Ca Diếp, mà ngài Ca Diếp lại đi khỏi, ông A Nan sợ phạm tội dư bát, đến bạch đức Thế Tôn. Phật hỏi : “Ông Ca Diếp mấy ngày nữa mới về ?”.

Ông A Nan bạch rằng : “Chừng 10 ngày nữa”.

Do đây Phật cho chứa đúng 10 ngày vậy.

Chứa là gì ? Nghĩa là : tâm còn tưởng thuộc về của mình.

Bát dư là gì ? Nghĩa là : cái bát mình đã thọ trì rồi, mà còn chứa bát dư nữa, thế gọi là dư vậy.

Bát có hai thứ : 1.- Bằng thiếc. 2.- Bằng đất hãm.

Màu nó cũng có hai thứ : 1.- Màu đỏ. 2.- Màu đen.

Cỡ nó cũng có hai hạng : 1.- Bát lớn đựng ba đấu. 2.- Bát nhỏ đựng một đấu rưỡi (*theo đấu nhà Đường, thì bát lớn đựng một đấu, bát nhỏ đựng nửa đấu*) đây là cỡ của bát nên thọ trì.

Song, trong Luật bốn, thì không nói vấn thọ, xét trong các bộ khác đều có dạy phép thọ trì : “Phải đối trước một thầy Tỳ Kheo đánh lễ một lạy, rồi quỳ xuống lấy cái bát để giữa trên bàn tay tả, tay bên hữu vịn cái bát bạch rằng : Thừa Đại đức một lòng thương tưởng, tôi Tỳ Kheo pháp danh... bát đa la này chừng đúng lượng mà thọ, vì thường dùng vậy” (*bạch ba lần*).

Có duyên muốn xả, thì cách xả như pháp xả y, nên biết.

Bát là gì ? Tiếng Phạm : Bát đa la, dịch là : cái đồ đúng pháp.

Nghĩa là : Thể, sắc, lượng, ba cái đều đúng như pháp.

THỂ : Nghĩa là : bằng thiếc hay bằng sành.

SẮC : Nghĩa là : Đỏ và đen.

LƯỢNG : (cỡ) : Nghĩa là : Ba đấu hay một đấu rưỡi. Nếu hơn ba đấu hay thiếu một đấu rưỡi, thì không phải cỡ bát đúng lượng, không nên thọ trì vậy.

Không tịnh thí là sao ? Tịnh thí có hai cách:

- 1.- Là chân thật tịnh thí.
- 2.- Là Triển chuyển tịnh thí.

Được chứa trong 10 ngày là cách nào ? Nghĩa là : Được chứa trong 10 ngày không được quá. Nếu quá 10 ngày, qua ngày thứ 11, mặt trời vừa mọc, thì phạm Xả đọa. Trong 10 ngày được bát, phải làm phép tịnh thí, hay không tịnh thí, nhấn đến hoặc quên đi, mỗi câu mỗi câu phạm Xả đọa, lệ như trong “Giới dư y” đã nói, lại không có tướng khác, cho nên đây không giải thêm.

Pháp xả, pháp sám hối, pháp trả lại và không phạm cũng đều đồng vậy. Tỳ Kheo Ni chứa một đêm phạm Xả đọa, ba chúng sau phạm Đột Kiết La.

Nếu được bát trệt, bát nhỏ, bát vừa vừa cho chứa khỏi làm phép tịnh thí.

KIÊN TỬ : Là cái bát nhỏ, trệt, chỗ nói bát trệt, để vào bát nhỏ, bát nhỏ để vào bát vừa vừa, bát vừa vừa để vào bát lớn.

Không nên chứa bát bằng cây, bát cây là bát của ngoại đạo, không nên chứa bát bằng đá, bát bằng đá là bát của Như Lai, không nên chứa bát bằng vàng, bằng bạc, bằng lưu ly, đó là bát của người thế gian, không nên chung quanh bát vẽ dây Bồ đào cùng vẽ hoa sen, vẽ hình tượng hay là chạm chữ vạn, để danh hiệu của mình, không nên ràng bốn bên cái bát, hoặc miệng bát, không nên bao cả cái bát.

Nên bao hai phần chừa một phần, nếu lủng nhiều lỗ, thì nên bao hết, cơm lọt trong lỗ, tùy cái nào cạy ra được thì cạy, còn cái nào cạy không được cũng không phạm. Cho nên cái túi đựng bát, làm dây mang trên vai, kẹp bát ở dưới nách day miệng ra ngoài, bát có lủng hư cho vá lại.

Nếu người xuất gia biết làm bát, cho làm bát giùm các Tỷ Kheo, cho chừa đồ làm bát, cho xông bát, cho làm lò xông bát, hoặc bằng chảo, bằng ghè, lấy những thứ hồ thoa, hoặc dùng hột hạnh, hột mè, đâm thoa trong cái bát, lấy tro để dưới đất bằng, làm cái chõ xông bát, lấy cây chống, lật bát để lên trên, cái bát úp trên cái lò, lấy tro tấp bốn phía tay ém cho chắc, hoặc củi, hoặc phần trâu khô,⁽¹⁾ dẫn bốn bên đốt lửa, phải làm như vậy mà xông.

Mẫu kinh nói : “Hoặc hột mè, hoặc hột hồ ma, đâm nát trét bát trên lò để bát ở giữa lò xông đó, xông rồi cái lò phải khéo vỡ, chớ cho lọt mưa”.

Ni Đà Na nói : Cho sắm cái lồng trùm bát, lồng có hai thứ :

1.- Là thợ làm. Nghĩa là : mua của thợ lò gốm.

2.- Là mình làm. Nghĩa là : Lấy cái hũ hay cái ghè cắt làm hai đoạn, nên lấy cỏ trộn với bùn, thoa khắp ở ngoài, lấy xác hồ ma, thoa trét mé trong, đợi khô, ở trong để nếp nát, lấy lồng úp lên bên miệng trét hồ, nên lấy vật đỡ cái bát lên cao, trong lồng khói ra, thì lấy tro lấp trên miệng, nên chất chông

⁽¹⁾ Trâu ăn cỏ thơm trên núi Tuyết sơn nên phần nó thơm như trầm.

nhiều lớp phấn trâu, đốt lửa ở trên, mình phải coi chừng lửa, hay là mượn người khác coi chừng, nếu nó không ăn màu thì phải thường thường rửa đi, vậy sau mới đốt lửa lại, nên quét chỗ đất cho sạch, đừng để chết các loài trùng.

Thập Tụng Luật nói : “Bát là cái cờ nêu của hằng hà sa chư Phật, không nên đựng đồ bất tịnh”.

Ngũ Phần Luật nói : “Trì bát cũng phải đúng như pháp : không nên đựng vải rách hay là đựng cơm dư, đựng nước quá giờ Ngọ, đựng hương và thuốc, phải rửa sạch đem cất, kính hộ như trông con mắt, quá giờ Ngọ không nên mượn bát làm chén uống nước, cho sấm chén uống nước bằng đồng, bằng thiếc, bằng sành và riêng sấm thố ăn cháo”.

Lại nói : Bát có ba cỡ :

1.- Bát lớn đựng ba bát tha cơm, trừ canh và rau ra.

2.- Bát nhỏ đựng 1 bát tha cơm, trừ canh và rau ra.

3.- Bát vừa vừa đựng 2 bát tha cơm, trừ canh và rau ra.

Tăng Kỳ Luật nói : “Không cho trong bát để ngăn, nếu lấy bánh làm ngăn, hay là lấy cơm làm ngăn, thì không phạm”.

Tất Bã Đa Luận nói : “Nếu chứa dư bát thiếc trắng hay là bát bằng sành mà chứa xông và tất cả bát không nhằm cỡ, phạm Đột Kiết La”.

Luật Nhiếp nói : “Không phạm là như bát thiếu cỡ hay là quá cỡ, hoặc muốn để dành cho người muốn xuất gia thọ giới Cụ túc, giúp cho họ dùng, tuy không biết, cũng đều không phạm, hoặc để đựng canh rau, hay là đựng nước uống, nên sắm hai cái bát nhỏ, một cái để đựng muối dã, một cái để đựng muỗng thấy đều không phạm”.

Lại trong cái bát lớn muốn để cái bát nhỏ vào cũng được khi cần dùng cho dễ, chứa nhiều không phạm. Nên sắm thêm một cái bát lớn, để phòng khi có khách Tăng đến.

Đức Thế Tôn cho ra một cái bát, là ý không nhiều không ít, cho thuận lẽ trung đạo, để giúp thân tu hành, biết thọ vừa đủ thôi, như hộ trông con mắt; khi đi đường dùng để trần mang đi, chớ gói trong chéo y, nên lấy dây đựng, mang ở trên vai mà đi. Nếu ở trong chùa phải làm cái lồng úp lại, còn ở chốn Lan nhã thì phải bện tre lau làm lồng, hồ và phần trâu trét trong, ngoài lồng ấy rồi, để bát ở trong.

Giải rằng : Nói một bát tha đây, dịch là : một thặng, cứ theo trong Tát Bà Đa Luận nói : cỡ chừng bảy hộp.

Giới thứ hai mươi hai

BÁT THIẾU 5 CHỖ LÚNG, TÌM XIN BÁT MỚI

CHÍNH VĂN : Nếu Tỳ Kheo chứa bát, thiếu 5 chỗ và không chảy, tìm xin bát mới, vì muốn cho tốt, thì phạm Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề. Tỳ Kheo kia phải đến

trước chúng Tăng mà xá, lần lượt lấy cái bát chót hết cho thọ trì, nhẫn đến bể cũng phải trì, thế là phải thời.

CHÚ GIẢI : Phật ngự trong vườn Cấp Cô Độc, ông Bạt Nan Đà làm bể một cái bát, ông vào trong thành, đến mỗi nhà Cư sĩ, xin bát, các Cư sĩ đều ra chợ, mỗi người mua cho ông một cái bát, té ra ông bể một cái bát, mà được rất nhiều bát.

Sau khi đó các Cư sĩ đi nhóm hội nói chuyện với nhau mới biết, thì ai cũng chê trách ông Bạt Nan Đà. Phật vì đó liền kiết giới.

Chứa bát là gì ? Nghĩa là : Cái bát của mình đang thọ trì.

Thiếu 5 chỗ vá là chi ? *Thiếu* : là không đủ vậy.

Năm chỗ vá : Nghĩa là lũng cách hai ngón tay vá một chỗ.

Vá : là nối nhau chắp dính liền vậy.

Thế nào gọi là không lũng ? Do còn dựng cơm canh vậy.

Lại tìm bát mới vì muốn cho tốt là sao ? Nghĩa là : mình sẵn có cái bát chưa cháy, mà vì lòng tham xin bát mới cho tốt đẹp, nên mới tới nhà Cư sĩ mà xin cái bát thứ hai. Nếu thiếu năm chỗ vá mà không chảy lại tìm cái bát mới phạm Xá đọa. Nếu đủ năm chỗ vá, mà không chảy lại tìm xin bát mới phạm Ác tác.

Tỳ Kheo kia là ai ? Là chỉ vị Tỳ Kheo phạm tội.

Phải đến trong chúng Tăng mà xả là sao ?

Nghĩa là : phải đối trước chúng Tăng ở trong giới đây mà xả chớ không được xả cho biệt chúng, xả rồi sám hối tội đọa. Chúng Tăng phải làm phép Yết Ma trả bát lại cho ông, bát này nếu thật tốt quý giá, thì phải để lại, lấy cái bát xấu hơn, bạch nhị Yết Ma đưa cho ông, làm phép Yết Ma rồi, cái bát kia phải đem đến trong chúng Tăng, thử lợp mà xả chuyển cho nhau, nếu chuyển rồi mà rốt cuộc không có thầy nào lấy, thì phải trả lại cho Tỳ Kheo kia, dạy phải giữ trọn đời.

Còn bát ông thọ trì trước đó, cũng phải đúng như phép thọ trì như thường, còn bát xả đọa này không nên thọ trì. Chỉ dạy : thường chứa dùng thôi. Nên hành như vậy : phải tác bạch thưa trong chúng Tăng, bạch rằng : Thưa Đại đức Tăng lắng nghe, nếu đến giờ chúng Tăng nhóm, xin chúng Tăng bằng lòng cho, nay đem cái bát này, thử lợp thưa vị Thượng Tọa, thưa như vậy.

Thưa rồi, phải cầm đưa vị Thượng Tọa, nếu vị Thượng Tọa muốn lấy bát này, thì đưa cho đó, rồi phải lấy cái bát của vị Thượng Tọa đưa cho vị Thượng Tọa thứ hai; nếu đưa cho Tỳ Kheo kia, thì Tỳ Kheo kia phải lấy. Không nên đem hộ cho chúng Tăng mà không lấy, cũng không nên vì nhân duyên này, mà thọ trì cái bát rất xấu, nếu thọ trì thì phạm Đột Kiết La.

Nếu vị Thượng Tọa thứ hai lấy bát này, thì phải lấy cái bát vị Thượng Tọa thứ hai đó đưa cho vị Thượng Tọa thứ ba. Nếu đưa cho Tỳ Kheo kia, thì Tỳ Kheo kia phải thọ, không nên đem hộ cho chúng

Tăng, mà không thọ. Không nên vì nhân duyên này mà thọ trì cái bát rất xấu, nếu thọ trì thì phạm Đột Kiết La.

Như thế lần lượt đến ông hạ tọa chót, nếu đem cái bát này trả lại cho ông Tỳ Kheo kia, hoặc đem cái bát của ông chót hết, cho Tỳ Kheo bị phạm, phải bạch nhị Yết Ma cho ông.

VĂN BẠCH YẾT MA

Văn bạch như vậy : “Thưa Đại đức Tăng lắng nghe, nếu đến giờ chúng Tăng nhóm, xin chúng Tăng bằng lòng cho, Tăng nay lấy cái bát của ông hạ tọa chót hết đây”. Nếu thật cái bát của Tỳ Kheo đó, nên nói như vậy : “Chúng Tăng nay lấy cái bát chót của Tỳ Kheo đó, cho Tỳ Kheo (*bị phạm*) thọ trì cho đến bể”.

Bạch như vậy tác bạch thành không ? – Đồng đáp : “Thành”.

Thưa Đại đức Tăng lắng nghe, chúng Tăng nay lấy cái bát của ông hạ tọa chót hết đây, cho Tỳ Kheo... thọ trì đến bể. Các vị Trưởng lão nào bằng lòng, chúng Tăng đưa cái bát cho Tỳ Kheo... thì lẳng lẳng, vị nào không bằng lòng thì nói. Yết Ma thành không ? – Đồng đáp : “Thành”.

Tăng đã bằng lòng đưa bát cho Tỳ Kheo... rồi, vì chúng Tăng đây bằng lòng nên lẳng lẳng, thì việc này rõ như vậy.

Cứ trong Căn Bản bộ nói : Trước bạch nhị Yết Ma cử một thầy Tỳ Kheo đủ năm đức, dạy chuyên cái bát bị phạm, ông đắc cử phải đối trước chúng

Tăng tác bạch rằng : “Thưa Đại đức Tăng, tôi Tỳ Kheo... sẽ chuyển cái bát bị phạm, các vị cụ thọ (Đại đức) ngày mai, mỗi vị phải đem cái bát của mình đến trong chúng Tăng”. Sáng ngày chư Tỳ Kheo đều đem bát của mình đến trong chúng Tăng, thấy Tỳ Kheo chuyển bát, cầm cái bát bị phạm đó, tới trước vị Thượng Tọa khâm khen cái bát : đầy đủ, thanh tịnh, ngài có thể thọ dùng được, hoặc vị Thượng Tọa lấy, cùng không lấy, lệ như trước nên biết, chuyển cho đến tột hết chúng, còn lại một cái bát chót sau, giao cho Tỳ Kheo kia, dặn bảo phải giữ gìn mãi mãi.

Những đến bề cũng phải trì (giữ) là sao ?

Không phải làm phép thọ trì.

Nghĩa là : ông phạm được cái bát chót rất xấu, phải khéo dụng tâm giữ gìn, những đến bề cũng phải giữ để thọ dùng.

Thế mới là phải thời là sao ? Nghĩa là : phép đây phải đưa cái bát xấu hơn hết trong Tỳ Kheo kia, bảo phải giữ gìn vậy. Tỳ Kheo kia giữ cái bát này, không được để chỗ có ngói gạch rớt, không được để dưới chỗ dựng cây gậy và dưới chỗ dựng dao, không được để dưới chỗ treo đồ đạc, hoặc giữa đường hay trên đá, dưới chỗ trái cây hay rụng và chỗ đất gập ghềnh.

Không nên một tay cầm hai bát, trừ có ngón tay chêm kẽ giữa, cũng không nên một tay cầm hai bát mở cửa, trừ có để ý cẩn thận, không nên để phía trong ngạch cửa, dưới cửa sổ, không nên để dưới giường dây, giường cây hoặc để giữa giường, hay là góc giường, trừ khi để tạm, không nên đứng

gác chân đỡ trên cái bát, nhẫn đến đập cho bể, không nên cố ý phá hư hay là cố ý để cho mất, làm món phi bát mà dùng. Tỳ Kheo Ni đồng phạm, ba chúng sau phạm Ác tác.

Thế thức không phạm là sao ? Nghĩa là : Dưới năm chỗ hàn mà chảy, đi tìm xin bát mới, hoặc tới người bà con, hay người xuất gia xin, hoặc xin giùm ông khác, hay là ông khác xin giùm mình, hay là không xin mà được; hoặc là trong khi thí chủ cúng cho chúng Tăng, thứ lớp chia mà được; hoặc mình có tiền mua sắm.

Căn Bản bộ nói : Tỳ Kheo chuyên bát, lấy bát giao cho Tỳ Kheo kia dặn rằng : “Cái bát này ông không nên giữ thọ trì, không nên phân chia, cũng không được cho người, phải chín chắn từ từ như pháp mà dùng, cho đến được cái bát chót, mới được giữ gìn đến bể”.

Phải sắm hai cái túi đựng bát, túi tốt đựng bát dư này, túi xấu đựng bát thọ trì cũ, nếu khi đi khát thực thì phải đem theo hai cái bát, nếu được cơm ngon thì để trong cái bát dư, được cơm dở để trong cái bát cũ, và khi ăn phải ăn cơm trong bát cũ trước. Còn khi rửa phải rửa bát dư trước. Như vậy cho đến khi hong phơi, khi đem cất cũng đều căn cứ cái bát dư đó làm trước.

Hoặc để trong lồng, hay là khi xông lửa đều phải nhường chỗ tốt, để bát dư trước, hoặc khi đi đường cái bát cũ mượn người mang, còn cái bát dư chính mình phải mang, nếu không ai thì mang bên vai hữu mà đi.

Đây là trị phạt ông đó cho đến trọn đời, hoặc là đến bể mới thôi, phải khéo giữ gìn, pháp hành như đây, không y đây mà hành, thì mắc tội Diệt Tỳ Ni.

Khi đó có thầy Tỳ Kheo, cái bát bể nhiều miếng đem dùi mấy lỗ, lấy dây nhỏ ràng lại cho dính, ăn rồi mở ra rửa, rửa rồi mắc ràng lại, bỏ phước hết việc tu hành. Phật nói : Nếu bát khó tìm thì tùy ý vá sửa, nếu chỗ dễ tìm thì nên bỏ quách nó đi rồi tìm cái mới khác.

Phép vá bát có năm cách :

- 1.- Lấy kim nhỏ tán cho bít lỗ.
- 2.- Đặt một miếng thiếc nhỏ, để tán vào lỗ lủng cho chắc.
- 3.- Vá cách như răng cá, bốn phía dùi lủng trong ngoài kẹp nhau.
- 4.- Lấy một miếng thiếc đắp lên chỗ lủng, chung quanh đóng cúc.
- 5.- Vá bằng mạt nhỏ (*tức bột nhuyễn*).

Mạt có hai thứ :

- 1.- Là mạt sắt giũa.
- 2.- Mạt đá mài.

Song, mạt sắt thì vá bát sắt, thứ mạt đá thì hàn bát sành, khi dùng mạt mà vá, lấy dầu trộn vô, để trong cối sắt, dùng chày sắt nghiền cho nhỏ, mới đem trám lỗ, rồi lấy chút lửa đốt cho cứng.

Nếu nó còn thô rít, thì lấy dầu thoa, như pháp mà xơ.g. Nếu bát bằng sành lủng lỗ thì lấy nước

đường cát trộn với xi măng mà trét vô, cho bít lỗ, lấy lửa hơ cho khô, nếu nứt bể, thì thợ lủng làm như vành trống, lấy mặt trống sắt để lên trên, lấy hồ trét, xông lửa cho cứng mà dùng đỡ.

Giải rằng : Trong đây nói đường cát, cũng như đường thẻ vậy.

**Giới thứ hai mươi ba
KHÔNG CHO MƯỢN THỢ DỆT
KHÔNG BÀ CON DỆT Y**

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo tự xin chỉ, mượn thợ dệt không bà con dệt làm ba y, thì phạm Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự nơi vườn ông Cấp Cô Độc, ông Bạt Nan Đà muốn may y Tăng Già Lê, vào trong thành đến nhà các ông Cư sĩ xin chỉ, xin được nhiều chỉ, bèn đem mượn thợ dệt, bảo dệt làm ba y, tự tay mình kéo chỉ, tự coi thợ dệt. Các Cư sĩ thấy vậy chê cười. Phật liền kiết giới.

Tự xin là gì ? Nghĩa là : tự mình đi tìm xin mỗi nhà, mỗi nhà.

Chỉ là chi ? Như xin chỉ 10 thứ y nói trước.

Không bà con là sao ? Là như trên đã giải.

Thợ dệt là ai ? Là người dệt y vậy.

Ba y là sao ? Là đã có giải trước rồi.

Thế thức phạm tội trong đây ra thế nào ?
Nếu thợ dệt và người cho chỉ, đều không phải là bà con, hoặc thợ dệt không bà con, mà người cho chỉ là

bà con, hoặc người cho chỉ không bà con, mà người thợ dệt là bà con, cũng đều phạm.

Hoặc mình coi dệt, hoặc mình tự dệt, hoặc tự mình kéo chỉ đều phạm Đột Kiết La. Pháp xả, sám hối, trả lại, đồng giải như “giới y dư”. Tỳ Kheo Ni đồng phạm, ba chúng sau phạm Ác tác.

Thế thức không phạm là sao ? Nghĩa là : Thợ dệt và người cho chỉ, đều là bà con, hoặc mình dệt làm cái túi đựng bát, giải áo, dây lưng, mào, võ, khăn gói, guốc v.v... thì không phạm.

Căn Bản bộ nói : Tới người không bà con xin chỉ, mắc Ác tác, mượn thợ không bà con dệt, phạm Xả đạo, mình dệt lấy cũng phạm Ác tác.

Nếu trả đúng tiền cho thợ dệt thì không phạm. Nếu mình cố tâm dối trá, khoe cái đức thù thắng của mình, khi xin được chỉ, thì phạm Ác tác và đồng thời phạm tha thắng (*Ba La Di*), dù mình thật có đức cũng Ác tác và tội đạo.

Tuy thợ dệt có bà con, mà không lựa thời xin, làm cho người ta phiền muộn, hoặc hiện tướng lạ cũng phạm Ác tác.

Tát Bà Đa nói : Nếu thiếu y, chính phải xin y, không nên xin chỉ dệt y, nếu có cần chỉ may y, hay là làm dây lưng thì không tội.

Giới thứ hai mươi bốn

KHÔNG CHO KHUYỀN THỢ DỆT Y TỐT

CHÍNH VĂN : Nếu Tỳ Kheo, có hai ông bà Cư sĩ bảo thợ dệt, dệt y cho Tỳ Kheo, Tỳ Kheo kia trước

không thọ thỉnh tự ý, lên lên nhà thợ dệt nói rằng : “Y này thì chỉ tính dệt cho tôi. Ông dệt giùm cho thật tốt và rộng, lớn, chắc, mịn, tôi sẽ trả tiền thêm cho ông ít nhiều”. Tỳ Kheo kia trả tiền thêm giá đáng một bữa ăn, nếu được y, thì phạm Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề.

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại vườn ông Cấp Cô Độc, có ông Cư sĩ đem chỉ tốt bảo thợ dệt, dệt y cho ông Bạt Nan Đà, thợ dệt đi đến chùa cho ông Bạt Nan Đà hay, ông bèn đến nhà Cư sĩ, hỏi người vợ Cư sĩ xin thêm chỉ nữa, rồi ông đem đưa cho thợ dệt, bảo dệt cho thật tốt và rộng rãi, chắc chắn, tôi sẽ trả tiền công thêm. Khi dệt y xong rồi, ông Cư sĩ thấy không giống lời của mình bảo ông thợ khi trước, hỏi ra mới hay biết căn do, tức thì chê cười, Phật nhân nơi đây kiết giới.

Khi đó có ông Cư sĩ thỉnh tự ý, các Tỳ Kheo nghi không dám nhận lời, và không dám hỏi ý khác, vì cơ đo Phật bèn kiết thêm câu : “Trừ trước có thọ thỉnh tự ý, thì không phạm”.

Dệt thật tốt là sao ? Nghĩa là : tinh hảo, cũng là cái nghĩa dệt y rộng, lớn, mịn chắc.

Rộng : Là bảo cho đủ bề đứng.

Lớn : Là bảo cho đủ bề dài.

Chắc : Là bền chắc.

Mịn : là nhỏ (nhuyễn).

Nhẫn đến giá đáng chừng bữa ăn là sao ?
Nghĩa là : Ý nói trả thêm tiền công, nhẫn đến rất ít chừng một bữa ăn cũng phạm, còn bao nhiêu nghĩa nữa đồng giải như trước.

Thế thức phạm tội trong đây ra sao ? Nếu Tỳ Kheo trước không được thọ thỉnh tự ý, lại đến bảo dặt y tốt, được thì phạm Xả đọa, không được thì phạm Ác tác. Pháp xả, sám hối, trả lại, đồng giải như trước. Tỳ Kheo Ni đồng phạm, ba chúng sau, phạm Ác tác.

Thế thức không phạm ra thế nào ? Hoặc tới bà con, hay là người xuất gia mà xin, hoặc người khác xin giùm cho ta, v.v...

Tỳ Ni Tỳ Bà Sa nói : “Y này không luận đúng cỡ, hay là không đúng cỡ, cũng đều phạm tội, nếu vì ông thọ dặt nói pháp, luôn việc bảo dặt, dầu không cho tiền công đáng bữa ăn, được y tốt, cũng phạm Đột Kiết La, nếu mình có chỉ mượn thọ dặt, dặt y thì không tội”.

Giới thứ hai mươi năm TRƯỚC CHO Y SAU ĐÒI LẠI

CHÍNH VĂN : Nếu Tỳ Kheo, trước cho Tỳ Kheo khác y, sau vì sân hận, hoặc mình đòi lại, hoặc mượn người khác đòi lại, nói rằng : “Trả y lại cho tôi, không cho đâu”. Nếu Tỳ Kheo kia trả lại, Tỳ Kheo này lấy y, thì phạm Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề.

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại vườn ông Cấp Cô Độc, ông Bạt Nan Đà, trước cho đệ tử ông Nan Đà cái y, sau nhân vì có việc mượn làm giùm ông không làm, bèn sinh lòng sân hận cưỡng giạt y lại, các Tỳ Kheo đem việc này bạch lên đức Phật. Phật liền nhân đây mà kiết giới.

Trước cho Tỳ Kheo khác y là sao ? Rõ là không phải tạm cho cũng không phải mượn đắp.

Nghĩa là : mình thiết tình cúng cho ông kia vậy.

Sau vì sân hận là sao ? Rõ chẳng phải thương tưởng, do vì trái ý mình, sinh tâm buồn giận, gây ra nghiệp ác của ý vậy.

Hoặc mình đòi lại là gì ? Là nói rõ thân nghiệp gây tội.

Hoặc mượn người khác đòi lại là sao ? Là nói rõ thuộc về khẩu nghiệp gây tội.

Trả y lại cho tôi không cho ông đâu là sao ? Nghĩa là : trông mong muốn được y trước mà theo ông kia đòi lại vậy.

Nếu Tỳ Kheo kia trả y lại là thế nào ? Nghĩa là : y đã lìa thân của Tỳ Kheo kia.

Tỳ Kheo này lấy y là sao ? Nghĩa là : lấy y vào tay, tưởng thuộc về mình vậy.

Thế thức phạm tội trong đây là sao ? Nếu lấy lại đem cất, thì phạm Xả đọa, không cất phạm Ác tác. Nếu máng trên cây, trên tường, trên rào, trên nọc, trên sào, trên giường, trên khuôn dệt, trải trên đất, lấy rồi đi khỏi chỗ cũ, thì phạm Xả đọa; lấy chưa khỏi chỗ cũ phạm Ác tác. Pháp xả, sám hối, trả lại, đồng giải như trước. Tỳ Kheo Ni đồng phạm, ba chúng sau Ác tác.

Thế thức không phạm ra thế nào ? Không sân hận, người kia biết tâm mình ăn năn (muốn đòi

y lại) liền trả y lại, hoặc người khác khuyên bảo trả y lại. Hoặc có người mượn y một cách vô đạo lý nên lấy lại không cho mượn, sợ mất y, sợ rách y nên lấy lại. Hoặc ông đó phá giới, phá chính kiến, phá oai nghi, hoặc ông đó bị cử tội, hoặc ông đó bị diệt tẩn, hoặc ông đó sẽ diệt tẩn, hoặc vì việc đó mà mang nạn, phạm hạnh nạn, tất cả việc như vậy, giạt lấy không giấu cất không phạm.

Tất Bà Đa Luận nói : “Nếu giạt lấy y của ông Sa Di bị hành biệt trụ, người hành Ý hỉ, người đui mù, người điếc, câm, người không thấy, tội tẩn, người ác tà bị tẩn, thì đều phạm Xả đọa”.

Nếu lấy y của người cuồng loạn, của người bệnh hư tâm lãng trí, người phạm tội tử trọng, người phạm tội ngũ nghịch, người thọ 5 pháp của ông Điều Đạt và y của bốn chúng, thì đều phạm Đột Kiết La. Nếu cô Ni lấy y của Tỳ Kheo thì phạm Ác tác, lấy y của cô Ni v.v... phạm Xả đọa.

Thể của giới này, cội gốc chính mình ban đầu đem y cho người, sau vì giận tạm đòi lại phạm Xả đọa, sau khi trả y cho ông kia còn phải sám hối Ba Dật Đề.

Nếu trước chính mình cho người y, sau cũng chính mình lấy lại, thì phải tính giá tiền mà kết tội. Nếu trước tạm cho người y sau bèn lấy lại thì không tội, nếu vì cố giận hờn, muốn làm cho ông kia buồn, tạm lấy lại, thì phạm Đột Kiết La.

Nếu thấy vì muốn hàng phục đệ tử, cho nó bỏ việc ác tâm, tạm lấy lại thì không phạm.

Giới thứ hai mươi sáu CHỨA THUỐC QUÁ 7 NGÀY

CHÍNH VĂN : Nếu Tỳ Kheo có bệnh, thuốc dư như là : sữa, dầu, sữa tươi, mật, thạch mật, được uống trong 7 ngày, nếu quá 7 ngày uống, thì phạm Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề.

CHỮ GIẢI : Phật ngự tại vườn ông Cấp Cô Độc, các thầy Tỳ Kheo bị gió mùa thu sinh bệnh, thân thể khô gầy, lại sinh ra ghẻ độc, Phật cho lúc phải thời hay phi thời, có nhân duyên bệnh uống 5 thứ thuốc. Khi đó đệ tử ông Tát Lãng Già Bà Ta, giấu cất chất chứa 5 thứ thuốc rất nhiều, mỗi chỗ chảy nhớt phòng xá hôi hám.

Các vị trưởng giả, thấy chất chứa bỏ bậy bạ như thế, đều sinh tâm chê ghét. Đức Như Lai nhân đó mới chế giới này.

Có bệnh là sao ? Nghĩa là : Thân mang tật bệnh, thầy thuốc dạy uống mấy thứ thuốc đó.

Dư là gì ? Là người kia trao tay mà được rồi, hoặc ăn hay không ăn còn lại qua ngày thứ hai, thì gọi là dư vậy.

Thuốc là chi ? Như là : sữa hộp, dầu, sữa tươi, mật, đường phèn, 5 thứ này vậy.

Sữa hộp : Là trong vú bò, dê, v.v... nặn ra khuấy cán làm thành, hoặc lấy cỏ, là thuốc tán cho nhỏ, để trong sữa mà thành vậy.

Dầu : Nghĩa là : lấy hột mè, hột hồ ma, hột mang thanh (đậu phộng), các thứ hột ép ra thành dầu vậy.

Sữa tươi : là từ trong vú của bò, dê, v.v... làm thành mà chưa chín. Ban đầu từ nơi nhũ (*thời kỳ phôi thai*) nặn ra thành lạc, lạc làm thành sanh tô, sanh tô hấp gia vị thành thực tô, thực tô nấu chín thành đề hồ, đề hồ là thứ thuốc bổ bậc nhất (*tiêu biểu là Phật thừa vậy*).

Mật là gì ? Là các thứ mật ong.

Thạch mật là sao ? Là nước mía thẳng kẹo thành đường, cứng chắc, gọi là thạch mật.

Thạch mật có thứ đen thứ trắng; thứ trắng vị thuần, ngọt thanh, hay trị được bệnh nóng nảy. Thứ đen, vị của nó hơi đắng đắng, hay trị được bệnh lạnh.

Nếu các thứ đường mía, hoặc đậm, hoặc lợt, hoặc chưa thành còn lộn với nước, cũng thuộc về thạch mật. Nếu nước mía chưa thẳng, cho uống phi thời, thẳng rồi không cho. Cây mía thì cho ăn lúc phải thời.

Khi đó có thầy Tỳ Kheo thấy người thẳng thạch mật, để xen các món trộn vào (*như khuấy bột*) không dám ăn phi thời. Phật nói cho ăn phi thời, nhưng phải làm phép mới được.

Nếu có bệnh phong, cũng cho phép dùng các thứ dầu mỡ để trị.

Mỡ có 5 thứ :

- 1.- Mỡ gấu
- 2.- Mỡ cá
- 3.- Mỡ lừa

4.- Mỡ heo

5.- Mỡ cá ma kiệt.

Nếu thọ trong lúc phải thời nấu, lúc phải thời lược. lúc phải thời uống, đều phải đúng pháp; lược cho sạch sẽ, từ nơi tay tịnh nhân trao cho, làm phép thọ trì, cho đến ngày lành bệnh, tùy ý uống, không cho thọ, nấu, lược, uống phi thời.

Sữa hộp và thạch mật hay trừ được bệnh nóng. Mật hay trừ được bệnh đàm ẩm (*bệnh đàm*) cùng với bệnh thủy, đường cát nó cũng hay trị được bệnh đàm ẩm, sữa hộp và mật cũng hay trị bệnh phong đàm.

Hi đường (*nước đường*) hay trừ được 3 bệnh: bệnh phong, bệnh đàm, bệnh nóng.

Được uống trong 7 ngày là sao ? Nghĩa là : từ ngày ban đầu thọ được thuốc của người vào tay, cho đến ngày thứ 7, trong 7 ngày đó, phải thời hay là phi thời mình được lấy uống, đây là nói đến lời chót hết, cho nên nói 7 ngày.

Song ngày ban đầu lành được thuốc, cần phải làm phép, phải bưng thuốc đối trước một thầy Tỳ Kheo bạch như vậy :

“Thưa Đại đức một lòng chiếu cố, tôi Tỳ Kheo... vì có chứng bệnh... đây là món thuốc 7 ngày để luôn đêm, uống trong 7 ngày, nay đối trước Đại đức đây xin thọ “ (*nói ba lần*).

Nếu nói ít ngày, thì nên tùy theo ngày mà thưa.

Luật Nhiếp dạy : “Trong lúc phải thời rửa tay thọ thuốc, để thuốc trên bàn tay tả, tay hữu vịn lên trên, đối trước ông kia làm phép”.

Nếu quá 7 ngày mà uống là sao ? Nghĩa là : vượt qua hạn định vậy.

Thể thức phạm tội trong đây ra thế nào ?

Ngày ban đầu được thuốc cho đến ngày thứ 7, trong chặng giữa hoặc được, hoặc không được, hoặc làm phép tịnh thí, hoặc không làm phép tịnh thí, tùy còn ít nhiều. Đến ngày thứ 8 mặt trời vừa mọc, đều phạm Xả đọa. Nhấn đến dạy đem cho người, mất hư v.v... cũng phạm.

Pháp xả, sám hối, trả lại, đều phải giải như giới (*dư y*) trước. Nhưng giới này nói về thuốc và 7 ngày là khác. Nếu thuốc phạm Xả đọa mà không xả, lại đem đổi thuốc khác, thì phạm một tội Xả đọa và một tội Ác tác.

Chúng Tăng làm phép Yết Ma trả thuốc này lại cho Tỳ Kheo bệnh ấy, để thoa chân hoặc thấp đèn. Tỳ Kheo Ni đồng phạm, ba chúng sau phạm Đột Kiết La.

Thể thức không phạm là sao ? Là sữa và dầu quá 7 ngày đem thoa cánh cửa, nếu mặt, thạch mặt, thì cho người giữ vườn, hoặc đến ngày thứ 7, đem xả cho Tỳ Kheo ăn hết.

Thoa chân : Nghĩa là : khi lấy dầu thoa trên chân, thì nó hay trừ được bệnh phong thấp, lại gót chân có mạch thông lên con mắt, cho nên một khi lấy dầu thoa, thì con mắt được sáng trong.

Ngũ Phần Luật nói : “Nên xả cho chúng Tăng, rồi chúng Tăng cho người bạch y, hay là cho ông Sa Di, hoặc để thấp đèn, Tỳ Kheo kia không được dùng, tất cả Tỳ Kheo cũng đều không được dùng (ãṇ)”.

Thiện Kiến Luật nói : “Chứa đủ 7 ngày đem cho ông Sa Di, đến ngày thứ 8 có bệnh gấp muốn dùng, cho phép đến ông Sa Di xin dùng không tội”.

Thuốc là gì ? Là không ngoài bốn món :

1.- Là thuốc phải thời : như là : cơm, lớ (*cơm xay nát*), bánh, trái, rễ, ngó, bông, lá v.v... từ sớm mai cho tới đứng bóng được ăn, không cho ăn phi thời, đó gọi là thuốc phải thời.

2.- Thuốc phi thời : Có 8 món nước :

- a) Nước trái lê
- b) Nước hột diêm phù (*hình nó lớn như trái trầm hoa, sắc nó đỏ, chất nó chua và ngọt*)
- c) Nước trái táo chua
- d) Nước mía
- e) Nước trái thị (*thị*)
- f) Nước xá lầu già (*nước ngó sen lỏng trong*)
- g) Nước trái Bà lâu sứ (*trái nó giống như hột anh áo, cũng tương tự như trái am ma la*).
- h) Nước trái bồ đào (*trái nho*).

Trừ 8 thứ nước này ra, còn bao nhiêu nước, như nước trái quýt, nước trái dứa, nước trái thạch

lựu, nước trái chuối, các thứ nước uống không say người, thì cũng cho làm uống, phải để trong đồ sạch, lọc lỏng trong như nước, lấy nước nhỏ vào làm phép tịnh, từ nơi tay tịnh nhân dâng cho mình. Tỳ Kheo lãnh nước đó phải đối với Tỳ Kheo khác làm phép như vậy : “Thưa Đại đức một lòng chiếu cố, tôi Tỳ Kheo... vì có bệnh... vì nước phi thời ấy để uống cả lúc phi thời, nay đối trước Đại đức xin thọ” (nói ba lần).

Thọ rồi “chính” “xế” cũng uống được, đó gọi là thuốc phi thời, không cho ngày nay thọ, để đến ngày mai uống, nếu uống thì đúng như pháp mà trị tội.

3.- Thuốc 7 ngày là chi ? Là sữa, v.v... như trên đã nói, từ người kia dâng thọ được, đối một thầy Tỳ Kheo làm phép rồi, nhấn đến trong 7 ngày cho tự mình lấy uống, gọi là thuốc 7 ngày.

4.- Thuốc trọn đời là sao ? Là như trái Ha lê lặc (người tục kêu tắt là trái ha), trái tử ích lặc (giống như hạt đào, công dụng của nó cũng như ha lê lặc), A ma lặc (các thứ nước trái cam), nhị La tất bạt, hồ tiêu và các thứ như rễ, ngó, lá, bông, trái đều được làm thuốc dùng. Và các thứ cao đơn hoàn tán, tất cả chất mặn, đắng, chua, cay, nhấn đến tro đất, v.v... làm đồ ăn không thể được. Nhưng có nhân duyên bệnh trầm trọng, nhằm món cũng có thể làm thuốc, từ người kia dâng thọ được; phải đối một thầy Tỳ Kheo làm phép rồi, nhấn đến trọn đời cho mình tự lấy uống. Nên làm phép như vậy : “Thưa Đại đức một lòng chiếu cố, tôi Tỳ Kheo... vì có bệnh... thuốc

trộn đời đây để uống luôn đêm, nên đây đối trước Đại đức xin thọ” (nói ba lần).

Nếu bốn thứ thuốc hòa lộn, có ý là thuốc cho chung một lượt, chớ không phải trộn chung lại, khi uống phải xin phép từng món lẫn nhau, nên làm theo phép thứ một mà uống. Ba thứ thuốc sau hòa lộn, nên làm theo phép thứ hai mà uống, hai món thuốc hòa lộn sau nên làm theo phép thứ tư mà uống.

Song bốn món thuốc này đều vì trị lạnh bệnh nên mới uống, trong khi uống, phải tưởng vì cơ lạnh bệnh, mới nên ăn uống. Như thế thuốc ban đầu, vì trị ghẻ đói, vì muốn thành đạo nghiệp nên mới thọ đồ ăn uống, chớ chẳng phải vì sự ngon ngọt, mập béo mà thọ dùng vậy.

Tát Bà Đa Luận nói : “Nếu dùng thuốc phải thời v.v... tức là cơm, lờ, bánh, trái, rễ, ngó, bông, lá, v.v... trợ cho món thuốc 7 ngày thành tựu nên làm món thuốc 7 ngày không tội”.

Hoặc lấy món thuốc 7 ngày v.v... tức là sữa hộp, dầu, sữa tươi, mật, thạch mật giúp cho thành món thuốc trộn đời, làm thuốc uống trộn đời không tội. Hoặc lấy món thuốc 7 ngày v.v... giúp cho thành món thuốc phải thời, nên làm thuốc phải thời mà uống, tùy thế lực có mạnh nên giúp nhau mới thành, nếu số phần sức mạnh bằng nhau, thì tùy tên mà định lấy (phân, quân, thân, tá, sứ).

Căn bản Yết Ma chú thích rằng : Song bên nước Tây quốc (Ấn Độ), khi làm đường cát cũng có

để bột gạo, còn làm thạch mật thì có để sữa và dầu. Phật mở cho phi thời được ăn uống, nhưng vì ngăn thô tướng, giúp thân để hành đạo lâu dài (*thô tướng tức là nhai có tiếng vậy*).

Các châu phía Nam Hải, lấy cây mía xắt nước làm đường tán phải thời đều ăn được, chuẩn theo đạo lý cõi Đông hạ này (*Trung Hoa*), lấy mạch nha làm kẹo cục, mặc dù phi thời cũng cho ăn.

Vì sao ? Vì mía là thuốc phải thời, nước mía là thuốc phi thời. Bột gạo tuy rằng thuốc phải thời, mạch nha, đường tán cũng nào ngăn quá ngộ ! Xét rõ tuy có lý lắm, nhưng thật hành cùng không thật hành, cũng đều do tâm mình, nước nấu hột hạnh có cặn đục quyết không cho uống, mật nấu chung với củ cải và vị hoài sơn cũng thế (*cũng cấm*).

Luật Nhiếp nói : “Cái thể cây mía là thuốc phải thời, nước mía là thuốc phi thời, còn đường là thuốc 7 ngày, đốt cháy thành tro bèn làm món ăn trọn đời, còn các vật khác, sánh với đây nên biết”.

Có 6 thứ giấm :

- 1.- Đại giấm
- 2.- Giấm bắp
- 3.- Giấm thuốc
- 4.- Giấm tiểu
- 5.- Giấm lạc tương
- 6.- Giấm tán lạc tương.

Khi uống dùng giấm phải lấy một chút nước nhỏ vào làm phép tịnh, lấy lụa vải lược qua, màu nó

giống như màu tre gai (*nước mẩn vôi*) phải thời cùng phi thời, có bệnh hay không bệnh tùy ý uống dùng.

Các thứ trái cây v.v... muốn làm nước để uống, như nước phải thời thọ lấy, phải rửa tay cho sạch, bóp nát hòa với nước lóng trong cho phải thời uống; hoặc mình làm trong khi phi thời được uống. Hoặc dạy ông Sa Di làm phải thời, cùng phi thời thì dù phi thời hay phải thời đều được uống cả.

Nếu muốn làm thứ nước uống cả phi thời và phải thời, thì trong khi phải thời lo làm và thọ trước đi, đối với người làm phép mà thọ. Để qua khỏi thời đầu hôm mới được tự lấy mà uống, nếu quá thời đó thì không nên uống.

Nếu uống trong lúc phải thời, lược hay không lược tùy ý, còn uống trong lúc phi thời thì cần phải lược lóng trong, sáu thứ giám kia theo đây nên biết.

Có 5 hạng người được giữ thuốc 7 ngày :

- 1.- Người đi đường
- 2.- Người đoạn thực
- 3.- Người bệnh
- 4.- Người giữ gìn chùa.
- 5.- Người làm lụng.

Khi đi đường hoặc lấy đường thẻ để trong gạo. Nếu đường có dính gạo, thì lấy tay phủ gạo rồi ăn. Nếu để trong lỗ, phải lấy nước rửa, nếu có dính khăn, thì lấy miếng tre cạo bỏ, lấy nước rửa thêm lần nữa, rồi ăn đó không phạm.

Nếu không có thể làm cho khỏi dính, thì trước dùng nước rửa rồi lấy tay vò cho nát, để trong nước

sạch, lấy vải thưa lược, để dành qua phi thời được uống.

Song các thứ đường này, phải thời cùng phi thời, có bệnh, không bệnh ăn cũng không phạm. Nước mía và dầu mè, v.v... hoặc trong lúc phi thời thọ, ép lúc phi thời, tuy lược rồi, nhưng giữ cất chớ không được ăn. Nếu mật thì lấy nước nhỏ vào làm phép tịnh, phải thời cùng phi thời tùy ý cho ăn.

Nếu có duyên bệnh thầy thuốc cho uống, thuốc phi thường thì cũng cho uống, vì trừ các độc vậy. Nhưng phải mượn người tín tâm lấy giùm. Nếu uống thuốc mà có chất tối trong đó, thì xin đừng nằm ngọa cụ của chúng Tăng và đừng đi đến cầu đại, tiểu của chúng Tăng, không được vào trong chúng Tăng, không cho lễ Phật, nhiễu tháp, có người tục đến không cho nói pháp họ nghe, dầu thỉnh cũng không cho đi, phải ở phòng bìa dưới gió.

Sau khi uống thuốc mạnh rồi, còn đình lại 7 ngày, đợi cho hơi hôi tiêu hết, tắm giặt cho sạch sẽ, chỗ mình ở kia, phải rưới quét cho sạch. Nếu uống thuốc có chất hồ thông (*hành*) phải đình lại 3 ngày, trạch trán (*tối*) phải đình lại một ngày, có bệnh cho đeo các thứ hương thơm và thoa dầu thơm trong mình.

Không nên vào trong chúng, và vì người tục thuyết pháp v.v... Bệnh mạnh rồi phải trừ bỏ (*tối*, *dầu thơm*), tắm rửa giặt y, mới cho được như thường; nếu có người tín tâm đem dầu thơm cho nữa, cũng nên thọ, để ở đầu giường, hoặc đem thoa cánh cửa

thường hít cái hơi nó vào mũi, hay khiến con mắt sáng, bông thơm cũng như vậy.

Đã làm phép được giữ gìn thuốc uống trong 7 ngày rồi, thì phải sinh lòng nhớ rằng : “Đây là thuốc 7 ngày sẽ uống, nếu không để tâm như vậy mà uống, thì mỗi miếng mỗi phạm Ác tác”.

Nếu vì muốn cho hình dạng tốt đẹp, hoặc đảm vị ngon, hoặc cầu cho mập mập, hoặc có tâm dối trá, giả bệnh mà ăn uống các món thuốc, cũng phạm Ác tác. Lại chính khi uống, còn phải thưa với vị đồng phạm hạnh rằng : “Thưa Đại đức tôi đã uống hết một ngày còn lại 6 ngày nữa, tôi sẽ uống tiếp”, cho đến ngày thứ 7 cũng phải thưa cho biết.

Giới thứ hai mươi bảy

CẤM TRƯỚC MỘT THÁNG XIN Y TẮM MƯA

CHÍNH VĂN : Nếu Tỳ Kheo, mùa xuân còn một tháng phải tìm xin y tắm mưa. Còn nửa tháng nên tắm. Nếu Tỳ Kheo trước một tháng tìm xin y tắm mưa, trước nửa tháng mặc tắm thì phạm Ni Tát Kỳ Ba Đạt Đề.

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại vườn ông Cấp Cô Độc; bà Tỳ Xá Khư thỉnh Phật và chúng Tăng cúng dường. Khi đó trời mưa lớn, Phật cho các Tỳ Kheo tắm trong đám mưa. Bà sai đưa tớ gái đến bạch Phật, thì ngộ sắp đến, nó ở xa thấy các Tỳ Kheo lỏa hình tắm tưởng là ngoại đạo, trở về thưa với bà, bà dạy đi đến thỉnh nữa.

Phật đến nhà thọ cúng xong rồi, bà liền nguyện : Xin đức Thế Tôn cho phép con dâng cơm

cho Tỳ Kheo khách, dâng cơm cho Tỳ Kheo đi xa, dâng cơm cho Tỳ Kheo bệnh, và cúng thuốc cho Tỳ Kheo bệnh, cúng đồ ăn cho người nuôi bệnh, cúng cháo cho Tỳ Kheo, cúng y tắm mưa cho các Tỳ Kheo và Tỳ Kheo Ni. Tám lời nguyện như vậy trọn đời dâng hộ; Phật đều hứa cho.

Bấy giờ phái Lục quần nghe Phật hứa cho, rồi trong tất cả thời như là : xuân, hạ, thu, đông, lúc nào cũng xin y tắm mưa. Y tắm mưa chưa xả lại đem ra dùng vào việc khác, hoặc hiện có y tắm mưa, còn lỏa hình tắm (cố ý để xin), các Tỳ Kheo bạch Phật; Phật liền kiết giới.

Mùa xuân còn một tháng là gì ? Nghĩa là : mùa Xuân 4 tháng, đã hết 3 tháng rồi, còn lại 1 tháng tức là ngày 16 tháng 3 cho đến ngày 15 tháng 4 vậy.

Phải tìm xin y tắm mưa là sao ? Nghĩa là : Ở trong một tháng này phải tìm xin chẵn tắm vậy.

Gặp khi mưa lớn mặc vào tắm, nên gọi là y tắm mưa.

Còn nửa tháng nên mặc tắm là sao ? Tức là nửa tháng sau.

Nghĩa là : đến ngày mùng một tháng 4 mới cho thọ dùng.

Trước một tháng phải tìm xin là thế nào ?
Nghĩa là : chưa đến ngày 16 tháng 3 mà đi xin vậy. Nếu chưa đến thời xin mà có người tự đem đến cho,

thì nên làm phép thuyết tịnh rồi để đúng thời xin mới được dùng.

Trước nửa tháng mặc tắm là sao ? Nghĩa là : chưa đến ngày mồng 1 tháng 4 mà dùng vậy.

Sấm trước như thế này là để ngừa nạn gấp rút xin không kịp (vì đông người), mùa mưa sắp đến, ngày Kiết hạ an cư cận rồi, nên cho cách trước ngày Kiết hạ một tháng xin y tắm mưa để sẵn, không nên tắm trước thời này, lại không cho xin trong mùa hạ, vì lúc an cư chính phải nhiếp tâm tu tập, không nên sửa sang tìm kiếm, bỏ phế nghiệp chính. Chưa đến tháng tư thì trời chưa mưa lớn, nên không cho mặc tắm, do đây nên biết, mưa nhỏ không cho mặc tắm, cũng không cho mặc vào trong nước khác tắm vậy.

Thế thức phạm tội trong đây ra thế nào ?

Xin trước ngày 16 tháng 3, và dùng trước ngày mồng 1 tháng 4, thì phạm Xả đọa. Pháp xả, sám hối, trả lại, v.v... đồng như giới trước. Bốn chúng kia phạm tội Đột Kiết La; chỉ trừ cô Ni không có y tắm mưa nên không phạm.

Thế thức không phạm là gì ? Hoặc xả y tắm mưa rồi, để dùng về việc khác, hoặc choàng chắn tắm thường mà tắm hoặc không có y tắm mưa, hoặc tự làm y tắm mưa v.v...

Tăng Kỳ Luật nói : Y này không được để vào số ba y, cũng không được làm phép tịnh thí, không được mặc vào trong ao, sông mà tắm, và tắm khi

mưa nhỏ, cũng không nên lỏa hình mà tắm, phải mặc quần vải, hoặc mặc y cũ khác.

Không nên mặc y tắm mưa làm các công việc khác, cần phải mặc tắm trong khi mưa lớn, nếu mưa mau tạnh còn mồ hôi nhột cho mặc vào tắm nước chỗ khác.

Hoặc thời ăn muốn lấy dầu thoa mình, hoặc khi bệnh hoặc ở đường nhiều người đi, cho buộc hai đầu dây giăng che (*vì muốn yên tịnh*).

Đến ngày rằm tháng 8 phải xả, một thầy nên đối trong chúng Tăng xướng như vậy : “Thưa Đại đức Tăng lắng nghe, ngày nay chúng Tăng đã xả y tắm mưa” (*nói như vậy ba lần*).

Nếu đến ngày 16 mới xả thì phạm Diệt Tỳ Ni. Xả rồi cho may làm số ba y, cũng được đối với Tỳ Kheo trí thức làm phép tịnh thí và được vào các chỗ khác mà tắm, mặc làm các công việc không tội.

Tát Bà Đa Luận nói : Sấm y tắm mưa có hai việc :

1.- Là khi mưa lấy che bốn phía, ở trong đó tắm mưa, nếu khi trời nắng, thì cũng lấy che ở trong đó tắm gội.

2.- Là về mùa hạ mưa nhiều, thường lấy gói ba y quấy mang đem đi lại.

Nếu nhuận hai tháng 3, thì không nên tháng 3 trước tìm xin y tắm mưa. Tỳ Kheo không chứa y tắm mưa không tội.

Giải rằng : Xét trong bộ Căn bản, người tiền an cư thứ lớp như trước mà xin, nên chứa để những đến còn nửa tháng nữa tự tứ, không nên cho dùng.

Người hậu an cư thì tùy ý, hoặc tiền hoặc hậu xin sắm nhưng trước khi chưa đến ngày tự tứ (*hậu an cư*) nửa tháng, không nên dùng nữa.

Như trong Thập Tụng, hay là trong Tát Bà Đa thì người tiền an cư, người hậu an cư, đến ngày rằm tháng 7, đều không cho chứa dùng.

Nói chữ Xá lạc đó tức là : quần nhỏ vậy (*quần lông*).

BỘ TỨ PHẦN GIỚI BỐN NHƯ THÍCH (HẾT QUYỂN NĂM)

LUẬT TƯ PHẦN GIỚI BỔN NHƯ THÍCH

QUYỂN SÁU

Đời nhà Minh, đất Quảng Châu,
thầy Sa môn Thích Hoàng Tân,
hiệu Tại Tham (dịch).

Giới thứ hai mươi tám CẤM Y THÍ GẤP QUÁ THỜI

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo, ba tháng hạ còn 10 ngày nữa mới mãn; chư Tỳ Kheo được y thí gấp, Tỳ Kheo biết đó là y thí gấp nên thọ. Thọ rồi nhẫn đến nên chứa để y phải thời, nếu chứa quá, phạm Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại nước Tỳ Lan Nhã, mùa hạ An cư mãn rồi, cho chư Tỳ Kheo thọ y mùa hạ. Phái Lục quân nghe Phật cho liền trong xuân, hạ, đông, tất cả thời thường xin y, mà mùa An cư chưa mãn, cũng xin y, cũng thọ y.

Khi đó ông Bạt Nan Đà, ở một chỗ An cư mãn rồi, nghe chỗ khác An cư được cúng nhiều y, liền đi đến kia, mỗi chỗ đồng chia y, được nhiều phần y đem về, chư Tỳ Kheo bạch lên đức Phật. Phật dạy : “Không nên mỗi thời thường đi xin y và mùa An cư chưa mãn mà đi xin y, không nên An cư chỗ này mà thọ phần y chỗ khác”. Bấy giờ vua Ba Tư Nặc sai

ông Tiên Thọ, ông Túc Cự hai vị Đại thần đi chinh phạt kẻ phản tặc. Đại thần tự nghĩ rằng : Minh đi chinh phạt đây không biết có về được chăng ? Minh phải sắm cơm và y để cúng dường cho chúng Tăng trước.

Chư Tỳ Kheo vì An cư chưa mãn, không dám thọ y, đem việc này bạch lên đức Phật. Phật dạy : “Cho thọ y cúng gấp”. Do đây mà Phật vì chư Tỳ Kheo kiết giới.

Ba tháng hạ còn 10 ngày nữa mới mãn là sao ? Nghĩa là : Ba tháng tiền An cư chưa mãn, còn 10 ngày nữa mới đến thời Tự tứ, tức là ngày mồng 6 tháng 7 cho đến ngày 15 tháng 7 vậy.

Y thí gấp là chi ? Thọ thì được, không thọ thì mất.

Nghĩa là : Hai quan Đại thần vì có nạn duyên gấp, đem y thí cho chúng Tăng, để cầu ruộng phước, như sắp đi ra trận, hoặc vì bệnh nặng, hoặc vợ gần ngày sinh, các thời thí như vậy, nếu quá thời này, không còn thí nữa, nên gọi là : Y thí gấp.

Biết đó là y thí gấp là gì ? Rõ chẳng phải y khác vậy, vì tất cả y khác thì cần phải An cư mãn rồi mới được thọ, dù có đàn việt dâng cúng, phải bạch nhị Yết Ma cử một ông vì chúng Tăng chấp chuông, y đến ngày An cư mãn rồi mới đem ra chia.

Tát Bà Đa Luận nói : “Trừ y thí gấp, ngoài ra tất cả y An cư ắt phải đợi một thời Tự tứ mới chia, nếu trong khi An cư mà chia, thì phạm Đột Kiết La”.

Nên thọ là sao ? Nghĩa là : Thời nên thọ y, nếu mình không thọ, thì người kia mất lợi công đức, Tỳ Kheo cũng mất cái lợi thọ y, thế nên cho thọ vậy.

Thọ rồi là gì ? Nghĩa là : Thọ được y vào tay vậy.

Nhẫn đến chứa y phải thời là sao ? Chứa : là đem cất vậy.

Nghĩa là : Ngày Tự tứ rồi, không thọ y Ca Hi Na một tháng, thì thọ y Ca Hi Na 5 tháng, đó là y phải thời. Ở trong vòng hai thời này, được chứa y dư mà không phạm giới, nên nói cho chứa y vậy.

Bà Sa Luật nói : “Sở dĩ một tháng gọi là y phải thời vì An cư rồi, người đàn việt hay sắm đồ ăn uống và y phục cúng dường cho chúng Tăng và giúp đỡ các món cho chư Tỳ Kheo giặt nhuộm y phục (như bồn chậu và màu nhuộm v.v...) vì nhân duyên đó mà trong một tháng, đem của cải xả thí, nên gọi là y phải thời”.

Nếu chứa quá là sao ? Nghĩa là : Quá một tháng hay quá 5 tháng, nếu không thọ y công đức, thì đến rằm tháng 8 y này phải xả, hoặc làm phép tịnh thí, hoặc có thiếu ba y, đem làm phép thọ trì cho đủ, không vậy thì ngày 16, mặt trời mọc phạm Xả đạo. Nếu có y công đức, đến rằm tháng chạp, y này phải làm phép xả như trước v.v... Không như vậy đến ngày 16 tháng chạp, mặt trời mọc phạm Xả đạo.

Thế thức phạm tội trong đây sai khác như thế nào ? Nếu trước khi Tự tứ 10 ngày được y thí gấp, cho chứa đến y phải thời, nếu còn 9 ngày nữa,

được cái y thí gấp, cho chứa đến y phải thời, lại thêm một ngày nữa, như vậy cho đến còn một ngày nữa, được y thí gấp, chứa đến y phải thời lại thêm 9 ngày nữa, như thế được trước sau đủ 10 ngày, chứa không phạm. Nếu quá 10 ngày thì phạm. Qua sau còn tăng thêm nhiều chứa nhẫn đến một ngày cũng phạm. Pháp xả, pháp sám hối, pháp trả y, đồng giải như trước. Cô Ni đồng phạm, ba chúng sau phạm Ác tác.

Thế thức không phạm là sao ? Hoặc bị cướp y, mất y, cháy y, trôi y và quá trước 10 ngày (*được y trước ngày mùng 6 tháng 7*) không phạm. Hoặc tưởng bị cướp y, mất y v.v... hoặc bị giặc, bị thú dữ, bị nước lụt, bị nạn nguy, nạn vua, mạng nạn, phạm hạnh nạn, hoặc ông lãnh gửi chết, hoặc ông đi xa, ông thôi tu v.v... như vậy quá sau ngày rằm tháng 8, không xả cũng không phạm.

Căn Bản Luật nói : Có năm món y thí gấp :

- 1.- Vì bệnh mà thí
- 2.- Vì người khác bệnh mà thí
- 3.- Khi sắp chết mà thí
- 4.- Vì vong hồn người chết mà thí
- 5.- Khi sắp đi xa mà thí.

Tát Bà Đa Luận nói : “Hoặc Vua, Thái tử, Hoàng hậu, quan đại thần, trước sắp đi đánh giặc, đem các món cúng cho chúng Tăng, vì mấy người ấy ít hay phát tâm, hoặc con gái sắp về nhà chồng, hoặc người bệnh thí, khiến kẻ còn người mất đều có lợi ích, hoặc có những nạn duyên gấp nên gọi là y thí gấp”.

Nhân đây giảng rõ công việc đáng làm trong ba tháng hạ. Nghĩa là : Thầy Tỳ Kheo không nên mỗi giờ đi dạo trong nhân gian hoài, bỏ phế đạo nghiệp, mà đập chết các loài sinh mạng, không có khi nào nghỉ ngừng. Chưa khỏi miệng thế gian chê cười, nên phải Kiết hạ An cư trong ba tháng, không việc chi, nên Kiết hạ tiền An cư ở ba tháng trước.

Nghĩa là : Bắt đầu từ ngày 16 tháng 4 đến ngày rằm tháng 7.

Có việc cho kiết hạ An cư, ở ba tháng sau tức là : bắt đầu từ ngày 16 tháng 5 đến ngày rằm tháng 8.

Khi muốn An cư, mình phải trú tĩnh, hoặc ở trong Tăng già lam, hoặc ở A Lan Nhã; hoặc ở dưới gốc cây, hay là hang trên núi v.v... chỗ nào đừng có nạn khủng bố, độc trùng, các nạn tiếng kêu ồn ào, có thể ở yên đến An cư rồi hay không ?

Có Đại đức nào mình y chỉ được không ?
Trong mùa hạ phải nương với vị Luật sư tụng lâu hai bộ Luật (Tăng và Ni).

Chỗ này nếu không có ông Luật sư, mà có ông Pháp sư, ông Luận sư hay không ?

Hay thương xót thường dạy bảo cho ta và khiến cho ta khỏi sinh tâm lêu lổng hay không?

Lại cũng đừng ở chỗ có điều nghi mà không ai để hỏi ! Rủi có chỗ phạm lỗi, muốn được trừ dứt không có ai sám hối ! Trong chúng không có kẻ ưa gây phá Tăng hay không ?...

Chỗ đó không khởi nhân duyên phạm giới, bị phạm hạnh và mạng nạn làm trở ngại hay không ?...

Trù lượng như vậy được hợp pháp rồi, mới bạch với vị mình nương rằng : Thưa Đại đức một lòng chiếu cố. Tôi Tỳ Kheo... nay nương trong Tăng già lam (nếu ở làng phải nói làng chi, nếu ở phòng riêng, phải nói ở phòng chi) Kiết hạ An cư ba tháng trước, phòng nhà có hư, được sửa sang lại (nói ba lần).

Nếu hậu An cư, nên cải nói ba tháng sau (xét trong bộ khác nói ba lần rồi), ông cho y chỉ trả lời rằng : “Từ nay sắp tới đừng buông lung”. Đáp : “Xin vâng”.

Xét trong bản Yết Ma, lại phải hỏi rằng : Ông nương với vị trì Luật nào ?... Đáp : “Chúng tôi nương với vị trì Luật...”

Ông bị nương nói : Có nghi nên hỏi ?... Đáp : “Dạ”.

Mùa hạ An cư phải nương vị Luật sư tụng được hai bộ Luật Tỳ Ni, không nương với ông đó, thì phạm tội đọa.

Còn lời nói phòng nhà hư cho sửa sang đó, là riêng chỗ ở của chúng Tăng, nếu ở nhà người đàn việt, ở hang trong núi, ở dưới gốc cây, nên tùy theo việc mà nói. Còn pháp An cư bốn chúng, văn đều đồng như trước, chỉ đổi câu xưng tên là khác.

Nếu không có ông y chỉ nào đáng bạch, thì phải tâm niệm An cư, chuẩn theo như văn trước, chỉ

trừ câu ban đầu là “Đại đức nhất tâm niệm” (lời đối với ông kia)

Đây là lời nói của ông bị để y chỉ.

Nghĩa là : Chỗ ở đó, không có Tỳ Kheo nào đáng để ta y chỉ để đối với ông làm phép y chỉ, chớ không phải nói : Ta theo ông Giáo sư dạy học kia, hoặc ở chỗ đó không có ông để y chỉ, thì mình nương với ông thọ học đó (giáo sư), hoặc chỗ đó chật hẹp và ồn ào quá. Như gần chợ, trường hát, thì trong Ngũ Phần Luật nói : Nên ở chỗ 7 ngày đặng đi qua lại, tâm tưởng ở xa y chỉ.

Khi đó có thầy Tỳ Kheo đi đến chỗ không có vị Đại đức nào để xin y chỉ và quên không làm phép tâm niệm y chỉ, không biết có thành An cư không ?

Phật bảo : Nếu vì An cư quyết đến, thì thành An cư.

Bấy giờ chư Tỳ Kheo đi đến chỗ An cư, được An cư, vào trong giới, thì mặt trời vừa mọc, không biết có thành An cư không ?..

Phật bảo : “Nếu vì An cư quyết đến, thì thành An cư, kể đó vào vườn cũng vậy. Lại một chân bước vào giới, một chân vào vườn cũng như thế (hễ quyết An cư thì thành)”.

Đây cứ theo hai khoản trước sau, hai cái 16 ngày đêm mà nói, xét trong luật cũng cho An cư chặng giữa, nếu là chặng giữa thì trước từ ngày 17 tháng 4, sau ngày rằm tháng 5, tùy ngày nào kiết được thì kiết.

Luật Nhiếp nói : Đã đến ngày rằm, ông dạy việc kia (*thầy Tri sự*) dạy quét lau phòng nhà cho sạch sẽ rồi, trong khi nhóm chúng phải cáo bạch rằng : “Ngày mai các Đại đức, phải làm lễ An cư”. Những công việc trong hạ các ngài ai cũng đều để tâm lo lắng sắp đặt. Đến ngày 16 thầy Tri sự phải xem coi số chúng Tăng nhiều ít, được sắm thẻ bao nhiêu, lấy nước thơm rửa, dầu thơm thoa, để trong cái mâm sạch, hoa tươi sắp lên trên, lấy vật sạch phủ lên, đánh kiền chùy nhóm Đại chúng, mâm thẻ để trước vị Thượng Tọa, kế đó phải tuyên cáo : Những bản cấm trong hạ v.v...

Bảo thầy Tri chúng, đi giáp thưa rằng : “Các Đại đức nếu đồng tâm ưa muốn, thì nên An cư như vậy : Các vị Tỳ Kheo không nên ở trong hạ cật tội lẫn nhau, cũng không nên ra điều luật phi pháp, làm cho các Tỳ Kheo ở không yên vui, nếu ai trái điều kiện này, thì phạm tội Diệt Tỳ Ni”.

Ông đi phát thẻ, bưng mâm thẻ đi trước, ông thâu thẻ bưng mâm không đi sau. Kinh đức Thích Ca một thẻ, đó kể cả Đại chúng đều dừng dậy khỏi chỗ tòa, ngồi chồm hổm vưng vàng, lãnh lấy thẻ rồi, hai tay dâng thẻ để trên mâm không, nếu có ông Sa Di thì Thân Giáo sư (*tức Hòa Thượng*) của ông, hoặc quý phạm sư (*tức thầy giáo thọ của ông*), nên lấy thẻ thế, sau rồi tặng vị Thiên thân Hộ pháp một thẻ (*vị thần giữ Già lam*).

Đã đi phát xong hết rồi, bây giờ kiểm điểm số thẻ lại để tuyên bố cho đại chúng biết rằng : Nay ở chỗ này, hiện những vị lãnh thẻ đó, Tỳ Kheo có bao

nhieu... Sa Di có bao nhiêu... thí chủ tên chi?... người lo việc tên gì?... ở xóm làng chi? là chỗ đi khất thực v.v...

Khi đó các thầy Tỳ Kheo đều nên quan sát coi chỗ nào đi khất thực, sau khi quan sát xong, phải tự nghĩ rằng: "Ta ở chỗ này, làm phép An cư được, không đến đổi sinh khổ, dầu có sinh cũng khỏi được, nếu có bệnh hoạn có người trông nom hầu hạ cấp cho ta thuốc thang và các món cần dùng, thầy đều đầy đủ".

Suy nghĩ như vậy rồi, nên tới chỗ khuất, đối một thầy Tỳ Kheo, sửa đủ oai nghi tề chỉnh, ngồi chồm hổm chấp tay nói ba lần như trên để thọ phép An cư.

Nếu An cư rồi có khách Tỳ Kheo đến, không nên đổi phòng ông đó, ông đó cũng không nên đi. Nếu có chỗ nào muốn An cư, phải đi đến trước, xem coi phòng xá, ngọ cụ, vậy sau mới lãnh phòng.

Trước khi An cư phải bạch nhị Yết Ma, cử một ông chia phòng và chia ngọ cụ, cử xong phải đếm số Tỳ Kheo, số phòng, số ngọ cụ, đếm số rồi đến trước vị Thượng Tọa nói như vậy: "Thưa Đại đức, phòng xá và ngọ cụ như vậy, tùy ý Đại đức muốn cái nào thì lãnh".

Giao cho vị Thượng Tọa rồi, kế đó giao cho vị Thượng Tọa thứ hai, như vậy lần lượt cho đến vị hạ tọa (ông chót) nếu còn dư, chia lại cũng bắt đầu từ vị Thượng Tọa lần lượt đến vị chót, chia cho đến ba lượt, còn dư mới cho làm chỗ ở cho khách Tỳ Kheo.

Nếu có Tỳ Kheo giỏi (*thông ba tạng*) đến nên giao cho, không nên chia chỗ chúng Tăng nhóm, hoặc nhà tắm, nhà để kiết hạ (*tức nhà Thiên*) và nhà để đi kinh hành (*vì những chỗ này là chỗ công cộng*) dù được phòng xá nhỏ hư cũng phải thọ, rồi tùy sức sẽ sửa sang lại.

Nếu muốn An cư trong hang vắng vẻ, phải trước đến làm dấu, hoặc biên pháp danh tôi là... muốn An cư chỗ này. Khi mãn ra đi phải bôi bỏ dấu vết, tên họ và pháp danh...

Nếu phòng xá có chật hẹp, không dung chứa nhiều được, cho chứa cái chõng vừa vừa, những đến chỗ chia nhau ngồi được, không nên dời giường nệm, tọa cụ, định để ở phòng này đem lại phòng khác (*khi An cư không cho dời đơn*). Nếu phòng đầy dư nhiều, cho hỏi ông cựu trụ, hoặc hỏi ông chủ chùa được dời, khi đi phải trả chỗ cũ.

Không nên ở giữa đất trống hay là trên cây mà An cư, cho ở dưới gốc cây, nhẵn đến cây cao quá đầu, nhánh lá sum sê, che ngồi một chỗ, cùng trong nhà nhỏ, hang trong núi, trong bóng cây đứng khỏi đụng đầu, ngồi được lọt đầu gối, chỗ che đủ cho nước mưa đừng chảy vào thì An cư được.

Nên nương với người chăn trâu, người đốn gỗ hay là nương ở trên thuyền mà An cư trong mùa hạ, nếu mấy người đó có dời đi, ta tùy chỗ của họ đi mà đi, nếu trong xóm đông, trong hạ xóm đó chia làm hai phần, tùy theo chỗ nào họ cung cấp các vật cần dùng cho đủ, chỗ đó họ dời đi thì nên đi theo.

Minh Liễu Luận nói : Ở chỗ không có 5 lỗi, được ở trong đó mà An cư”;

1.- Chỗ rất xa làng xóm, xin những vật cần dùng khó được.

2.- Rất gần thành thị, ngăn việc tu hành.

3.- Chỗ kiến và muỗi rất nhiều, mình và chúng sinh hai bên đều có hại.

4.- Không có vị đủ 5 đức để mình nương

Năm đức là :

a) Chỗ mình chưa nghe, ông dạy cho mình nghe.

b) Chỗ mình nghe rồi, ông làm được thêm thanh tịnh.

c) Hay giải quyết những chỗ nghi cho mình.

d) Thông suốt không còn che ngăn.

e) Chính kiến.

5.- Không có thí chủ cung cấp thuốc thang cơm cháo.

Phàm người An cư trong hạ không nên ra ngoài giới một đêm.

Nếu có người đàn việt thỉnh đi xa, không thể về liền ngày đó được, cho thọ phép đi 7 ngày. Không nên chuyên về sự ăn uống mà đi, trừ các nhân duyên, hoặc vì 6 món, nhân đến đi tìm thuốc thang, đến ngày thứ 7 phải về.

Hoặc 5 chúng thỉnh để sám hối tội, ba chúng sau thỉnh để thọ giới, hoặc Vua, quan Đại thần, ông Cận sự, cha mẹ, các bà con và những anh em quen

biết v.v... mời thỉnh, hoặc đi thăm bệnh, hoặc mình đi cầu người đồng tụng, cho đến vì việc Tam Bảo đều cho phép thọ 7 ngày đi rồi về, phải thọ như vậy : Sửa đủ oai nghi, đối với một thầy Tỳ Kheo thưa rằng : Thưa Trưởng lão một lòng chiếu cố ! Tôi Tỳ Kheo... nay vì việc... xin phép ra ngoài giới 7 ngày, rồi trở về trong đây An cư, bạch cho Trưởng lão được hay (nói ba lần). Hoặc đi việc đó không đến 7 ngày, thì phải tùy theo mấy ngày mà nói.

Thập Tụng Luật nói : “Thọ phép 7 ngày, không có Tỳ Kheo, cho theo 4 chúng kia mà thọ, không được tâm niệm mà thọ trừ 5 hạng người :

Nghĩa là : người ở chỗ A Lan Nhã, người ở một mình, người đi xa, người bệnh lâu và người năm mất mùa khát thực khó được ở nhà cùng bà con. Năm hạng người này có tâm niệm An cư, khi đói khát ở gần bà con.

Không nhân duyên được Phật hứa cho, thì không được phép ra ngoài giới ngủ hẳn đến một đêm, cho năm chúng An cư có việc Phật sự cần thiết được phép cho đi ban ngày, hoặc đi ra đường, việc rồi phải trở về trong giới, vì không phép ở cách đêm.

Nếu chỗ ở xa, 7 ngày về không kịp cho thọ phép quá 7 ngày, hoặc nửa tháng, một tháng, bạch nhị Yết Ma, nên bạch như vậy : Thưa Đại đức Tăng lóng nghe, nếu đến giờ chúng Tăng nhóm, chúng Tăng bằng lòng cho Tỳ Kheo... thọ phép quá 7 ngày (hoặc nửa tháng, một tháng) ra ngoài giới vì việc...

phải đi, trở về trong đây An cư. Bạch như vậy tác bạch thành không ? – Đồng đáp : “Thành”.

Thưa Đại đức Tăng lóng nghe : Tỳ Kheo... thọ phép quá 7 ngày (*hoặc nửa tháng, một tháng*) ra ngoài giới vì việc... phải đi, trở về trong đây An cư. Các vị Trưởng lão ai bằng lòng cho chúng Tăng cho Tỳ Kheo... thọ phép quá 7 ngày (*hoặc nửa tháng, một tháng*) ra ngoài giới vì việc... phải đi, trở về trong đây An cư, thì lắng lắng, vị nào không bằng lòng thì nói. Yết Ma thành không ? – Đồng đáp : “Thành”.

Tăng đã bằng lòng, Tỳ Kheo... thọ phép quá 7 ngày (*hoặc nửa tháng, một tháng*) ra ngoài giới vì việc... phải đi, trở về trong đây An cư rồi, vì Tăng đã bằng lòng nên lắng lắng, thì việc này rõ như vậy.

(*Phải biết như trước, ba cách thọ pháp đi ban ngày, đều không cho ở luôn đêm không đồng với Luật khác*).

Hoặc thọ phép 7 ngày đi ra ngoài giới, bị người cầm ở lại, hoặc bị đường sá ngăn trở và các nạn sự, trong tâm muốn về, mà về không kịp ngày đó, không gọi là mất tuổi.

Nếu chỗ An cư nạn phạm hạnh, mạng nạn, hoặc vì ý riêng của mình mà thành phá Tăng, hoặc vì ngăn việc phá Tăng, hoặc vì hòa hiệp với chúng Tăng kia, hoặc đồ ăn uống không được vừa ý (*thiếu phần lợi dưỡng nên phải dời hạ*), thuốc thang cho người tịnh nhân, có những việc như vậy nên đi. Hoặc ở chỗ tiền An cư nghe chỗ khác được lợi dưỡng nhiều, bèn đi đến chỗ kia, Tỳ Kheo này không được

tuổi trước (*tiền An cư*) vì trái phép cũ (*phép hứa hẹn trước*) mắc tội. Hoặc không việc chi mà đi, hoặc thọ phép 7 ngày, mà đi quá 7 ngày, ông đó phá tiền an cư, vì trái phép cũ mắc tội.

Về kíp trong 7 ngày, thành tiền An cư, không trái phép cũ (*phép hứa hẹn trước*) khỏi tội thọ 7 ngày sau rớt (*còn 7 ngày nữa mãn An cư*) ra ngoài giới, về cùng không về, cũng thành tiền An cư khỏi tội, hậu An cư cũng như vậy.

Nếu ở chỗ này An cư, nghe chúng Tăng ở chỗ khác An cư, được của cải rất nhiều, rồi qua chỗ đó ở, tức là mất chỗ này, dù đến chỗ ở đó, giây lâu rồi trở về cũng mất chỗ đó.

Nếu thọ người thỉnh An cư chỗ đó, thấy có mạng nạn, phạm hạnh nạn, phải đi đến thưa với người đàn việt, xin dời đi, người đàn việt nghe theo thì tốt, không nghe thì cũng cứ đi.

Khi đó các thầy Tỳ Kheo Kiết hạ An cư, tự ra điều luật cấm không được nói với nhau, không cho lễ bái với nhau, không cho hỏi han với nhau. Phật quả : Các ông ở chung nhau, mà giống in kẻ oan gia, cũng như con dê câm. Ta đã dùng vô số phương tiện dạy các Tỳ Kheo kia đây dạy bảo lẫn nhau, thọ lãnh lời dạy cùng nhau, thức tỉnh cho nhau, không nên đồng thọ pháp cấm như vậy, giống như ngoại đạo, nếu còn làm theo phép cấm như vậy nữa phạm Đột Kiết La.

Tăng Kỳ Luật nói : “Nếu đi đường chưa tới chỗ ở, mà đã đến ngày An cư phải ở bên đường, hoặc

nương dưới gốc cây, hoặc ở trên xe, phải thọ phép An cư”. Đến mặt trời vừa mọc hừng sáng, đi đến chỗ ở, đợi tới ngày hậu An cư, đối với một thầy Tỳ Kheo, quỳ gối chấp tay ba lần nói : “Tôi thọ phép hậu An cư”.

Nếu đang đi giữa đường, mà tới ngày tiền An cư, không thọ phép tiền An cư, phạm tội Diệt Tỳ Ni. Đến chỗ ở mà vừa đúng ngày hậu An cư, mà không thọ phép hậu An cư, mắc hai tội Diệt Tỳ Ni. Người đó phá An cư không được phân y cúng.

Nếu mùa xuân, đông, giao phòng xá rồi, có vị Thượng Tọa đến tùy theo thứ lớp mà ở. Còn khi An cư giao phòng xá rồi, vị Thượng Tọa đến, không nên theo thứ lớp mà ở, nếu đuổi ông ở trước thì phạm tội. Không cho chẳng nói chuyện với nhau, muốn phương tiện ít việc không nói chuyện (*cấm khẩu*) được nửa tháng, đến ngày Bố tát phải nói với nhau và hỏi han công chuyện, đáp công việc, chú nguyện, qua ngày Bố tát rồi, không nói lại như trước (*trịnh khẩu*).

Tỳ Kheo An cư mãn rồi nên làm phép Tự tứ.

Nói Tự tứ là gì ? Nghĩa là : Ở trong 3 tháng hoặc có phạm lỗi mà không hay biết nay đây mặc dù chúng Tăng ở trong ba tội, thấy, nghe, nghi, cứ việc chỉ lỗi giùm được như pháp sám hối cho hết tội vậy, cũng nói là chữ (*tùy ý*) tức là ở trong ba việc tùy ý chúng Tăng, tự do chỉ tội để ta sám trừ tội ấy vậy.

Nếu ở chỗ có 5 thầy Tỳ Kheo, hoặc trên 5 thầy, phải cử một ông bạch Tự tứ, vị Thượng Tọa phải trước thời tiểu thực, hay là thời ngộ thực tuyên

bố rằng : “Thưa Đại đức Tăng lóng nghe : Nay chúng Tăng đến tháng... ngày... giờ... nhóm tại... để Tỳ tứ”.

Cho ở trong nhà tụng giới đó mà Tỳ tứ, nên ngày : 14, 15, 16 mà làm lễ Tỳ tứ. Bạch nhị Yết Ma mà cử một ông truyền Tỳ tứ. Ông đó phải đủ 5 đức :

1. - Không ái
2. - Không sân
3. - Không sợ
4. - Không si
5. - Biết người nào đã Tỳ tứ, người nào chưa Tỳ tứ.

Hòa hợp Tăng rồi, phải hỏi rằng : Tỳ Kheo... có thể vì chúng Tăng làm người truyền Tỳ tứ được không ?

Đáp rằng : “Thưa được”.

Văn tác bạch cử người truyền Tỳ tứ như vậy : “Thưa Đại đức Tăng lóng nghe, nếu đến giờ chúng Tăng nhóm, xin chúng Tăng bằng lòng cho, chúng Tăng cử Tỳ Kheo... làm ông truyền Tỳ tứ”. Bạch như vậy tác bạch thành không ? – Đồng đáp : “Thành”.

Thưa Đại đức Tăng lóng nghe, chúng Tăng cử Tỳ Kheo... làm ông truyền Tỳ tứ. Các vị Trưởng lão nào bằng lòng chúng Tăng cử Tỳ Kheo... làm ông truyền Tỳ tứ thì lắng lặng. Còn vị nào không bằng lòng thì nói. Yết Ma thành không ? – Đồng đáp : “Thành”.

Chúng Tăng đã bằng lòng cử Tỳ Kheo... làm ông truyền Tỳ tứ rồi, và chúng Tăng đã bằng lòng nên lắng lặng, thì việc này rõ như vậy.

Bộ khác cho cử đến hai, ba ông, không được quá.

Nếu vị Thượng Tọa hay là người đủ 5 đức, thì phải trước bạch rồi, sau mới Tự tứ, làm phép bạch như vậy : Thưa Đại đức Tăng lóng nghe, ngày nay chúng Tăng làm lễ Tự tứ, nếu đến giờ chúng Tăng nhóm, chúng Tăng bằng lòng cho, chúng Tăng hòa hiệp Tự tứ. Bạch như vậy tác bạch thành không ? – Đồng đáp : “Thành”.

Bạch rồi ông đủ 5 đức đến trước vị Thượng Tọa, thừ lợp mỗi mỗi Tự tứ. Vị Thượng Tọa và ông ngũ đức, trích vai áo bên hữu, cởi giày đồng quỳ xuống chấp tay, đối với vị ngũ đức nói như vậy : Thưa Đại đức, chúng Tăng ngày nay Tự tứ, tôi Tỳ Kheo... cũng xin Tự tứ, nếu tôi có tội thấy, nghe, nghi, cúi xin Đại đức Trưởng lão thương xót chỉ giùm tôi, nếu tôi thấy tội, sẽ đứng như pháp mà sám hối (nói ba lần)

Tự tứ rồi ngồi sắp hàng hai, ông 5 đức cũng nói như vậy (3 lần), nếu có ông già bệnh, tùy để cho ông ngồi yên tại chỗ của ông mà Tự tứ, nếu khi ông nói lầm lộn thì phải mỗi mỗi dạy ông.

Bá Nhất Yết Ma nói : “Cho ông nói không được (ông nói thuộc lòng không được) sẽ được phép biên ra trong miếng giấy mà đọc”.

Thập Tụng Luật nói : “Nếu ông hành Tự tứ là Thượng Tọa, phải trích vai áo cúi đầu thưa với vị Thượng Tọa thừ hai rằng : “Thưa Trưởng lão, nay đến ngày Tự tứ”. Khi đó vị Thượng Tọa thừ hai phải

đứng dậy trích vai phía bên hữu quỳ xuống, hai tay rời chân vị Thượng Tọa nói ba lần mà Tự tứ”.

Nếu ông hạ tọa là người hành Tự tứ cho ông, phải trích vai áo bên hữu, quỳ gối chấp tay nói như vậy : Thưa Thượng Tọa, nay đến ngày Tự tứ. Vị Thượng Tọa cũng phải trích vai áo bên hữu, quỳ gối chấp tay nói 3 lần Tự tứ, thứ lớp như vậy đến hết. Chúng Tăng và mình làm phép Tự tứ rồi, phải đến trước vị Thượng Tọa xưng rằng : “Thưa Đại đức, chúng Tăng đã nhất tâm làm lễ Tự tứ rồi”, bèn lễ như thường mà lui ra.

Tăng Kỳ Luật nói : “Ông làm phép Tự tứ, đến chỗ tòa của ông cũng phải thọ Tự tứ, ông được Tự tứ của chúng Tăng rồi, vậy sau mới Tự tứ cho mình”.

Trong Căn bản và Thập Tụng nói : “Cho chúng Tăng Tự tứ rồi, ông vì chúng Tăng làm lễ Tự tứ, làm lễ Tự tứ lẫn nhau”.

Luật Nhiếp nói : Chúng nếu ít, thì nên cử một ông làm người chịu thọ Tự tứ của chúng Tăng. Trong chúng Tăng đông người, thì phải cử đôi ba ông, như cử hai ông, thì một ông bắt từ Thượng Tọa thọ Tự tứ, còn một ông từ phân nửa sắp về sau chia làm hai công việc để làm Tự tứ cho mau rồi. Nếu cử ba ông, thì phải phân nhau làm ba tốp (*đứng ba chỗ*) theo thứ lớp làm Tự tứ.

Tỳ Kheo Tự tứ nếu chỉ có một ông, thì phải đối với người mình đã làm Tự tứ cho họ, mà cậy họ làm Tự tứ lại cho mình, nếu như hai ba ông cũng tự tiện lẫn nhau mà làm phép Tự tứ.

Nếu có “tám nạn” và duyên khác xảy ra làm Tự tứ không kịp đầy đủ, thì làm được phần nào... rồi lo đi lánh nạn... như nghi thức tụng giới, cho Tự tứ lược, nếu nạn sự còn xa, có thể nói đủ phải nói cho đủ. Nếu nạn sự tới gần, nói ba lần không kịp, phải nói một lần, nếu không làm y như vậy, phải y pháp mà trị.

Nếu nạn sự cận quá, không thể nói kịp một lần, các Tỳ Kheo phải tác bạch, đồng nói chung với nhau ba lần mà Tự tứ.

Bạch như vậy : Thừa Đại đức Tăng lắng nghe, nếu đến giờ chúng Tăng nhóm, chúng Tăng bằng lòng cho, chúng Tăng nay cử hai người đối với nhau, ba lần mà Tự tứ. Bạch như vậy tác bạch thành không ? - Đồng đáp : “Thành”.

Tác bạch như vậy rồi, cử hai vị đối với nhau nói 3 lần mà Tự tứ.

Nghĩa là : mỗi cặp, mỗi cặp đối với nhau mà nói.

Nói hai lần hoặc một lần cũng như vậy, nếu nạn sự gần quá, mỗi cặp nói với nhau ba lần cũng không kịp, thì phải bỏ việc này mà đi lánh nạn.

Nếu có bốn ông không thể làm phép tác bạch để cử ông truyền Tự tứ, thì bốn ông ấy phải nhóm lại đối với nhau cũng làm Tự tứ.

Lời bạch như vậy : Thừa ba Đại đức nhớ tưởng, ngày nay chúng Tăng làm lễ Tự tứ, tôi Tỳ Kheo... xin Tự tứ và thanh tịnh (nói ba lần).

Nếu có ba ông, hoặc hai ông cũng làm phép bạch như trên, chỉ đổi câu đầu, số người đối thú là khác, không được riêng chúng, và phạm tội mà Tự tử. Vì có tội nên phép Tự tử không thành, phải sám hối rồi sau mới Tự tử.

Bốn ông không được thọ ông thứ năm thuyết dục.

Nghĩa là : Số chúng năm ông, thì không được một ông nào được phép thuyết dục, phải đủ mặt để Tự tử lẫn nhau cho đến một ông cũng vậy, không được phép thọ ông thứ hai thuyết dục, phải tâm niệm Tự tử.

Nếu có một ông, thì phải tâm tưởng miệng nói : Ngày nay chúng Tăng Tự tử, tôi Tỳ Kheo... cũng Tự tử và thanh tịnh (*nói ba lần*).

Một thầy Tỳ Kheo ở riêng, đến ngày Tự tử, phải đến nhà tụng giới, quét rười, dọn dẹp, sắp đặt các việc đúng phép tắc như trong nghi tụng giới, đợi các Tỳ Kheo đến cùng nhau làm lễ Tự tử, không có vị nào đến, thì một mình nói ba lần mà Tự tử.

Cho ông hậu An cư theo ông tiền An cư làm lễ Tự tử, Tự tử xong phải ở đợi cho đủ ngày, tức là ngày rằm tháng 8, nếu chia các món ngọa cụ v.v... của người cúng trong hạ, cũng cho ông thọ, không nên chưa đủ ba tháng bèn kể số tuổi hạ.

Nếu ở chỗ tiền An cư hay là hậu An cư, người ở lộn xộn, nên theo chỗ của Thượng Tọa mà Tự tử. Hoặc vị Thượng Tọa tiền hay hậu An cư, nên theo

ông cựa trụ mà Tự tứ, ông cựa trụ cũng tiền, hậu, phải theo bên nhiều mà Tự tứ.

Nếu đi giữa đường được hòa hiệp mà Tự tứ thì tốt, nếu hòa hiệp không được, thì theo thầy bạn đồng sự dời chỗ khác, bạch nhị Yết Ma kiết tiểu giới làm lễ Tự tứ, khi đi phải giải giới mà đi.

Nếu có ông phạm tội tứ khí, phải trục xuất rồi mới Tự tứ, nếu phạm tội Tăng tàng, phải làm phép Yết Ma, cho phép Phú tàng, hoặc cho phép ý hỉ, hoặc cho phép xuất tội, tùy xử cho xong rồi, vậy sau mới Tự tứ.

Nếu phạm các thiên khác, phải sám hối rồi mới Tự tứ.

Nếu ngày nay Tự tứ, ắt sẽ có việc gây kinh, hoặc có thể phá Tăng v.v... không nên Tự tứ liền ngày đó, phải đình lại một chút (*lúc*) rồi Tự tứ, cho ngăn Tự tứ, không nên cầu cho. Tự tứ tức là : cho.

Nếu ông ngăn Tự tứ kia là người ba nghiệp không thanh tịnh vì vô trí không hiểu biết rành rẽ, không biết hỏi, cũng không biết đáp, các Tỷ Kheo khác phải dạy bảo ông rằng : Thôi đi, không nên khởi việc đấu tranh đó, không nhận lời của ông đâu. Nói như vậy rồi Tự tứ.

Nếu ông kia ba nghiệp thanh tịnh v.v... phải hỏi rằng : Vì việc gì mà ngăn ? Vì thấy người phá giới ? Vì thấy người phá chính kiến ? Vì thấy người phá oai nghi ? Hay là vì thấy người việc gì ? Nghe việc gì ? Nghi việc gì ?...

Nếu không thể đáp đủ, tùy theo ông cử tội vô căn (*ngăn cản Tỳ tứ không có duyên cớ*) mà kết tội, nếu ông có thể đáp đủ, thì tùy mấy ông kia phạm tội gì mà trị tội, vậy sau chúng Tăng mới Tỳ tứ. Nếu có Tỳ Kheo bệnh, ngăn Tỳ Kheo có bệnh kia cùng Tỳ Kheo không bệnh ngăn lẫn nhau, phải nói rằng : Phật dạy như vậy, phải đợi cho ông hết bệnh, nên đúng như pháp mà thôi, Tỳ Kheo kia cũng phải đúng như pháp mà nói (*nói tội : thấy, ngăn, nghĩ*) làm như vậy rồi sau mới Tỳ tứ.

Nếu có rất đông Tỳ Kheo An cư tinh tấn được chứng quả Tăng thượng, sợ Tỳ tứ ngày nay, thì không được vui như vậy, vì thế nên làm phép đơn bạch, tăng thêm ngày Tỳ tứ, đến đủ 4 tháng sẽ Tỳ tứ. Hoặc có Tỳ Kheo ở chỗ khác, gây kinh không hòa hiệp muốn đến đây mà Tỳ tứ, chúng ở đây hoặc định ngày rằm Tỳ tứ, bảy giờ sục lại một ngày là ngày 14 hoặc định Tỳ tứ ngày 14, sục lại một ngày là ngày 13.

Nếu nghe tin ngày họ đến, liền nhóm chúng Tăng mau mau Tỳ tứ. Nếu nghe họ đến trong giới rồi, thì chúng Tăng liền ra ngoài giới (*kiết tiểu giới*) mà Tỳ tứ, nếu nghe họ đã vào trong chùa rồi, nên đưa các món như là : nước tắm, chậu giặt rồi mời họ tắm, còn mình trốn ra ngoài giới mà Tỳ tứ.

Nếu các ông khách Tỳ Kheo ấy, kêu ta Tỳ tứ, ta liền trả lời rằng : “Chúng tôi Tỳ tứ rồi”. Nếu các ông cựu Tỳ Kheo Tỳ tứ rồi, ông khách Tỳ Kheo không được ngăn, khi ông khách Tỳ tứ, thì ông cựu Tỳ Kheo được ngăn. Phương tiện như vậy ngăn được

thì tốt, không được phải làm phép bạch, tăng lên (*thêm*) ngày Tự tứ.

Bạch rằng : Thưa Đại đức Tăng lóng nghe, nếu đến giờ chúng Tăng nhóm, chúng Tăng bằng lòng cho bữa nay không Tự tứ, để đến ngày 30 sẽ Tự tứ. Bạch như vậy tác bạch thành không ? – Đồng đáp : “Thành”.

Nếu ông khách ở đến ngày 30, phải làm phép bạch lên ngày Tự tứ lần thứ hai, nếu ông khách ở đến ngày rằm tháng sau mà cũng không đi, thì bấy giờ phải đúng pháp, đúng luật cương hòa hiệp mà Tự tứ. Nếu Tỳ Kheo khách, Tỳ Kheo cựu nhiều, ít hay bằng v.v... thì công việc sánh đồng như trong nghi tụng giới, phải biết. Không nên ở trước Tỳ Kheo Ni và người chưa thọ đại giới, làm phép Yết Ma mà Tự tứ, không nên Tự tứ rồi, lại tụng giới nữa. Bởi vì Tự tứ, tức là tụng giới.

Nếu Tỳ Kheo Ni An cư mãn rồi phải bạch nhị Yết Ma, cử một cô Tỳ Kheo Ni, vì chúng Ni qua bên Tỳ Kheo Tăng, thưa được Tự tứ. Cô kia đi đến chúng Tăng, đánh lễ chúng Tăng rồi quỳ, cúi đầu, chấp tay thưa rằng : “Thưa Đại đức, chúng Tỳ Kheo Ni kiết hạ An cư rồi, bên Tỳ Kheo Tăng cũng kiết hạ An cư xong rồi, chúng Tỳ Kheo Ni sai tôi qua thưa với Đại đức Tăng thương xót mấy cô mà chỉ giùm ba tội : thấy, nghe và nghi, được Tự tứ, nếu mấy cô thấy tội sẽ đúng như pháp mà sám hối (*nói ba lần*). Thưa ba lần rồi vị Thượng Tọa trả lời như vậy : “Đại đức Tăng không thấy bên Tỳ Kheo Ni có tội : thấy, nghe và nghi nào đáng cử”.

Rồi tiếp dạy các cô Tỳ Kheo Ni rằng : Mấy cô cứ y như pháp mà Tự tử và xuất gia phải dè dặt chớ có buông lung.

Cô bị sai phải đánh lễ chúng Tăng Tỳ Kheo Tăng rồi về, hoặc bên Tăng, bên Ni hai chúng mỗi bên đều không đủ 5 người, đến ngày Tự tử, các cô Tỳ Kheo Ni phải đến chỗ Tỳ Kheo Tăng lễ bái hỏi han rồi về. Còn Sa Di phải đối với Tỳ Kheo mà Tự tử, Sa Di Ni, Thức Xoa Ma Na phải đối với Tỳ Kheo Ni mà Tự tử.

Tăng Kỳ Luật nói : “Nếu trong chúng An cư, có một người tiền An cư, thì đến ngày rằm tháng 7, cả chúng phải đồng ý với ông đó, mà thọ lễ Tự tử, Tự tử rồi phải ở đến ngày rằm tháng 8”.

Nếu tất cả chúng kết hậu An cư, thì tất cả chúng phải đợi tới ngày rằm tháng 8 mà Tự tử. nếu chúng đông đến một vạn, hai vạn, phải nhóm lại một chỗ, cho đến mặt trời chưa ló mọc, ở trong đó Tự tử cho rồi. Nếu chúng nhiều đến 6 vạn, 8 vạn, sợ trễ phải bớt ra ngoài giới mà Tự tử.

Căn Bản bộ nói : “An cư gần mãn còn 7, 8 ngày nữa Tự tử, phải ở gần làng xóm dân một tám bố cáo, cho xa gần đều hay biết, hoặc già, hoặc trẻ, năm chúng xuất gia, hay là các nhà thí chủ, trong việc cúng dường, cùng nhau phải toan lo sắm sửa”.

Các thầy Tỳ Kheo trẻ tuổi, lo quét rười sửa sang trong chùa, ngoài tháp, đến ngày 14 bảo mấy ông trì kinh, tụng kinh suốt đêm, gần sáng làm lễ Tự tử cho xong, chớ để đến mặt trời mọc.

Bạch nhị Yết Ma cử một vị đủ 5 đức rồi, vị đủ 5 đức ấy phải đi chia tranh tươi cho chúng Tăng trải ngồi rồi, mới làm phép đơn bạch, khi đó mỗi vị để ý lãnh một nắm tranh ngược xuôi sắp ngang treo trái, dờ thân trước tới hai chân đều đập trên tranh, tay nắm một chút tranh rải ra trước, nói ba lần mà Tự tứ.

Ngũ Phần Luật nói : “Dạy lót cỏ dưới đất làm chỗ ngồi Tự tứ xong rồi, năm chúng xuất gia và bá tính mỗi người đều đem kéo, vạch, chỉ, kim và khăn, lụa v.v... cúng cho chúng Tăng hiện tiền giải hạ”.

Ngày nay sở dĩ dăng kéo kim dây, là ý cầu cho trí tuệ sáng suốt. Bấy giờ vị ngũ đức, phải cầm kéo, vạch, kim, chỉ, hoặc cầm các món cần dùng của hàng Sa môn v.v... đứng trước vị Thượng Tọa thừa như vậy : “Thưa Đại đức, các vật này có thể nên để cúng dường lúc làm lễ Tự tứ, cho các vị An cư hay không ? Hoặc ở chỗ này, được các vật lợi ở chỗ khác đem đến, chúng Tăng nhóm hòa hiệp nên chia không ?... Trong chúng đồng đáp một lượt : “Nên chia”.

Nếu làm không đúng theo đây, Tỳ Kheo được cử và đại chúng đồng phạm tội Diệt pháp.

Nội Pháp truyện nói : Nếu đêm 14 cần phải thỉnh vị Kinh sư, lên tòa tụng kinh. Bấy giờ kẻ Tăng người tục đồng vân tập, nhang đèn thấp sáng luôn, đem hương hoa cúng dường. Sáng mai đồng đi ra nhiều thành, ai ai cũng đều để tâm cung kính, hành lễ các tháp, để tượng Phật trên xe, đánh trống thổi nhạc vang trời, tràng phan bảo cái phát phơi mặt đất, sắp đến giờ Tự mới trở về chùa, giờ Ngọ mới thọ trai, qua giờ Ngọ đều nhóm chúng làm lễ Tự tứ.

Tỳ Kheo đứng trước, kế Tỳ Kheo Ni, kế Thức Xoa Ma Na, kế Sa Di, Sa Di Ni, Tỳ tứ xong rồi, tùy ai muốn đi Đông đi Tây thì đi, tức là việc kiết hạ đã xong rồi vậy, không nhọc gì ở lại một đêm nữa mới đủ.

Có chỗ dịch rằng : Pháp Tỳ tứ này là y trong bộ Luật Thiết Nhất Thế Hữu bộ, ngài Nam Sơn giải : trong bộ này thì không cho ra ngoài giới mà Tỳ tứ. Do vì phá hạ và lìa y, hơn nữa vì phần đêm chưa mãn vậy, phải mãn đêm rằm mới đủ, đến ngày 16 trời vừa sáng, mới gọi là kiết hạ mãn.

Hỏi rằng : Vì sao mà kiết hạ chỉ có ba tháng ?

Đáp : 1.- Thân sinh sống tạm này, phải nhờ món nuôi dưỡng nó, cho nên kiết hạ 3 tháng trước, mở thêm một tháng sau, vì đợi sấm y phục đỡ thân vậy.

2.- Nếu kiết hạ 4 tháng trọn thì phải kiết ngày 16 tháng 4 mới thành, nếu có lộn quên thì không thành kiết, giáo pháp quá gắt, khó dùng thường được, cho nên đức Như Lai thuận theo người, mới bắt đầu từ ngày 16 tháng 4, đến sau ngày 16 tháng 5 mở thêm một tháng mới kiết được thành.

Chịch Hoa Sao nói : Trong các Kinh, Luật lấy ngày 16 tháng 7 là tuổi sinh ra năm phần pháp thân của thầy Tỳ Kheo, thì ngày rằm tháng 7 là ngày lạp trừ (*mãn năm, tuổi hạ*). Thầy Tỳ Kheo là người xuất gia thoát tục, nên không kể theo tuổi đời, mà lấy theo số hạ lạp vậy.

**Giới thứ hai mươi chín
TRONG THÁNG CA ĐỀ
KHÔNG CHO LIA Y QUÁ SÁU ĐÊM**

CHÍNH VĂN : Nếu Tỳ Kheo kiết hạ 3 tháng rồi, một tháng Ca đề sau cũng mãn, ở chỗ vắng có việc nghi sợ sệt. Tỳ Kheo ở chỗ như vậy, trong ba y, muốn để lại một y, gửi trong nhà người. Các Tỳ Kheo có nhân duyên lia y mà ngủ, nhẫn đến 6 đêm, nếu quá phạm Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề.

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại vườn ông Cấp Cô Độc, chư Tỳ Kheo An cư rồi, một tháng Ca Đề sau, ở chỗ vắng vẻ có nhiều giặc cướp. Phật cho phép ở chỗ như vậy, để lại một cái y, gửi trong nhà người; khi ấy phái Lục quần liền đem y gửi trong tịnh xá và dặn Tỳ Kheo quen giữ gìn rồi đi. Các Tỳ Kheo bạch lên đức Phật. Phật vì đó mà kiết giới.

Kiết hạ ba tháng rồi là sao ? Nghĩa là : ngày rằm tháng 7 là ngày mãn hạ.

Một tháng Ca Đề sau là chi ? Chữ Ca Đề, Trung Hoa dịch là "Mão tinh", tức là tháng này nhằm tháng sao mao; chính là ngày 16 tháng 7, đến ngày rằm tháng 8 là một tháng sau trong 4 tháng hạ vậy.

Mãn là chi ? Nghĩa là : Ông hậu An cư, phải ở chờ cho mãn một tháng Ca đề, dầu theo ông tiền An cư Tự tứ, ông hậu An cư cũng phải ở cho hết một tháng này mới đủ 90 ngày. Nếu có việc nghi sợ, cho lia y ngủ đến 6 đêm, chờ không phải một tháng Ca đề mãn rồi, mà được lia y ngủ đây. Nếu không phải vậy thì trái với văn trong 4 bộ Luật kia.

Vì mấy bộ kia đều nói : Tháng sau chưa mãn, song, một tháng này, là thời ở bên nước Ấn Độ nhiều giặc cướp nổi lên, cũng chẳng phải nói ông tiên An cư, vì ông tiên An cư không thọ y công đức đi nữa, cũng được một tháng lia y mà ngủ.

Ở chỗ vắng vẻ là sao ? Nghĩa là : chỗ đó cách làng 5 dặm, ít người đi đến.

Các việc nghi nạn là thế nào ? Nghĩa là : Nghi trong đây có giặc cướp, sắp đến lấy cướp đồ đạc và y phục.

Sợ sệt là chi ? Nghĩa là : chỗ này thường có giặc đến cướp giết, mà sợ mất y và đồ đạc vậy.

Chỗ là gì ? Tức là : chùa, am, ở chỗ vắng vẻ vậy.

Ở là sao ? Nghĩa là : trong đó Kiết hạ hậu An cư.

Tỳ Kheo ở chỗ như vậy là chỗ nào ? Nghĩa là : tại chỗ ở đó có việc nghi sợ.

Ba y là gì ? Tức là : Y Tăng Già Lê, y Uất Đa La Tăng và y An Đà Hội.

Muốn để lại một cái y là sao ? Nghĩa là : trong ba y tùy để lại một cái.

Gửi trong nhà người là gì ? Là để gửi y, trong nhà thế tục trong làng.

Có nhân duyên là sao ? Là có duyên sự như việc Tam Bảo v.v...

Lia y mà ngủ là thế nào ? Là lia cái y của mình đã gửi.

Nhân đến 6 đêm là gì ? Nghĩa là : Có nhân duyên như trước, cho lia y mà ngủ lâu lắm là 6 đêm thôi.

Nếu quá là sao ? Nghĩa là : quá thời hạn 6 đêm thì mắc tội vậy.

Thế thức phạm tội trong đây ra thế nào ?
Lia y 6 đêm rồi, nhằm đêm thứ 7 mặt trời chưa mọc không xả y, tay không rời dụng y và không đến chỗ quăng đá. Khi mặt trời mọc phạm Xả đọa, trừ ba y ra, lia các y khác, phạm Đột Kiết La.

Phép xả, sám hối, trả lại (*trả y*) v.v... đồng như trước, bốn chúng kia phạm Đột Kiết La. Trừ cô Ni không được phép ở chỗ vắng vẻ.

Thế thức không phạm là sao ? Là tưởng bị cướp y, mất y, trôi y, cháy y v.v... Hoặc đường sá ghe đi không thông, gặp các nạn ngăn trở v.v...

Tỳ Ni Tỳ Bà Sa nói : “Từ ngày 16 tháng 7, thứ lớp 6 đêm cho Tỳ Kheo An cư ở chỗ vắng vẻ được lia y mà ngủ”. Phật sở dĩ cho đó, là vì nước ngoài, giặc cướp có lúc trong một tháng này, là mùa giặc hay sinh ra, vì thế nên cho gửi vậy.

Thiện Kiến nói : “Nếu ở chỗ vắng vẻ, có chúng Tăng đông, phòng xá chắc kín, không cần phải gửi y trong tụ lạc”. Gửi y rồi đến đêm thứ 6 phải qua thăm coi, thấy y rồi trở về chỗ cũ (*tức là chỗ vắng vẻ*).

Tăng Kỳ Luật nói : Không cho gửi Đại y và y ngủ, được gửi y thất điều thôi”.

Ngũ Phần Luật nói : “Tùy theo y nào nhiều lớp gửi một cái, không được gửi “y ngủ” vì y ngủ thường mặc trong thân, không được gửi hai cái, vì khi lễ bái, nhập chúng, đi khất thực, không nên đắp một cái y vậy”.

Giới thứ ba mươi
KHÔNG NÊN VẬT CÚNG CHO TĂNG
LẠI ĐEM VỀ CHO MÌNH

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo, biết vật đó của chúng Tăng, tự xin đem về cho mình, phạm Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại vườn ông Cấp Cô Độc, có một Cư sĩ thường đem cúng thí cho chúng Tăng, ông muốn dâng cơm cho Phật và chúng Tăng và cúng y tốt luôn nữa; khi đó ông Bạt Nan Đà nói rằng : “Những người dâng y cho chúng Tăng nhiều lắm rồi, ông nay đem đồ ăn này cúng cho chúng Tăng, còn y đó để lại cúng cho tôi”.

Ông Cư sĩ nghe lời, ngày mai thỉnh chúng Tăng đến nhà, thấy các Tỳ Kheo oai nghi cụ túc, phát la lớn rằng : “Tôi tính sắm y tề chỉnh như vậy để cúng dường cho chúng Tăng, mà sao lại làm cho trở ngại như thế”. Các Tỳ Kheo nghe vậy, hỏi ra mới biết cơ, liền đem việc này bạch lên đức Thế Tôn. Phật vì đó kết giới.

Biết là sao ? Là hoặc tự mình biết, hay là nhờ người khác nói mà biết, không phải chẳng biết vậy.

Chúng Tăng là ai ? Tức là chúng đệ tử của Phật vậy.

Vật đó là gì ? Nghĩa là : sáu món hộ thân của Tỳ Kheo, những đến chén uống nước.

Vật của chúng Tăng là chi ? Là tín thí họ vì chúng Tăng sắm, đã đem dâng cho chúng Tăng rồi, hoặc đã hứa sẽ đem dâng cho chúng Tăng.

Tự xin đem về chi mình là sao ? Nghĩa là : biết vật đó thuộc về của chúng Tăng, mà khôn khéo quanh đem về cho mình vậy.

Thế thức phạm tội trong đây ra thế nào ? Nếu Tỳ Kheo, biết thật vật của chúng Tăng, tự bảo cúng lại cho mình, thì phạm Xả đạo; nếu lấy vật của chúng Tăng đem về cho tháp, hay vật của tháp đem về cho chúng Tăng, hoặc vật của bốn phương Tăng, hoặc vật của hiện tiền Tăng, hoặc vật của Tỳ Kheo Tăng, hoặc vật của Tỳ Kheo Ni Tăng; vật ở chùa này đem cho chùa kia, vật của chùa kia đem cho chùa này, như vậy đem cho lẫn lộn nhau, thì phạm Đột Kiết La, bởi vì không nhập về cho mình, nên phạm tội nhẹ.

Nếu đã hứa và cũng biết là đã hứa mà còn bảo, đem về cho mình, phạm Xả đạo; đã hứa mà còn nghi, phạm Ác tác, nếu chưa hứa tưởng là đã hứa và nghi, đều phạm Ác tác. Phép xả, phép sám hối, phép trả vật đồng như giới trước; Tỳ Kheo Ni đồng phạm, ba chúng sau phạm Ác tác.

Thế thức không phạm là sao ? Hoặc mình không biết, hoặc đã hứa rồi, tưởng là không hứa, hoặc hứa cho ít, mình khuyên cho nhiều, hoặc hứa cho ít người, mình khuyên cho nhiều người; muốn

cho vật xấu mình khuyên cho vật tốt; hoặc cười giỡn nói; hoặc là nói lầm, nói một mình, nói trong giấc chiêm bao, muốn nói cái này, lầm nói cái khác.

Tăng Kỳ Luật nói : “Nếu có người đến muốn bố thí, hỏi thầy Tỳ Kheo rằng : Nên cho chỗ nào”.

Đáp rằng : “Tùy ông kinh chỗ nào thì cho chỗ đó”.

Hỏi : Cúng chỗ nào được phước báo nhiều ?

Đáp : Cúng cho chúng Tăng được phước báo nhiều.

Hỏi : Vị Tăng nào giữ giới thanh tịnh có công đức ?

Đáp : Chúng Tăng không có vị nào phạm giới và không thanh tịnh.

Nếu người đem vật đến, cúng cho một Tỳ Kheo, Tỳ Kheo phải bảo rằng : “Cúng cho chúng Tăng, thì được nhiều phước báo”.

Nếu họ nói : “Tôi đã thường cúng cho chúng Tăng rồi, nay chính tôi muốn cúng cho Tôn giả, thì bấy giờ ta mới thọ, không tội. Nếu biết vật đó họ đem cúng cho chúng Tăng, mà lập thế khiến trở cúng riêng về cho mình, thì phạm Xả đạo. Vật này chúng Tăng không nên trả lại, chúng Tăng để dùng, nếu bảo đem cúng cho ông khác, phạm Ba Dật Đề.

Xét trong bộ Nhất Thiết Hữu : Vật của chúng Tăng khác, bảo đem cúng cho mình cũng phạm Xả đạo, hoặc vật của họ đem cúng cho ông khác, mình bảo cúng về cho ông khác nữa, hay là bảo cúng cho

chúng Tăng, hoặc họ đem vật cho chúng Tăng, mình bảo đem cho ông khác, hoặc đem cho chúng Tăng khác, khi đem phạm Ác tác; khi ai được của này thì mình cũng phạm Ác tác, ông khác tức là một thầy, hai thầy, ba thầy Tỳ Kheo vậy.

Tát Bà Đa Luận nói : “Nếu vật của tháp này, đem cho tháp kia, không cần lấy lại, vì phước đồng vậy, nhưng phải sám hối tội Đột Kiết La”.

Nếu đem vật của chùa này về chùa khác, không nên lấy lại vì chùa với chùa vẫn đồng vậy, nhưng phải sám hối tội Đột Kiết La. Nếu đem vật của chúng Tăng Tự tử ở đây, cho chúng Tăng khác, phải lấy lại, vì vật Tự tử thuộc về riêng khác, sám hối tội Đột Kiết La.

Nếu không trả lại, tính số tiền mà kết tội, của hiện tiền Tăng cũng như vậy; nếu đem vật của người này cho người khác, phải lấy lại trả cho chủ, sám hối tội Đột Kiết La. Nếu không trả tính số tiền mà kết tội.

Căn Bản Luận nói : “Đem vật của chùa này cho chùa kia, đem vật phòng này cho phòng kia, đem vật làng này cho làng kia, đem vật căn nhà này cho căn nhà kia, đem vật ở giữa căn nhà cho người ngoài cửa, đem vật ở ngoài cửa cho người trên gác, nhân đến vật của phòng, làng, nhà, cửa, gác dời cho lẫn nhau đều phạm Ác tác” (tức là thí chủ muốn cúng chỗ này, mình bảo cúng chỗ kia không được).

Hoặc đem vật của tượng này cho tượng khác, hoặc đem vật của tháp này cho tháp khác, hoặc

đem vật ở dưới nền tháp, cột đứng, đường đi, từng cấp, đồ úp bát, đài vuông, vành tròn, cho đến cái bình báu, đem đổi lẫn nhau, đều phạm Ác tác. Nếu vua cậy thế lực bảo đổi cho nhau thì không tội.

Nếu đem vật của người nghèo này cho người nghèo khác, hoặc đem vật của loài bàng sinh này cho loài bàng sinh kia, hoặc đem vật của bàng sinh cho người, đem vật của người cho loài bàng sinh, đem vật của người xuất gia cho người thế tục, hoặc trái lại đều phạm Ác tác. Hoặc mình không tìm mà được, không phạm. Như thế kể nam người nữ, huynh môn và vật của tử chúng đem cho lẫn nhau, lệ theo trên nên biết.

Nhân đây nói rõ về phép cúng dường và điều kiện chia vật. Phép cúng dường chia vật thuộc về đầu : Nếu có người muốn tự làm phòng để cúng cho một ông, hoặc cúng cho nhiều ông, hoặc cúng cho chúng Tăng, rồi đem lại cúng cho ông khác, hoặc cúng cho nhiều ông hoặc cúng cho chúng Tăng khác, hoặc cúng cho ông đồng phái, hoặc cúng cho ông phái khác, đều gọi là cúng phi pháp, thọ phi pháp, ở phi pháp.

Hoặc có người tự muốn làm phòng, cúng cho một người, hoặc cúng cho nhiều người, hoặc cúng cho chúng Tăng, hoặc cúng cho hai bộ Tăng, đó là cúng đúng pháp, thọ đúng pháp và ở đúng pháp.

Hoặc ở trong đất của Tăng làm phòng riêng, có vị Thượng Tọa đến phải nhường lại, nếu không nhường lại, thì phải trả đất lại cho Tăng chớ không có lý do nào đem đất của Tăng dành riêng về mình.

phạm vật của bốn phương Tăng, thì không nên chia, không nên nhập về của mình, không được mua bán, không phải chúng Tăng được mua bán, không phải đông người bán, hẳn đến một người bán được. Nếu người nào đem nhập về mình, hoặc chia, hoặc mua bán v.v... đều không thành, phạm Thâu Lan Giá.

Những gì là vật của bốn phương Tăng ? Hoặc chùa, hoặc vật trong chùa, phòng nhà, hoặc vật trong phòng nhà như là : mái, thạp, nồi, chảo, búa, đục, đài để đèn và các món trọng vật, giường dây, giường cây, nệm lớn, nệm nhỏ, ngọc cụ các vật, cây cối, tre, cỏ đều không cho chia. Cho chia bông trái, hoặc bông cúng Phật, hoặc chúng Tăng hiện tiền, được y vật nên chia, phải đếm coi số người nhiều ít, vật tốt xấu xen với nhau, bảo người mù quăng thẻ mà chia.

Nếu có khách Tỳ Kheo đến, trước khi chưa quăng thẻ, thì được dự phần chia, nếu đến sau khi quăng thẻ, thì không được dự phần chia; khi chia y, có khách thường đến, nên bạch nhị Yết Ma, cử một người đi chia, cử rồi lại bạch nhị Yết Ma giao đồ vật cho người ấy, bảo chia cho chúng Tăng (*phép cử và phép giao y v.v... chép đủ trong Đại Luật và trong bản Yết Ma*).

Hoặc chỉ có 4 người, không cần cử và giao, phải ngay ở nơi đó, bạch nhị Yết Ma rồi chia, làm phép rồi, xét coi số người nhiều ít chia cho đồng. Nếu chúng Tăng hòa hiệp, nên cho Sa Di đồng phần, không hòa hiệp (*không bằng lòng*) nên cho phân nửa; chúng Tăng nếu không bằng lòng, nên

cho một phần ba. Nếu chúng Tăng quyết không cho, thì không nên chia (*cho*). Tịnh nhân giúp làm việc chùa, chia cho một phần tư, nếu chúng Tăng không cho thì không nên chia. Nếu có ba thầy, thì phải kia đây đồng nói ba lần rồi chia, thưa nói như vậy : “Thưa nhị Đại đức nhờ nghĩ, ở chỗ đây có y phải thời, hoặc y phi thời, chúng Tăng có mặt tại đây nên chia, chỗ này không đủ số Tăng, đây là phần của tôi” (*nói ba lần*).

Hoặc có hai ông cũng nói như vậy, hoặc một ông phải tâm niệm theo như trước đối với ông kia (*vì có một ông không biết nói với ai*). Hoặc ở chỗ đó có thầy Tỳ Kheo, tưởng có Tỳ Kheo và nghi, lại muốn riêng chúng mà chia, thì không thành chia, phạm Ác tác, hoặc có Tỳ Kheo, tưởng là không Tỳ Kheo, không thành chia, nhưng không phạm; không Tỳ Kheo tưởng có Tỳ Kheo và nghi, đều thành chia, phạm Ác tác. Không Tỳ Kheo, tưởng không Tỳ Kheo, thành chia không phạm, thọ y thành hay là không thành, phạm hay là không phạm cũng như thế.

Nếu Tăng Ni hai bộ, được y và vật đáng chia (*thí dụ : thí chủ trai Tăng hai bộ Tăng Ni*) thì phải chia làm hai phần; nếu không Tỳ Kheo Ni, những đến chỉ có Sa Di Ni, cũng phải chia làm hai phần, nếu không Sa Di Ni, thì Tỳ Kheo Tăng được chia với nhau. Nếu chỗ đó có Ni mà không Tỳ Kheo, chỉ có Sa Di, thì cũng được chia làm hai phần; nếu không Sa Di, thì chúng Tỳ Kheo Ni được chia với nhau.

Ney Tỳ Kheo tịch rồi, của cải trong chùa như là : ruộng, vườn, trái cây, phòng riêng, vật của

phòng riêng, bình bằng đồng, bồn chậu chảo bằng đồng, đài để đèn, các vật quý, giường, nệm, gối v.v... cùng người tịnh nhân giúp việc chùa, xe kiệu, chậu tắm, tích trượng, quạt, các món vật liệu, của đó đều thuộc về bốn phương Tăng, không được chia. Những y, bát, ngọa cụ, ống kim, dây đưng y, đồ chứa, chúng Tăng hiện tiền được chia.

Nếu người nuôi bệnh, đem y và đồ đạc của người tịch (*chết*) đến trong chúng Tăng, chúng Tăng phải bạch nhị Yết Ma, thưởng cho người nuôi bệnh đó. Nếu ba y rất nhiều, nên lấy một cái của người tịch thường dùng mà cho.

Chúng Tăng phải xem xét người nuôi bệnh ấy, nếu thiệt siêng năng bậc nhất, thì cho ba y bậc thượng, nếu người nuôi bệnh đó bậc trung, thì cho ba y bậc trung, nếu người đó bậc hạ thì cho ba y bậc hạ.

Nếu người tịch có thiếu nợ, thì cho đem y dư mà trả, hoặc không có y dư thì bán ba y chính mà trả cho chủ nợ, còn dư lại thì cho người nuôi bệnh.

Người nuôi bệnh phải hỏi người bệnh, cái nào là ba y thọ trì, cái nào là y dư? Ông thiếu nợ ai? Ai thiếu nợ ông? Ông muốn cho ai? Nếu không hỏi, đúng như pháp mà trị.

Người nuôi bệnh phải chăng là người đủ năm phép :

1.- Biết người bệnh : vật nào đáng ăn, vật nào phải cử. Vật đáng ăn thì cho ăn.

2.- Người bệnh có đi đại tiểu tiện và ói mửa không nhồm gớm.

3.- Có lòng thương xót, không vì sự cơm áo.

4.- Hay sẵn sóc thuốc thang cho đến ngày hết bệnh hoặc là tịch mới thôi.

5.- Hay vì người bệnh nói pháp cho nghe, khiến cho người bệnh vui vẻ, thân tâm họ đối với pháp lành được thêm ích.

Có đủ năm pháp như vậy, lúc ấy tùy trong 6 món y vật của ông bệnh, nên lấy món nào, thưởng cho người nuôi bệnh. Nếu không có món nào thì thôi, cũng được đem vật khác mà thế, nếu người bệnh giờ sắp lâm chung nói : Tôi có các vật này, tôi cho Phật, cho Pháp, cho chúng Tăng, hoặc cho tháp, hoặc cho người... Nếu tôi tịch thì tôi cho, bằng tôi còn sống trả lại cho tôi.

Phật dạy : “Không nên cho như vậy, phải để cho chúng Tăng hiện tiền chia”. Nếu có Tỳ Kheo ở trong làng mạng chúng, mà đời ông không nương chỗ nào nhất định. Trong làng đó có Ưu bà tắc tin ưa Phật pháp, hoặc là người giữ vườn cho chùa, phải biên giữ, đợi người trong năm chúng xuất gia đến, đem giao các vật ấy. Nếu không có người nào đến, thì đem cho chùa ở gần đó.

Vật của vong, chúng Tăng hiện tiền nên chia, không nên để quá ngày An cư. Phép chia vật của vong, cũng như phép chia y trước. Nếu chúng Tăng hoặc ba ông, nhân đến vật thuộc một ông, nên biết.

Hoặc Tỳ Kheo ở chỗ này kiết hạ, lại đi ở chỗ khác, nên chia vật An cư ở chỗ nhiều ngày, nếu ở hai chỗ đồng nhau, cho mỗi chỗ lấy phân nửa. Không nên ở chỗ này An cư lãnh phần y rồi, lại đi chỗ khác lãnh phần y chia nữa.

Nếu Tỳ Kheo An cư rồi mà chưa chia y bèn bỏ đi, thì phải dặn người lãnh phần y giùm, chúng Tăng phải cho. Nếu không dặn hoặc dặn lơ là, hoặc ông lãnh lời dặn quên đi, đều không phải lỗi của chúng Tăng vậy.

Hoặc một thầy Tỳ Kheo ở chỗ kiết hạ An cư, được nhiều y và vật, Tỳ Kheo kia tâm nên tưởng rằng : “Đây là vật của tôi”, hoặc làm phép thọ, hoặc không làm phép thọ, lại có Tỳ Kheo khác đến không nên chia.

Nếu chúng Tăng được y vật nhiều, sau chúng Tăng tách ra làm hai phe, thì vật đó phải chia làm hai phần, nếu chia chưa được mà chúng Tăng tách rồi, nên hỏi ông đàn việt, tùy theo ông đàn việt nói, sẽ y theo đó mà chia, hoặc ông đàn việt kia nói không biết, hoặc nói đồng cho, thì bấy giờ phải chia làm hai phần.

Nếu chúng Tăng được y đáng chia, có Tỳ Kheo ở bộ này, đi qua ở bộ chúng kia thì không nên chia cho. Có Tỳ Kheo đi qua bộ chúng kia, nhưng qua chưa tới, bèn tịch giữa đường, thì y bát của ông phải cho bộ chúng kia (*tức là bộ chúng ông muốn qua mà đi chưa tới đó*). Hoặc Tỳ Kheo bị cử tội rồi tịch, y bát của ông đem cho chúng Tăng đồng làm phép Yết Ma cử tội cho ông.

Nếu chúng Tăng tách ra làm hai bộ, ông đàn việt thỉnh nhóm lại một chỗ cúng dường cơm nước, y và chỉ, nên tùy theo đàn việt cúng cho.

Nếu chúng Tăng kiệt hạ An cư, được y rồi chúng Tăng tách ra làm hai bộ, thì phải đếm số người bên nào nhiều, bên nào ít mà chia; nếu chưa được y cúng mùa hạ, chúng Tăng tách ra làm hai phần thì cũng phải đếm số người mà chia, hoặc được y cúng mùa hạ, hoặc chưa được y và của cúng mùa hạ, mà đi qua bộ khác, cũng phải cho.

Phàm cúng có 8 cách :

- 1.- Cúng cho Tỳ Kheo Tăng
- 2.- Cúng cho Tỳ Kheo Ni
- 3.- Cúng cho hai bộ Tăng.
- 4.- Cúng cho bốn phương Tăng.
- 5.- Cúng cho chúng Tăng ở trong giới.
- 6.- Cúng cho chúng Tăng đồng làm phép Yết Ma.
- 7.- Cúng xưng tên tuổi cho người nào.
- 8.- Cúng cho một ông.

Đều phải tùy người đàn việt nói mà chia.

Nếu Tỳ Kheo không thương, không giận, không sợ, không si, và biết món nào đã chia, món nào chưa chia. Chúng Tăng nên cử một vị chia cháo, chia đồ ăn thời sớm mai, chia năm món ăn thời ngọ, cử một vị thỉnh chúng Tăng, trái ngọ cụ, chia ngọ cụ, chia y tắm, chia y, nên lãnh nên cho; cử một thầy Tỳ Kheo và một ông Sa Di, tất cả cũng như vậy.

Có năm phép đó vì chúng Tăng chia vật, được phước sinh lên cõi trời, mau như tên bắn. Trái năm phép trên, vì chúng Tăng chia vật, phạm tội đọa vào địa ngục cũng mau như tên bắn (vì chia vật bất minh).

Trong đây phép chia vật thuộc chỗ nào : hoặc chúng Tăng bốn phương, hoặc chúng Tăng hiện tiền, hoặc đông người hay là một người, hoặc phải thời hay là phi thời, sự nó rất tỉ mỉ, trong đây khó thuật cho hết, không nên lững lơ, phải xét rõ trong Đại Luật và trong bản Yết Ma, thì việc làm mới đúng.

Tăng Kỳ Luật nói : “Ông Sa Di tịch, vật với ông thuộc về Hòa Thượng của ông”.

Ngũ Phần Luật nói : “Ông Sa Di tịch chúng Tăng hiện tiền nên chia”.

Luật Nhiếp nói : “Nếu thầy Tỳ Kheo tịch, các đồ ăn uống, nhấn đến một lá cây, còn y vật lợi dưỡng kia, nhấn đến một chút vải làm tim đèn, đều phải chia đồng”. Nếu y thật tốt quý giá, không nên cắt nát, phải bán lấy tiền mà chia. Nếu có Tỳ Kheo đến kịp trong 5 thời này nên chia :

- 1.- Thời đánh kiền chùy
- 2.- Thời tụng kiến vô thường.
- 3.- Thời lễ tháp.
- 4.- Thời phát thẻ.
- 5.- Thời tác bạch.

Hoặc chúng nhóm không hòa, hoặc không có ông làm phép, nếu làm phép cho ông trước và ông sau.

Nghĩa là : lấy một chút ít của cải, hoặc một vài tiền v.v... của người vong, hiến cho ông Thượng Tọa thứ nhất, đến ông hạ tọa chót hết, còn lại mỗi mỗi đi cho, dùng để ghi chắc, vậy sau chúng Tăng hiện tiền đồng chia như thường, lại không cần làm phép.

Nếu làm phép trước, sau rồi có ông khác đến, thì không nên chia. Nếu bốn thời trước có mặt, thời sau bỏ đi (*vắng mặt*) cũng không nên chia. Nếu tác bạch rồi các vị được hòa hợp ở trong giới, đều được thọ phần lợi dưỡng.

Nếu không tác bạch không làm phép trước, sau thì sẽ như thế nào ? Hễ là Thanh Văn đệ tử của Phật, có bao nhiêu hiện tại trong Nam thiệm bộ châu hoặc ở chỗ khác cũng đều có phần.

Vật sở hữu như là : ruộng, nhà, phố xá, ngựa cù, khám, nệm, đồ bằng đồng, bằng sắt, tre, cây, cùng ngựa cù bằng da, khăn cạo tóc, tội tử, cơm nước, lúa bắp, mè v.v... nhập vào kho bốn phương Tăng.

Hoặc chén bát lớn nhỏ, kim, dùi, lưỡi hái, câu liêm (*cô liêm*), hỏa lư (*lư đốt trầm*) cùng các túi, bình tẩy tịnh, chai đựng dầu, tất cả y chần, không luận ba y chính, hay là y tắm mưa, hoặc nhuộm rồi hay là chưa nhuộm, các thứ như về giày, guốc, đũa, trắng, màu vàng và màu xanh, chúng Tăng hiện tiền nên chia.

Còn những thứ màu sắc tốt, bạc thượng phải nhập vào điện Phật, cũng để dùng về việc sơn vẽ tượng Phật. Các thứ dược thảo v.v... nên để trong

kho chúng Tăng, được cúng cho người bệnh. Còn các thứ trân bảo châu ngọc, chia làm hai phần : một phần chia cho Pháp, một phần chia cho Tăng.

Phần chia cho Pháp, để tả kinh Phật và sắm sửa tòa sư tử. Phần nhập về chúng Tăng, thì chúng Tăng hiện tiền, nên chia; như kinh luận thì không nên chia phải để trong Tạng kinh, chúng Tăng bốn phương được tụng chung. Còn sách của ngoại đạo thì bán đi, chúng Tăng hiện tiền được chia tiền ấy, những vật người thiếu ông có giấy tờ, nếu đòi sớm được thì nên chia, còn chưa đòi được thì giấy ấy phải để trong kho của Tăng, sau dùng về việc bốn phương Tăng.

Hoặc có vàng, bạc thành đồ hay chưa thành, hay là tiền bằng vỏ ốc, các thứ tiền đồng chia làm ba phần, chia cho Phật một phần, cho Pháp một phần, cho Tăng một phần.

Tiền của Phật đem sửa sang điện Phật và sửa tháp, còn hai phần kia như trước nên biết.

Hoặc Tỳ Kheo có bệnh có lời trời như vậy : "Sau khi tôi chết rồi, nên đem vật của tôi đây mà cho người kia". Đó là phép của người thế tục, không phải lời dặn gửi. Vật ấy chúng Tăng hiện tiền phải chia bằng cách đối diện trao tay, cho như vậy mới là phải. Còn tử thi kia, nên làm lễ trà tỳ, cúng dường tụng kinh, việc xong rồi, vậy sau mới chia vật.

Nếu người chết kia có gửi vật chỗ khác, thì chúng Tăng ở chỗ đó được chia vật ấy, hoặc đất tháp của hàng Thanh Văn, đệ tử Phật, vật lợi có

sinh sản ra, thì nên tu bổ cho tháp đó, nếu có dư ra, thì chúng Tăng hiện tiền nên chia.

PHẦN SAU KẾT HỎI

CHÍNH VĂN : *Thưa Đại đức, tôi đã tụng 30 pháp Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề rồi. Nay hỏi các Đại đức trong đây thanh tịnh hay không ?... (hỏi ba lần).*

Các Đại đức trong đây thanh tịnh, vì rừng yên lặng, thì việc này rõ như vậy.

CHÚ GIẢI : Văn kết trong đây cũng giải như trước, trong mỗi giới trước đều có giải hình tướng hết, nay sẽ nói tóm rõ về pháp sám hối; song, pháp sám đây sự thì chung, chúng Tăng thì riêng.

Nghĩa gồm có 3 việc xả :

1. - Xả của cải : Tức là cái duyên lia tội.
2. - Xả tham đọa : Là cái nhưng lia tội.
3. - Xả tội : Là dứt cái nghiệp sinh tử tương tục.

Nếu không xả của cải, thì phép sám hối không thành, còn tâm tham không xả, thì nhân luân hồi không dứt, tội mà không xả, thì hạnh ô nhiễm không quên. Trong ba việc này nếu thiếu một việc, thì thân tâm không thanh tịnh, được của cải vào tay nữa, thì tội càng chồng thêm, do vì thế lực tội trước nhiễm lây, sinh ra tội sau vậy.

Nên trong Tát Bà Đa Luật nói : “Y đã xả, tội đã sám hối, tâm cầu y không đoạn, hoặc đương ngày đó cho tới một tháng, được cái y đó, hay có cái khác phạm Xả đọa”.

Do vì tâm tham mỗi ngày nối luôn không dứt, liền mắc tội được y ngày đó, không cần cách ngày. Nếu xả y liền ngày đó rồi, sám hối, tâm tham dứt, ngày sau lại sinh tâm cầu y, thì không phạm. Vì tâm cầu y chặng giữa đã dứt vậy.

Nếu đã xả, tâm cầu y đã dứt, nhưng tội chưa sám hối, dầu cho trải qua nhiều ngày, được món trước, hoặc được món khác, của đó phải xả rồi sám hối tội Đột Kiết La.

Phạm khi xả, tâm phải cho thiết thật, tình không còn quyến luyến, thì hoặc được cái cũ cũng như được cái mới, hoặc làm phép thọ trì, hoặc làm phép thuyết tịnh, thì được chữa.

Nay trong 30 món xả đây, trừ hai món báu (vàng, bạc) không xả cho hàng Tỳ Kheo, còn ngọc cụ bằng tầm tơ thì phải bằm nhỏ bỏ đi.

Còn bao nhiêu tùy ở chỗ nào, hoặc xả cho chúng Tăng hoặc xả cho nhiều người, hoặc một người, không nên xả riêng chúng; nếu xả không thành xả, phạm tội Ác tác.

Khi xả cho chúng Tăng phải đem ra giữa chúng Tăng, trích y lột guốc, đối trước vị Thượng Tọa lễ một lạy, quý gối chấp tay thưa xả như vậy:

Thưa Đại đức Tăng lóng nghe. Tôi Tỳ Kheo ... cố tâm chữa (bao nhiêu, hoặc rất nhiều) nếu biết số thì nói; hoặc vải và của khác, không thể đếm được thì nói rất nhiều. Y dư quá 10 ngày... (còn bao nhiêu như là : cố tâm lìa y, những đến sự cố đem vật chúng Tăng về mình, đều phải tùy theo món, tên sự mỗi mỗi

mà thừa đó) phạm Xả đọa, tôi nay đem xả cho chúng Tăng (nói một lần rồi xả), vậy sau xin sám hối như vậy : Thừa Đại đức Tăng lắng nghe, tôi Tỳ Kheo... cố chữa (bao nhiêu... hoặc rất nhiều) y dư quá 10 ngày (còn bao nhiêu tùy món tên sự nói riêng) phạm Xả đọa, y này đã xả cho chúng Tăng (trong đây có bao nhiêu, hoặc rất nhiều), tội Ba Dật Đề, nay theo chúng Tăng xin sám hối. Xin chúng Tăng thương xót cho. Tôi Tỳ Kheo... sám hối (nói ba lần), rồi liền đối trong chúng Tăng, thỉnh một vị Tỳ Kheo thanh tịnh làm ông chủ sám. Trong Luật thiếu văn thỉnh, xét trong bản Yết Ma có đủ. Phải đủ oai nghi đến chỗ Tỳ Kheo kia, thỉnh như vậy : Thừa Đại đức một lòng chiếu cố, tôi Tỳ Kheo... cố chữa (bao nhiêu, hoặc rất nhiều) y dư quá 10 ngày (còn bao nhiêu tùy sự mà nói) phạm Xả đọa, y này đã xả cho chúng Tăng trong đây có (bao nhiêu, hoặc rất nhiều). Tội Ba Dật Đề, nay thỉnh Đại đức làm ông sám chủ, cúi xin Đại đức vì tôi, làm ông sám chủ sám hối, xin thương xót tôi (nói ba lần). Chủ sám kia không nên hứa liền, phải bạch với chúng Tăng rằng : Thừa Đại đức Tăng lắng nghe, Tỳ Kheo... cố chữa (bao nhiêu, hoặc rất nhiều) y dư quá 10 ngày (còn bao nhiêu tùy sự mà nói) phạm Xả đọa, y này đã xả cho chúng Tăng trong đây có (bao nhiêu, hoặc rất nhiều). Tội Ba Dật Đề, nay theo chúng Tăng xin sám hối; nếu giờ chúng Tăng nhóm, chúng Tăng bằng lòng cho, tôi Tỳ Kheo... thọ cái sám hối cho ông kia. Bạch như vậy tác bạch thành không ? - Đồng đáp : “Thành”.

Bạch như vậy rồi mới trả lời ông kia rằng : “Tôi xin hoan hỷ”. Ông kia phải đủ oai nghi chỉ

thành cầu khẩn và tâm quý đoạn tâm tương tục, xin cầu chứng minh tự trần tội ấy, nếu lừng lơ khinh lờn, tội ấy không dứt, phải nói lời bạch sám như vậy : Thừa Đại đức một lòng thương xót, tôi Tỳ Kheo... cố chữa (*bao nhiêu, hoặc rất nhiều*) y dư quá 10 ngày (*còn bao nhiêu tùy sự mà nói*) phạm tội Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề, y này đã xả cho chúng Tăng trong đây có (*bao nhiêu, hoặc rất nhiều*). Tội Ba Dật Đề, nay đối Đại đức xin sám hối, không dám che giấu, sám hối thì được an vui, không sám hối thì không an vui, nhớ nghĩ mình có phạm, nên phát lồ, biết không nên dám che giấu, xin Đại đức nhớ tôi thanh tịnh, giới thân cụ túc, thanh tịnh Bồ tát (*nói ba lần rồi ông chủ thọ sám đáp rằng*) : Tự trách lấy tâm ông, phải sinh lòng nhàm chán, (*ông kia phải đáp*) : “Dạ”.

Nếu vật Xả đọa, đã xài hư rồi, tuy vật không còn, mà tội phải mỗi mỗi đúng như pháp sám hối cho dứt, khi sám hối rồi, chúng Tăng phải trả lại vật cho Tỳ Kheo đó, phép trả lại có ba cách :

- 1.- Luôn cuộc đó chuyển giao lại.
- 2.- Để cách đêm rồi giao lại.
- 3.- Tức ở nơi tòa trao ngay lại.

Hoặc y dư, hoặc y một tháng, hoặc y thí gấp, chữa quá ngày, bát dư, thuốc dư, năm vật dư này, người có duyên sự phải đi thì chuyển giao lại, người không duyên sự thì phải để cách đêm mới trả lại, còn bao nhiêu thì tức ở nơi tòa trao ngay lại.

Nói có duyên sự là gì ? Chúng Tăng ở chỗ đó nhiều khó nhóm. Tỳ Kheo đó có duyên sự muốn đi

xa thì phải hỏi rằng : Y vật của ông đây giao lại cho ai ?... Tùy ông kia nói mà cho, phải bạch như vậy mà chuyển giao cho : Thưa Đại đức Tăng lóng nghe, Tỳ Kheo... cố chứa (*bao nhiêu, hoặc rất nhiều*) y dư quá 10 ngày (*còn bao nhiêu tùy sự mà nói*) phạm Xả đọa, đã xả cho chúng Tăng; nếu đến giờ chúng Tăng nhóm, xin chúng Tăng bằng lòng cho, chúng Tăng nay đem y này cho Tỳ Kheo... Tỳ Kheo kia, phải giao lại cho Tỳ Kheo...đây. Bạch như vậy tác bạch thành không ? – Đồng đáp : “Thành”.

Thưa Đại đức Tăng lóng nghe, Tỳ Kheo... cố chứa (*bao nhiêu, hoặc rất nhiều*) y dư quá 10 ngày (*còn bao nhiêu tùy sự mà nói*) phạm Xả đọa, đã xả cho chúng Tăng; chúng Tăng nay đem y này cho Tỳ Kheo... kia, Tỳ Kheo kia, phải giao lại cho Tỳ Kheo... này. Các vị Trưởng lão nào bằng lòng cho, Tăng đem y này cho Tỳ Kheo... kia, Tỳ Kheo... kia sẽ giao lại cho Tỳ Kheo... đây, thì lắng lặng, Còn vị nào không bằng lòng thì nói. Yết Ma thành không ? – Đồng đáp : “Thành”.

Tăng đã bằng lòng giao cho Tỳ Kheo ... kia rồi, vì Tăng đã bằng lòng nên yên lặng, thì việc này rõ như vậy.

Tăng Kỳ Luật nói : Trong hàng Tỳ Kheo tri thức kia, trong chúng Tăng được cái y đó rồi, ở chỗ khuất đưa nhau, nếu không phải 5 thứ y dư, thì liền ngay ở nơi tòa giao lại, và thật 5 món dư để cách đêm rồi, đều đồng thưa như vậy : “Thưa Đại đức Tăng lóng nghe, Tỳ Kheo... cố chứa (*bao nhiêu, hoặc rất nhiều*) y dư quá 10 ngày (*phạm giới khác tùy sự*)

mà nói phạm Xả đọa, y này đã xả cho chúng Tăng; nếu đến giờ chúng Tăng nhóm, xin chúng Tăng bằng lòng cho, chúng Tăng nay đem y này giao lại cho Tỳ Kheo... Bạch như vậy tác bạch thành không ? – Đồng đáp : “Thành”.

Thưa Đại đức Tăng lắng nghe, Tỳ Kheo... cố chữa (*bao nhiêu, hoặc rất nhiều*) y dư quá 10 ngày ... phạm Xả đọa, y này đã xả cho chúng Tăng, Tăng nay đem y này trả lại cho Tỳ Kheo... Các vị Trưởng lão nào bằng lòng, cho Tăng đem y này trả lại cho Tỳ Kheo... thì lắng lặng, Còn vị nào không bằng lòng thì nói. Yết Ma thành không ? – Đồng đáp : “Thành”.

Tăng đã bằng lòng giao y lại cho Tỳ Kheo... rồi, Vì Tăng đã bằng lòng nên yên lặng, thì việc này rõ như vậy.

Chuẩn theo các bộ Luật : Tất cả vật phạm đó, phải cách một đêm mới giao lại cho người chủ.

Trong Căn Bản bộ : Đến ngày thứ ba mới giao lại, cần yếu ở trong chặng giữa, cũng phải cách một ngày.

Nếu đối trong chúng Tăng xả vật rồi, nếu không trả lại, nhân đến thường đáp cho hư, đều phạm tội Đột Kiết La.

Hoặc ở trước ba thầy Tỳ Kheo mà sám hối, thì phải đến chỗ ba thầy Tỳ Kheo thanh tịnh, đủ oai nghi mà xả, bạch như vậy : Thưa Đại đức Tăng một lòng thương xót, tôi Tỳ Kheo... cố chữa (*bao nhiêu, hoặc rất nhiều*) quá 10 ngày, phạm Xả đọa, tôi nay xả cho các Đại đức (*nói một lần*).

Xả rồi phải sám hối bốn tội, trước phải thỉnh một ông chủ sám, văn thỉnh như trên, ông chủ sám phải hỏi hai Tỳ Kheo kia rằng : Nếu hai vị Trưởng lão cho, tôi thọ Tỳ Kheo... sám hối, thì tôi sẽ thọ. Hai Tỳ Kheo kia đáp rằng : “Được”. Ông chủ sám trả lời lại với người có tội kia như vậy : “Tôi xin hoan hỷ”.

Đã hứa rồi vậy sau mới sám hối, lời sám đồng như trước, và cách trả y lại, phải làm y như trước v.v...

Nếu đối với hai thầy Tỳ Kheo mà sám, thì văn sám cũng đồng với văn sám ba thầy không có chi khác. Còn văn sám đối với một thầy, chỉ trừ văn hỏi thầy đứng một bên (*người thứ hai*), bao nhiêu đồng y như trước. Song tội Xả đọa này, khi phạm không phát lồ liền, và mặc dùng vật phạm, bèn có tội từng sinh che giấu và đặng phần tội.

Như trong San Bồ Yết Ma nói : Hết thầy có 8 phẩm Đột Kiết La, hai phẩm Căn bản, hai phẩm Tùng sinh, hai phẩm Phú tàng, hiệp lại có 6 phẩm và đặng phần tội. Hai phẩm đầu che giấu tội Căn bản nên sinh ra tội đọa, hai phẩm giữa, che giấu tội đắp dùng y bất tịnh mà sinh ra, hai phẩm sau che giấu tội khi chúng Tăng tụng giới im lặng mà sinh ra, đều cách đêm đầu, đến đêm thứ hai sắp lên, mà sinh ra.

Nếu căn cứ trong bản Tử Phần Yết Ma rút ra, thì tổng kết hết cả thầy các tội từ đầu chí cuối, các ngôi sai khác, gồm có 12 ngôi, mỗi ngôi có ba tội.

1.- Ngôi thứ nhất có 3 tội là gì ? Nghĩa là: chứa dư phạm Ba Dật Đề và Căn bản, triển chuyển, là hai tội che giấu.

2.- Ngồi thứ nhì cũng có 3 tội là chi ? Nghĩa là : Khi chúng Tăng tụng giới tự nói thanh tịnh, phạm một tội Ba Dật Đề và hai tội Phú tàng.

3.- Ngồi thứ ba cũng có 3 tội là gì ? Nghĩa là : Khi đối thú tụng giới, tự nói thanh tịnh, phạm một tội Ba Dật Đề và hai tội che giấu.

4.- Ngồi thứ tư có 3 tội là sao ? Nghĩa là : Khi chúng Tăng làm lễ Tự tử, đáp thanh tịnh phạm tội Ba Dật Đề và hai tội che giấu.

5.- Ngồi thứ năm có 3 tội là chi ? Nghĩa là : Khi đối thú Tự tử nói thanh tịnh, phạm một tội Ba Dật Đề và hai tội che giấu.

6.- Ngồi thứ sáu có 3 tội là chi ? Nghĩa là : Tự mình có tội, vì chúng tụng giới, phạm một tội Đột Kiết La, hai tội che giấu.

7.- Ngồi thứ bảy có 3 tội là gì ? Nghĩa là : Tự mình có phạm, không nên nghe giới, phạm một tội Đột Kiết La, và hai tội che giấu.

8.- Ngồi thứ tám có 3 tội là gì ? Nghĩa là : Khi chúng Tăng tụng giới, hai chỗ (*nhị bất định*), ba lần hỏi lẳng lẳng, phạm một tội Đột Kiết La và hai tội che giấu.

9.- Ngồi thứ chín có 3 tội là sao ? Nghĩa là : Khi tâm niệm tụng giới, tự nói thanh tịnh, phạm một tội Đột Kiết La và hai tội che giấu.

10.- Ngồi thứ mười có 3 tội ra thế nào ? Nghĩa là : Khi tâm niệm Tự tử, tự nói thanh tịnh, phạm một tội Đột Kiết La và hai tội che giấu.

11.- Ngôi thứ mười một có 3 tội là ra thế nào ? Nghĩa là : Tự mình có tội, thọ người khác sám hối, phạm một tội Đột Kiết La và hai tội che giấu.

12.- Ngôi thứ mười hai có 3 tội như thế nào ? Nghĩa là : Đắp dùm y Xả đọa, phạm một tội Đột Kiết La và hai tội che giấu.

Những tội này hoặc có hoặc không, mình phải suy xét, tùy có phạm lỗi nhiều ít, cứ theo văn mà tác bạch, nay pháp sám hối có chia ra ba ngôi :

Ngôi thứ nhất : Sám chung hai mươi bốn tội che giấu. Nghĩa là : Bắt đầu từ Căn bản Ba Dật Đề, cho đến ngôi thứ 12 là đắp dùm y Xả đọa, mỗi ngôi sau tội Đột Kiết La có hai tội Phú tàng cũng do vì các tội (12 ngôi) này, chủng loại đồng nhau.

Ngôi thứ hai : Sám chung tội không nên tụng giới v.v... 7 ngôi tội Đột Kiết La, cũng vì có 7 tội này chủng loại đồng nhau.

Ngôi thứ ba : Sám chung tội chứa dư v.v... năm ngôi tội Ba Dật Đề. Vả chẳng như muốn sám hối, phải trước sám hối tội che giấu và tội từng sinh, kế đó sám luôn tội Căn bản, nay đây trước sám 24 tội che giấu, phải tâm chí thành cầu khẩn, đủ oai nghi tác bạch như vậy :

1.- Tôi Tỳ Kheo chứa (bao nhiêu, hoặc rất nhiều) y dư, quá 10 ngày (bao nhiêu, hoặc rất nhiều) tội Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề.

2.- Đã phạm tội này, khi chúng Tăng tụng giới, tôi nói thanh tịnh phạm thêm (bao nhiêu) tội Ba Dật Đề.

3.- Khi đối thủ tụng giới, tôi nói thanh tịnh, phạm thêm (*bao nhiêu*) tội Ba Dật Đề.

4.- Khi chúng Tăng Tự tứ, tôi nói thanh tịnh, phạm thêm (*bao nhiêu*) tội Ba Dật Đề.

5.- Khi đối thủ Tự tứ, tôi nói thanh tịnh, phạm thêm (*bao nhiêu*) tội Ba Dật Đề.

6.- Tự tôi có tội, vì chúng Tăng tụng giới, phạm thêm (*bao nhiêu*) tội Đột Kiết La.

7.- Tự tôi có tội, không nên nghe giới, mà tôi cố tới nghe, phạm thêm (*bao nhiêu*) tội Đột Kiết La.

8.- Khi chúng Tăng tụng giới, “hai chỗ” hỏi ba lần, tôi dối làm im phạm thêm (*bao nhiêu*) tội Đột Kiết La.

9.- Khi tâm niệm tụng giới, tôi nói thanh tịnh, phạm thêm (*bao nhiêu*) tội Đột Kiết La.

10.- Khi tâm niệm Tự tứ, tôi tự nói thanh tịnh, phạm thêm (*bao nhiêu*) tội Đột Kiết La.

11.- Tôi tự có tội, thọ cho ông kia sám hối, phạm thêm (*bao nhiêu*) tội Đột Kiết La.

12.- Tôi đắp mặc y Xả đọa, phạm thêm (*bao nhiêu*) tội Đột Kiết La.

Các tội này tôi đều hiểu biết hết, mà cố không phát lồ, trải cách đêm, phạm tội Đột Kiết La che giấu, tôi không nhớ số (*biết số phải y số mà nói*) qua đêm thứ hai sắp tới, phạm tội Đột Kiết La. Tùy triển chuyển che giấu không nhớ số (*nhớ thì phải nói*). Tôi nay sám hối không dám che giấu, sám hối thì an

vui, không sám hối thì không an vui, nhớ nghĩ mình có phạm, nên phát lồ, biết nên không dám che giấu, tôi nay tự trách lấy tâm tôi và sinh lòng nhàm chán (nói một lần).

Tuy nói tự trách lấy tâm, nhưng phải kể bày cho đủ, thân phải lễ bái chí thành, miệng phải khấn cầu tha thiết và ý phải hối hận ăn năn, thì tội mới tiêu dứt, tuy là tự trách, nhưng phải đối ông kia cầu xin chứng minh.

Đây không đồng với tội Đột Kiết La phạm lầm, tự trách lấy tâm ăn năn mà thôi. Nếu căn cứ nơi bộ San Bồ và các bộ Luật khác, đều phải đối với ông kia, cầu ông trách giùm. Các tội sau cũng điều lệ theo tội này. Kế đây sám từ tội không nên tụng giới v.v... 7 ngôi Đột Kiết La, phải đủ oai nghi, bạch như vậy : “Tôi Tỳ Kheo... cố chữa (bao nhiêu) y dư quá 10 ngày (tùy theo giới khác đối nói) phạm (bao nhiêu) tội Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề”.

1.- Đã phạm tội này, lại vì chúng Tăng tụng giới, phạm thêm (bao nhiêu) tội Đột Kiết La.

2.- Lại tự tôi có tội, không nên nghe giới, mà tôi cố tới nghe, phạm thêm (bao nhiêu) tội Đột Kiết La.

3.- Khi chúng Tăng tụng giới, hai chỗ, ba lần hỏi, phạm (bao nhiêu) tội Đột Kiết La.

4.- Khi tâm niệm tụng giới, tự nói thanh tịnh, phạm thêm (bao nhiêu) tội Đột Kiết La.

5.- Khi tâm niệm Tự tứ, tự nói thanh tịnh, phạm thêm (bao nhiêu) tội Đột Kiết La.

6.- Chính tôi có tội, lại thọ cho ông kia sám hối, phạm thêm (bao nhiêu) tội Đột Kiết La.

7.- Đắp dùng y xả đọa, phạm thêm (bao nhiêu) tội Đột Kiết La. Tôi nay xin sám hối.

Nhưng đến câu tự trách lấy tâm, và sinh lòng nhàm chán đồng như trên (nói một lần), sám hối rồi mới sám hối tội y dư v.v... 5 ngôi Ba Dật Đề, phải đủ oai nghi, đối với ông sám chủ bạch như vậy :

Thưa Đại đức một lòng thương tưởng, tôi Tỳ Kheo... cố chữa (bao nhiêu) y dư quá 10 ngày (nếu phạm giới khác thì tùy theo đối nói) phạm Xả đọa:

1.- Y này đã xả cho chúng Tăng, trong đây có (bao nhiêu) tội Ba Dật Đề.

2.- Tôi đã phạm tội này, khi chúng Tăng Bố tát, tôi lại nói thanh tịnh, phạm thêm (bao nhiêu) tội Ba Dật Đề.

3.- Khi đối thú tụng giới, tôi nói thanh tịnh, phạm thêm (bao nhiêu) tội Ba Dật Đề.

4.- Khi chúng Tăng Tự tứ, tôi nói thanh tịnh, phạm thêm (bao nhiêu) tội Ba Dật Đề.

5.- Khi đối thú Tự tứ, tôi nói thanh tịnh, phạm thêm (bao nhiêu) tội Ba Dật Đề.

Nay tới Đại đức xin sám hối, không dám che giấu, sám hối thì được an vui, không sám hối thì không an vui, nghĩ nhớ có phạm nên phát lồ, biết nên không dám che giấu, xin Đại đức ức niệm tôi thanh tịnh giới thân cụ túc, thanh tịnh Bố tát (nói 3

lần, rồi ông chủ sám bảo rằng) : Ông phải tự trách lấy tâm mình và sinh lòng nhàm chán. Đáp : “Dạ”.

Nếu không có tội tùng sinh, che giấu v.v... cứ theo văn trước mà bạch. Nếu vì sợ ông sám chủ lật đật khó biết, nên biên sẵn văn này.

Những ông thọ sám hối, cần phải dự gạn hỏi trước, có phạm bao nhiêu tội phú tàng, tùng sinh v.v... và phải nói rành rẽ nào danh tội, chủng tội, tính tội, vậy sau mới chịu làm sám chủ.

Danh là gì ? Nghĩa là : Trong 6 tụ, mỗi tên giới khác nhau.

Chủng là gì ? Tức là chứa y dư, lý y, 30 việc, mỗi việc có khác.

Tính là chi ? Nghĩa là : Một hay nhiều không đồng cho nên trong Luật nói : một tên có nhiều món, tự tính, hay phi tự tính, trụ, biệt, dị, tính, tướng, phi tính tướng v.v...

BỘ TỬ PHẦN GIỚI BỐN NHƯ THÍCH

(HẾT QUYỂN SÁU)